

# THƯ GỎI CÁC BẠN SINH VIÊN

## VỀ

### “ NỀN VĂN HÓA DÂN TỘC ”

( [nghiepdoansinhvien@gmail.com](mailto:nghiepdoansinhvien@gmail.com) )

#### I.- THƯ ĐÓN CHÀO LÀN GIÓ MỚI

*Khi nhận được Điện thư của ông Huỳnh Quang Thế, chúng tôi được biết **Nghiệp Đoàn Sinh viên Việt Nam** trong nước có nhã ý tặng sách của Triết Gia ( T.G. ) Kim Định cho những người lưu tâm đến Văn hoá nước nhà, Sách do Hội Nhà Văn Xuất Bản.*

*Được tin này chúng tôi rất đổi vui mừng, vì những công trình quý báu về **Việt Nho và Triết lý An vi** của của Giáo sư ( GS ) Kim Định đã được biết đến và đang được tiếp tay phổ biến trong nước. Chúng tôi vô cùng phấn khởi, vì **Nan đề của Quốc gia Dân tộc đã được thế hệ trẻ trong nước lưu tâm theo chiều hướng Văn hóa.***

*Để phổ biến công trình, Hội An Việt chúng tôi cũng đã làm cách nay trên dưới 30 năm. Các Anh Chị Em trong gia đình An Việt Houston do Ông Nguyễn Duy Quang ( Đã qua đời ) và Ông Nguyễn Kim Luân đã vận động Anh Chị Em trong Gia đình An Việt xuất tiền túi in một số sách của Kim Định biếu tặng cho độc giả, số sách in nhiều quá biếu không hết, một mặt vì là loại sách kén độc giả, hai là phổ biến chưa được rộng sâu, còn việc bán cũng chẳng được bao nhiêu, vì sách bàn về những vấn đề quá cũ thành ra quá mới đối với lớp trẻ, hai nữa vấn đề vừa rộng vừa sâu, nếu không kiên trì học hỏi lâu dài thì khó bao quát được, nên nhiều người tìm hiểu một thời gian cũng đã bỏ cuộc.*

*Lại nữa, Văn hoá chỉ cung cấp cho chúng ta **Chính lược Quốc gia**, để từ đó các nhà làm Chính trị dựa theo “ **Tinh thần Chính lược** “ hay “ **Chủ đạo Hòa của Dân tộc** “ kết hợp với **Tình trạng đương thời của Quốc gia Dân tộc mà hoạch định “ Chiến lược và Chiến thuật “** cụ thể, chứ không là những kiến thức thuộc loại cao tốc hay mì ăn liền có thể xài ngay.*

***Chính lược Quốc gia** chẳng khác nào cái La bàn trên con tàu **Quốc gia** đang di chuyển trên đại dương sóng gió, nếu mất hướng thì con tàu sẽ gặp nạn lớn, cụ thể là hơn 70 năm nay, con Tàu Việt Nam đã lạc hướng vào Tam giác quỷ. **Chính lược Quốc gia** là vấn đề quan trọng hàng đầu, nhưng tới nay, xem ra vẫn còn chưa được quan tâm đúng mức !*

Trước đây Hội An Việt toàn cầu do Ông Trần Quý Minh làm Gia trưởng, Ông Vũ Khánh Thành lập và điều hành trang mạng anviettoancau.net ở Anh quốc, đã thuê đánh máy hết 33 cuốn và đăng lên trang mạng, sau một thời gian thì trang mạng bị đánh sập đã mấy năm nay.

**Hiện nay trang vietnamvanhien.net ở Úc Châu, Ban Giám đốc cùng ông Nam Phong đã đăng tải đầy đủ 33 cuốn của T. G. Kim Định và hàng ngàn tác giả khác để cung cấp nhiều tài liệu Văn hoá cho độc giả bốn phương.**

Đề chào đón hảo ý và nhiệt tâm của các bạn Sinh viên, nhờ có địa chỉ email, chúng tôi mới có dịp viết 3 lá thư dưới đây trao đổi một vài vấn đề với các Bạn Sinh viên Nam Nữ trong nước, tuy biết là dài lời sẽ làm phiền quý Vị, nhưng thiết tưởng phần nào có thể giúp quý Vị có cái nhìn bao quát hơn tránh khỏi bỡ ngỡ bước đầu, khi thật sự muốn đi sâu vào công trình của Kim Định.

**Thưa các bạn,**

T. G. Kim Định tuy là một Linh mục, nhưng xuất phát từ **Luong tâm của một Công dân yêu nước “ Sống Đạo giữa Đời “**, cảm thấy không thể sống mãi trong Quốc nạn và Quốc nhục triền miên, khiến Công dân Kim Định cũng đã thốn thức suốt cuộc đời, khi nào cũng thở than là không kịp nữa rồi! ( Với niềm tin là Không kịp đem Văn hoá Dân tộc vào cuộc sống mà cứu nước )

T.G. đã nhận ra rằng: **Nạn đề của Dân tộc không chỉ nằm trong lãnh vực Chính trị, Giáo dục, Kinh tế. . . , mà nằm ngay ở lãnh vực Văn hoá**, vì Văn hoá là mạch sống của Dân tộc, khi mạch sống Dân tộc có bị suy yếu thì con Người mới yếu hèn theo, như nay đã có **Châm ngôn phổ biến ” Hèn với Giặc, Ác với Dân “** nên rút cuộc **nạn đề của Dân tộc nằm ngay ở con Người, ở Nhân Tình và Nhân Tính của con Người**. Mọi việc Tốt Xấu trong Gia đình và ngoài Xã hội đều do con Người làm ra.

**Nên nhớ, đã là con Người, không nhiều thì ít ai ai cũng bắt toàn cả, nếu không biết tu Thân để ăn ở từ tế với nhau thì mới gây nạn cho nhau và cho Dân tộc.**

**Vậy khi nền Văn hoá đã suy đồi thì phải tìm cách canh tân lại nếp sống của Dân tộc. Tinh hoa của Văn hoá Tổ Tiên đã giúp Dân tộc tồn tại qua trường kỳ Lịch sử, lại nữa: “ Trâu đồng nào ăn cỏ đồng này “, không thể nào không Phục hoạt lại nền Văn hóa Dân tộc mà cứ chạy quanh những hiện tượng rối ren bên ngoài, việc này cần thiết hơn là lấy cái Mới lạ bên ngoài mà thay thế vào, vì toàn dân “ chưa thể “ đồng hoá trong thời gian ngắn . Học hỏi thêm tinh hoa mọi mặt của nước ngoài là điều cần, nhưng phải chọn lọc thứ thích hợp và được “ toàn dân chấp nhận “ mới có ích. Cứ xem cuộc canh tân của nước Nhật để rõ, đó là vấn đề “ A nation in search of itself : cây đũa thần nằm chính cốt ở ngay trong nước mình “**

T.G. Kim Định đã dành 50 năm, tìm tòi, lục lọi, đào xới những tài liệu Đông, Tây, Kim, Cổ để khai quật lên những mỏ nguyên liệu Triết Việt mà xưa nay nhiều người cứ tin là Việt Nam không có Văn hoá, nhất là không có Triết, có chăng là học Tàu, học Tây mà ra, khi tìm ra thì thực tế lại trái ngược !.

Công trình Việt Nho và Triết lý An vi của Kim Định rất độc đáo, đề cập tới nhiều vấn đề mới lạ, tìm tới ngọn nguồn của Văn hoá Tổ Tiên từ thời Văn hóa Hoà bình, khai ra những cuộc đạo Văn hoá Cổ Kim làm tiêu trầm Văn hóa Tổ Tiên của Đại Hán, công trình làm đảo ngược niềm tin xưa nay, khiến cho nhiều vị Trí thức bị sốc nhất là các vị Hán Nho.

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc nhỏ bé, sống cạnh một nước Khổng lồ, các nhà cầm quyền Tàu liên tiếp dùng chính sách vô cùng “ Tham tàn và Cường bạo “ ( còn nhân dân Trung hoa đã số đều thuộc đại chủng Việt của chúng ta ) để “ Tiêu diệt Dân tộc Việt Nam “ suốt 4715 năm, thế mà không Đồng hoá nổi Dân tộc nhỏ bé sát nách..

Một câu hỏi lớn được đặt ra, nhờ đâu mà Dân tộc Việt Nam còn tồn tại đến ngày nay?

Phải chăng là Việt Nam đông dân, của nhiều, vũ khí lắm, lẽ đương nhiên là không, mà sức mạnh đó nằm ngay ở Tinh thần Bất khuất của nền Văn hoá Dân tộc.

Với Lòng rộng Trí sâu và niềm Tin sắt đá trên, một mình một ngựa, T. G. Kim Định lâm lũi trong Không gian và Thời gian mất hút mãi miết kiếm tìm, khổ nổi nền Văn hoá Dân tộc đã bị vùi lấp hàng ngàn thế kỷ dưới lớp Bụi Thời Không của Hán Nho đã 4700 năm, kể từ Hiên Viên Hoàng Đế Thủy Tổ của nước Trung Hoa, rồi tới 80 năm độ hộ Pháp với Văn chương lãng mạn và Triết học Duy lý Tây phương vùi lấp, trộn lẫn, rất khó nhận diện..

Theo T. G. Kim Định, sở dĩ Dân tộc Việt Nam gặp phải nan đề suy thoái hiện nay là do bị Hán Nho cả vú lấp miệng em, làm quên Gốc, rồi học Tàu và học Tây thiếu chọn lọc, gây ra nạn “ Lạc Hồn Dân tộc “ khiến cho một số con Dân Việt Nam đã quên Gốc Tổ Tiên, rước Tổ Tàu Tổ Tây xa lạ với Độc dược về thờ mà đầu độc con Người, nên không còn nhận ra nhau là Đồng bào nữa. Nạn Khôn Độc Đại Đoàn cũng như Tham Dĩa Bỏ Mâm đang là nan đề phá nát tinh thần đoàn kết Dân tộc.

Nếu đi sâu vào lòng Dân tộc Việt Nam thì nền Văn hoá Dân tộc đang còn là làn sóng ngầm luân lưu nơi huyết quản mọi con dân Việt Nam.

Chúng ta thấy vừa đây có một đại Trí thức khi bị Ban Kiểm tra Trung Ương kỷ luật vì “ Tự Diễn biến “ nên mới tuyên bố bỏ đảng, một số trí thức khác hưởng ứng theo, trong khi đó, các thanh niên nam nữ vừa tuổi đôi mươi đã được đảng “ Trông người “ suốt 42 năm, thế mà còn nhận được rõ ràng bản chất của đảng CSVN !

**Phải chăng đó là Lòng họ đang còn có chút Lương tâm sót lại của “ con Người Văn hóa Việt Nam ” đã giúp họ Thức mà Tỉnh.**

*Vậy muốn cứu nước hữu hiệu, tiên vàn Dân tộc Việt Nam cần phải **phục hoạt lại nền Văn hoá siêu việt của Tổ Tiên** mà ít Dân tộc có được ( Theo GS Kim Định ) , do đó mà **nhu cầu khẩn thiết là Dân tộc phải hoàn thành cho được Bộ sách Văn hoá Dân tộc để neo Hồn thiêng Sông Núi lại với mọi con dân Việt.***

**Như vậy khởi điểm của GS. Kim Định là Tinh thần Công dân yêu nước và Đáo điểm của Kim Định là Việc hình thành cho được “ Bộ sách Thái Hòa Dân tộc “ để định hướng cho sự Tôn vinh và Phát triển của Dân tộc.**

*Đây là công việc dài hơi, khó khăn và tốn kém, nhưng không thể bỏ qua, không thể vội vã, vì đây là cái Gốc cũng như cái Ngọn của Tinh thần Dân tộc. Bộ sách Dân tộc này cũng giống như cuốn Thánh kinh của Do Thái.*

**Bộ sách giúp con Dân canh tân cuộc sống, xây dựng lại Tinh thần đoàn kết Dân tộc để cùng nhau chung Lòng, chung Trí, góp sức, cùng hướng về Sinh lộ của Dân tộc mà cứu và dựng nước.**

*Công việc thì rất bề bộn và khó khăn mọi bề, một mình GS. Kim Định, không thể làm nổi. Tuy GS cũng đã lập ra Hội An Việt nhiều nơi ở nước ngoài để tiếp tục công trình, chúng tôi cũng gắng công, nhưng cũng chỉ làm được bấy nhiêu, nhưng nay nhiều vị trong Hội đã già yếu không thể tiếp tục.*

**Có lẽ là đây là Cơ Duyên để xin trao gánh nặng cho quý Vị trong nước, chỉ có tầng lớp Sĩ phu và Lớp Trẻ trong nước đông đảo, đầy nhiệt huyết và đầy Khả năng và có đủ tài liệu tra cứu mới làm nổi, GS Kim Định đã mở đường khai lối, hằng mong quý Vị chấp nhận mà tiếp tay.**

*GS. Kim Định đã đề nghị soạn thảo cho được Bộ sách Dân tộc phải gồm có Bốn Pho: Pho Kinh, Pho Triết, Pho Sử và Pho Văn.*

*Chúng tôi xin trích một ít về các vấn đề liên quan trong công trình của GS Kim Định để gợi ý:*

### **Sách Dân tộc**

**“ Những yếu tố làm nên Dân tộc như Đất đai, Giòng máu, Tiếng nói tuy quan trọng, nhưng một Cơ sở Tinh thần làm cho Dân tộc được vững mạnh và trường tồn lại quan yếu hơn.**

**Sứ mạng của nền giáo dục Quốc gia chính là gây dựng yun trời cho Cơ sở Tinh thần nói trên. Nó làm cốt tuỷ cho cái gọi là Huấn linh, tức là huấn luyện cho Dân nước có một cái Hướng sống lý tưởng. Để chu toàn Sứ mạng trên, điều cần trước hết là phải có Bộ Sách Dân Tộc. Mà đã là sách Dân tộc thì phải có Kinh Điển.**

**Sách Kinh điển** phải hội đủ các điều kiện sau: **Nhân bản, Tâm linh, Giải phóng, Bình dân và Trường tồn** ( lâu đời ), như đã bàn ở trên.

**Triết lý** là những sách bàn về Đạo lý hàm chứa trong Kinh Điển, bằng đưa ra một số khía cạnh nào đó, bàn cho xác đáng và có lý giải, vì thế **Triết lý không đáp ứng đủ năm điều kiện trên kia, thí dụ lời văn có luận chứng gãy gọn, hệ thống, chứ không là lời văn âm u hàm hồ của Kinh Điển.**

Triết lý thường xuất hiện về sau, không bao gồm được những thế hệ xa xưa như Kinh Điển. Vì thế, **Kinh điển chỉ có Một mà Triết lý thì có Nhiều**: mỗi giai đoạn cần một Triết lý mới, Viễn Đông đã có những nền Triết lý của Mạnh Tử, Tuân Tử, Đổng Trọng Thư đời Hán, rồi Chu Trình đời Tống và Vương Dương Minh v. v. . .

**Khi Triết lý không y cứ trên Kinh Điển, thì thường bàn tùm lum những vấn đề ngoài Thân Tâm con Người và ta sẽ gọi là Triết học, thí dụ Triết học duy niệm của Tây Âu.**

Sau triết lý là **Văn chương** như Thơ, Phú, Tiểu thuyết, Tuồng, Kịch . . . , nó có nhiệm vụ nhắc nhở đến Đạo lý cho người đã học và đang bận những việc khác không còn thì giờ rảnh rỗi để học, đúng hơn đã học về căn bản rồi, nay cần học hỏi để phát triển thêm.

**Văn chương thuộc Văn hoá hậu trường**, nên phải viết một cách nghệ thuật, nghĩa là dùng những câu nói khéo, những ý tưởng đẹp và lời cuốn, để cho người ta dễ nghe, dễ chấp nhận. Cũng vì thế mà Văn nghệ phải thay đổi dạng thức luôn luôn, nên **Văn nghệ năng thay đổi hơn Triết.**

**Văn nghệ đổi Mười, Triết chỉ đổi Một Hai, còn Kinh Điển không bao giờ thay đổi. Vì thế mà Kinh Điển là sợi giây nối kết các thế hệ khác xa nhau rất nhiều.** Sự phân biệt trên giúp ta giải quyết những thắc mắc giữa Tiên hoá và Truyền thống.

**Về phía trung thành với Truyền thống đã có Kinh, còn phía Tiên hoá theo thời đã có Truyền tức là Triết lý và Văn nghệ. Tiên nhân chúng ta đã phân ra : Kinh , Sử , Tử , Truyền hay cách khác là Kinh, Triết, Sử, Văn.**

## 1.- Kinh

**Kinh tức là Kinh Điển** ( canon ) gồm những sách nền tảng nhất đóng vai trò của Thánh Kinh trong các Tôn giáo. Chúng ta không có Thánh Kinh thì phải có Kinh Điển theo nghĩa sách bao gồm các “ Kinh ” nghiệm sống của người xưa, tàng chứa những Chân lý sâu xa mà chúng ta phải coi như Điển chương, như mẫu mực, phần mà ai cũng học hay ít ra phải đọc, phải có trong gia đình để một nơi đáng kính. Những sách thuộc về Kinh Điển Việt Nam, ta có thể kể :

a.- Một số truyền kỳ thuộc thời Hồng Bàng như : “ Lĩnh Nam chích quái ” Việt Điện u linh “, Truyền kỳ mạn lục ” . . .

b.- Một số sách Nho giáo là của chung của dân tộc Viễn Đông, mà Bách Việt đã đóng góp một phần quan trọng, đó là di sản cổ cựu quen thuộc và đáp ứng được tất cả năm tiêu chuẩn của sách Kinh, **những sách do các Thánh nhân viết thì gọi là Kinh, các hiền giả thuật lại lời Thánh nhân thì gọi là Truyện** ( Thánh nhân chế tác viết Kinh, Hiền giả trứ thuật viết truyện ) Đó là các quyển như Tam Tự kinh, Minh Tâm bảo giám, Đại học, Trung Dung,

**Luận Ngữ, Mạnh Tử, ngũ Kinh như Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu, Kinh Phật giáo, Đạo Đức Kinh & Nam Hoa Kinh ..**

c.- Một số **Ca dao, Tục ngữ, Ngạn ngữ** , một số **bài Thơ, bài Hát** được truyền tụng nhiều.

## 2.-Triết

**Triết là sách giải nghĩa Kinh Điển cho hợp với cảm quan thời đại.** Nó sẽ là con thoi đi từ Kinh Điển vào đời sống cũng như vào Sử Văn, giúp cho tất cả thêm phần ý thức sâu xa về Đạo, về Đời. Nó cũng đóng vai trò Hiện đại hoá kinh sách như Văn, nhưng khác ở chỗ đi tận nền và cách bao quát, có hệ thống. **Thiếu Triết thì Kinh trở nên mớ chữ chết khô.**

**Nói tóm lại, ta có thể khai thác trong các Kinh Điển, trong các Truyện trên để tìm ra những điểm chính về Nhân sinh quan và Vũ trụ quan của Tổ tiên ta.**

## 3.- Sử

Nói đến đây là muốn Sử chỉ một bản tóm lược, thường là bản văn dùng làm “**khung lịch sử**” chung cho mọi người trong nước hầu như thuộc lòng, bất kỳ ai dù thất học cũng phải đọc qua. Vì thế nó phải có địa vị trong bộ sách Dân tộc. Quyển sử này không thay thế những sách Sử Địa từ Trung cấp trở lên đến Đại học và các pho Sử bác học. Những loại này thuộc Văn học sẽ tùy thời, tùy tài giáo khoa hay những khám phá mới mà thay đổi.

**Sử nói ở đây chỉ là bản tóm nên cần vắn tắt, kiểu như Tam Tư Kinh, hay “Đại Nam quốc sử diễn ca hoặc một phần quyển “Thiên Nam ngữ lục” hoặc làm ra một quyển bằng văn vần, ngũ ngôn chẳng hạn.**

Một khi được chấp nhận thì không nên đổi nữa, để giữa đồng bào có thêm “mối tình giáo khoa”, vì ai cũng học theo đó, lấy đó làm khung ( để chấp nhận hay tranh luận ) làm tiêu điểm.

Ta chỉ cần viết lên những mốc biến chuyển lớn của lịch sử để ta thấy được những nét chính của sinh hoạt Dân tộc ta. Nên ta có được một cuốn Việt Sử ca gọn gàng cho dễ học và dễ nhớ hầu ai cũng thích đọc và học thì quý lắm.

## 4.-Văn

Cũng là một lối mở rộng Kinh vào Đời sống như Triết nhưng không theo lối lý luận chặt chẽ như Triết mà đi theo lối Nghệ thuật như thi Ca, Tiểu thuyết, Tuồng kịch, hoặc nghiên cứu kiểu Văn học. Như vậy Văn ở đây hiểu theo hai nghĩa :

Trước hết là những **áng văn kiệt tác**, trong dĩ vãng gọi là nhân văn cổ điển ( classics ), thí dụ truyện Kiều. Phần này một khi được vào sổ bộ, thì cũng bất biến, nhưng không buộc mọi người đọc ít ra tất cả, vì thế có nhiều cổ điển, không hạn chế số.

Hai là **những động tác Văn học, Văn hoá Văn nghệ đi sát thời cuộc**, cũng như đi mạnh vào chi tiết, vào từng khía cạnh. Phần này biến chuyển luôn, thí dụ từ Nam Phong rồi đến Tự Lực Văn Đoàn cho đến ngày nay, ít ra có ba giai đoạn văn học.

Văn theo nghĩa này thì chúng ta không thiếu, ngay cả trong cảnh ty nạn cũng được gọi là khá phong phú; chỉ cần duy trì và gia tăng phẩm chất. Tóm lại theo nghĩa hai thì đã và đang có rất nhiều và hay biến đổi.

Về sau, mỗi giai đoạn chỉ để một vài đại biểu để trở thành cổ điển .

Triết cũng thay đổi nhưng tới hạn lâu hơn nhiều, mỗi giai đoạn có thể bao gồm nhiều trăm năm, thí dụ bên Tàu sau Tuân Tử, Mạnh Tử đời Chiến Quốc, thì đến Đông Trạng Thư đời Hán, rồi Chu Trình đời Tống, tiếp đến đời mới ngày nay . . . “

**Đây là một công trình to lớn và khó khăn, cần phải có sự đóng góp của nhiều người, cần phải có thời gian và nhiều công sức, nhất là phải có một Tổ chức như Bộ Giáo dục để quy tụ những người có Khả năng và Tâm huyết, và phải có đủ Tài chánh mới thực hiện được. Một số điều kiện này ở trong nước đã có, nhưng chưa có một Chủ đạo rõ ràng để khởi công. Còn ở hải ngoại, nếu chúng ta tìm được số người có một học vấn uyên thâm và quảng bác nâng đỡ chúng ta, để cho chúng ta thỉnh ý, giúp cho những bài viết của chúng ta bớt sai lầm đi. Nhưng trong thực tế hiện nay ở đây, chúng ta chưa có cái may mắn đó.**

Vậy thì chúng ta cứ bắt đầu theo khả năng khiêm tốn của chúng ta, chẳng thà chúng ta cứ bắt đầu mà không nên việc, còn hơn là chúng ta cầu toàn ngòai mà đợi, đợi cái không bao giờ sao!

Chúng tôi mạo muội, viết một số tài liệu cho các trẻ em ở cấp tiểu học trung học, may ra có giúp được chút gì cho thầy cô dạy Việt và chữ Nho, nhất là quý vị đang định cư các nước trên thế giới. Chúng tôi trích ra một số Kinh Điển làm tài liệu cho các thầy cô, rồi thu gọn lại cho các trẻ em, và góp vài ý kiến chính như là phần Triết được rút ra từ các tài liệu được trích. Phần lựa chọn bài học cũng như chương trình học là do sự sắp xếp của Thầy Cô.

**Khi đã có Bộ sách Dân tộc rồi thì ta sẽ hết lúng túng khi bảo con cháu tránh nạn vong bản, vì ta biết “ Bản ” đó nằm ở sách nào, có thể đưa cho chúng đọc để chúng không bị lúng túng trước rừng sách vở ( chắc người Việt tỵ nạn khắp nơi cảm thấy sâu xa về sự cần thiết có một bộ sách Dân tộc hơn bao giờ hết ).** Làm thế sẽ tránh được cho chúng khỏi mất nhiều thì giờ đọc những sách không mấy giá trị vừa uổng công vừa mất tin tưởng vào Dân tộc. Trái lại **khi đã có Bộ sách Dân tộc thì ta biết liền đâu là chỗ y cứ, đâu là sợi giây Tinh thần để tâm hồn được ràng buộc với các nhóm Lạc Việt sống rải rác khắp năm châu bốn biển .”**

### **Công trình soạn thảo Bộ Sách Dân tộc**

*Theo thiển ý, sau khi một số vị đã nghiên cứu tổng quát công trình của Kim Định, thì mới cùng nhau lo việc soạn thảo cho được Bộ Sách Dân tộc. Để làm được công trình to lớn và khó khăn này thì phải có Ban Tu Thư Trung Ương của Quốc gia, gồm 5 Ban chuyên viên từng lãnh Vực:*

**1.- Lãnh vực Kinh Điển** gồm quý vị chuyên Cổ ngữ về Chữ Nho ( chứ chẳng có chữ Hán nào hết ), có khả năng **Gạn Đục khơi Trong Hán Nho** trong Ngũ Kinh để **trích ra phần Vương đạo của Việt Nho, dựa trên Tiêu điểm Văn hoá Nông nghiệp và Văn hóa Du mục .**

**2,- Lãnh vực Triết** gồm phân đúc kết **Triết Đông, Triết Tây và Triết lý An vi. Triết phải được Chu tri, hầu đóng vai trò quan trọng trong mọi sinh hoạt để tránh nạn phiến diện.**

3.- Lãnh vực Sử thì có **Huyền Sử** và **Lịch sử**. **Huyền sử** là nguồn mạch của Văn hoá. **Lịch sử** là những biên cố nhằm thể hiện hiện mạch sống nơi **Huyền sử** ra ngoài xã hội.

4.- Lãnh vực Văn thì gồm **Cổ văn** và **Kim Văn** qua các Giai đoạn Lịch sử, nhưng Văn của Dân tộc là thứ “ **Văn dĩ tải Đạo** “.

5.- **Ban Điều hợp chung** gồm những vị có kiến thức tổng quát và thông hiểu một số ngoại ngữ để giúp tổng hợp Công trình của 4 Ban trên thành **Bộ sách Dân tộc** sao cho **Việt Nho** và **Triết lý An vi** thành nền **Văn hóa** có **Hệ thống Nhất quán** với môi liên hệ **Cơ thể**, mà **Dịch lý** là sợi **Chỉ Hồng** xuyên suốt công trình.

Khi đó **Bộ sách Dân tộc** mới sẽ là chiếc **La bàn** có hai **Kim Chỉ hướng**: **Nhân Bản - Tâm linh** để đưa con **Thuyền Dân tộc** về cập bến **Thái hòa** .

## Chính lược Quốc gia

Chính lược Quốc gia gồm hai cột trụ: **Nhân Bản** và **Tâm linh**:

### a.- Nhân bản

**Nhân bản** là **Gốc** của con **Người**, nơi đó mọi người đều có **Quyền được Ăn** ( Có **Tư Hữu** ) , được **Nói** ( **Tự do** ) , và có **Môi trường xã hội** giúp con **Người** có **Cơ hội** và **Phương tiện phát triển toàn diện** con **Người** để **Thành Nhân** ( **Tư cách** ) và **thành Thân** ( **khả năng**), đây là **mẫu người Nhân chủ** có **khả năng Tự chủ, tự Lực, tự Cường** để làm **Chủ Vận** hệ mình, **Gia đình** mình và **Đất nước** mình.

### b.- Tâm linh

Có đi vào **Tâm** thì mới **Linh**, **Linh** nghĩa là có thể **hiển hiện** được **bất cứ** nơi đâu như **Thần linh**, và có thể **hiển hiện** nhiều nơi cùng một lúc. Theo **Tổ tiên**, chúng ta có thể đi về **Tâm tức** là **nguồn Tâm linh** bằng cách **Quy Tư** và **Suy tư**.

**Quy tư** thuộc lãnh vực **Tĩnh** nên phải tìm **chốn yên tĩnh** và **bất động**, **tẩy sạch** vấn vương cuộc đời mà **tiếp cận** với **nguồn Sống** và **nguồn Sáng**: **nguồn Sống** thuộc lãnh vực **Vật chất**, **nguồn Sáng** thuộc **Tinh thần**. ( suy ra **Từ Trục Thủy** < **Vật chất** > / **Hỏa** < **Tinh thần** > của **Ngũ hành** ).

**Suy tư** thuộc lãnh vực **Động** của **Thế giới hiện tượng** để **khám phá** ra những **Định luật Vật chất** mà **nâng cao** mức sống.

**Tâm** không phải là quả **Tim** như trước đây **lầm tưởng**, mà ở hai **Bán cầu Não**, **Bán cầu Não Phải** Chủ **nguồn Tĩnh** ( **Nhân ái** ), **Bán cầu Não Trái** chủ về **nguồn Lý** ( **Công chính** ). Hai **Bán cầu não** được **nối kết** bởi **cầu nối Corpus Callosum** giúp hai **Bán cầu** trao đổi **Tinh Lý** với nhau theo **mẫu mực Âm / Dương Hòa**, sao cho đạt “ **Nhân / Nghĩa nhập thân** “ hay “ **Tĩnh / Lý tương tham** “ để giúp mọi người **hành xử công bằng** mà **sống Hoà** với nhau.

Xin xem **Cơ cấu** và **Chức năng** của **Não**:



## THE BRAIN

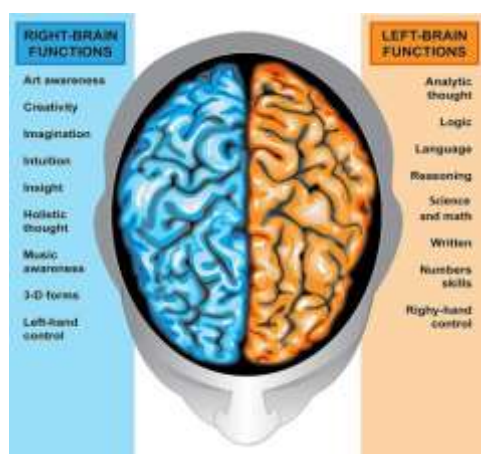
### Right Hemisphere – Corpus Callosum - Left Hemisphere

#### *The Quick Facts*

**Functions:** Responsible for control of the left side of the body, and is the more artistic and creative side of the brain

#### *The Quick Facts*

**Functions:** Responsible for control of the right side of the body, and is the more academic and logical side of the brain



**Chức năng của Hai Bán Cầu Não**

**Bán cầu não Phải: Tình: Love**

**Bán cầu não Trái: Lý: Justice**

Hiểu biết về Nghệ thuật

Tư duy Phân tích

Khả năng sáng tạo

Khả năng luận lý

Khả năng tưởng tượng

Ngôn ngữ

Trực giác

Khả năng lý luận

Óc minh mẫn

Khoa học và Toán

Chu tri

Khả năng viết lách

Hiểu biết về Nhạc

Kỹ năng về số

Dạng thức 3 chiều

Thuận tay Trái

Thuận tay Phải

## Corpus callosum

From Wikipedia, the free encyclopedia

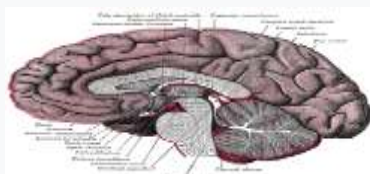
[Jump to navigation](#)[Jump to search](#)

For the films, see *\*Corpus Callosum and Corpus Callosum (2007 film)*.

### *Corpus callosum*: Cầu nối Hai Bán cầu



Corpus callosum from above. (Anterior portion is at the top of the image.)



Median sagittal section of brain (person faces to the left). Corpus callosum visible at center, in light gray

### Corpus callosum with Anatomography

The **corpus callosum** (/ˈkɔːrpəs kəˈloʊsəm/; Latin for "tough body"), also **callosal commissure**, is a wide **commissure**, a flat bundle of **commissural fibers**, about 10 cm long<sup>[*citation needed*]</sup> beneath the **cerebral cortex** in the **brains** of **placental mammals**. It spans part of the **longitudinal fissure**, connects the left and right **cerebral hemispheres**, and **enables communication between the hemispheres**. It is the largest **white matter** structure in the **human brain**, consisting of 200–250 million axonal projections.<sup>[1]</sup>

### Chức năng của Não theo Dịch Lý

*Bán cầu não Phải (←) và Trái (→) là cặp Đối cực .*

*Bán cầu não Phải chủ về **nguồn Tình** ( Feeling ). Bán cầu não chủ về **nguồn Lý** ( Thinking )*

Bán cầu não Phải có chức năng kiểm soát bên **Trái** của Cơ thể và là **Phía trội** hơn về nghệ thuật và sáng tạo của não.

Bán cầu não bên Trái có chức năng kiểm soát bên **Phải** của Cơ thể và là **Phía thiên** về Luân lý và Triết học của não.

Corpus Callosum là cầu nối hai Bán cầu não lập thành xa lộ giúp hai bán cầu trao đổi Tình / Lý qua lại với nhau sao cho cặp đôi cực **Tình / Lý tương tham** ( dual unit: 2 →1 ) hay **Tình / Nghĩa Lương nhất** hay **Nhập Thân**.

Rõ ràng Hai Bán cầu não và cầu nối corpus Callosum giúp chúng ta hiểu rõ câu : **Tình / Lý tương tham hay Nhân / Nghĩa nhập Thân**, đây là nơi hai phe **Cựu** ( nặng về Tâm linh ) **Tân** ( Thiên về Khoa học ) gặp nhau. Thực ra hai lãnh vực **Tâm linh** và **Khoa học** cũng liên kết với nhau như hai mặt của **Đồng Tiền** .

Sự hiểu biết trên giúp cho các Vị Duy Sử hết cách chê bai **Tổ Tiên** là quê mùa, cũng như nhà giáo dục soạn thảo chương trình đào tạo cũng như phương cách đào luyện con Người một cách thích hợp để **làm phát triển khả năng từng Bán cầu não** sao cho **điều hòa, hầu đạt Mục tiêu Giáo dục: Thành Nhân và Thành Thân**.

Đây là lối Giáo dục theo Dịch lý Việt cũng là lối giáo dục theo Minh triết, nghĩa là làm sao cho sáng tỏ được Triệt thượng ( **Huấn linh** để tu dưỡng nguồn Tình ) / Triệt hạ ( **Bác vấn** để có Chu Tri ( holistic knowledge ) , tránh Triết lý sờ voi ) tuy là **đối cực** nhưng có thể giao hòa hay Lương nhất. Đây là cách đào tạo con Người: “ **Có Tinh thần minh mẫn trong Thể xác khỏe mạnh : Body and Mind in One** “. Đây là cách đào tạo con Người toàn diện vừa có Tư cách vừa có Khả năng.

### Chính lược Quốc gia với Quốc kế Dân sinh

**Khi đã có bộ sách Dân tộc thì Các nhà làm Chính trị, Giáo dục, Kinh tế. . . phải căn cứ vào Chính lược Quốc gia ( tinh thần Thái hòa của Dịch lý mang tính chất Tiến bộ và ổn định ) mà hoạch định Chiến lược và Chiến thuật thích hợp với hoàn cảnh của Đất nước mà Dựng Nước và Cứu Nước.**

**Đặc biệt bộ Giáo dục phải vạch ra Hiến chương Giáo dục cũng như Chương trình Giáo dục cho các cấp để đào tạo mẫu Người Thành Nhân và Thành Thân hay con Người có Tư cách và Khả năng bằng công trình Huấn linh ( Tâm linh ) và Bác vấn ( Khoa học ) .**

**Khi đã có lớp người như vậy thì mọi công trình xây dựng Quốc gia sẽ thành công, chứ cứ Đa nguyên đa Đảng mà thiếu con Người Nhân chủ có Tư cách và Khả năng cũng như đa Đảng thiếu Nhất nguyên ( tức là Chủ đạo Hòa ) thì sẽ biến đa Đảng thành con rắn nhiều đầu quấy phá nhau, kéo Đất nước lộn quanh!**

( Các công trình của Kim Định vừa khám phá vừa viết, nên mỗi vấn đề được viết ở những cuốn khác nhau với khía cạnh khác nhau. Nên chúng tôi xin trích thêm một số ý kiến về Kinh, Triết, Sử, Văn tuy có hơi dài, nhưng để gợi ý cũng như giúp chúng ta có cái nhìn bao quát hơn, giúp đỡ phần nào cho các bạn sinh viên đỡ mất công mò mẫm từng bước trong công trình 33

cuốn còn lại của Việt Nho và Triết lý An vi như chúng tôi trước đây, các sách chúng tôi tìm tòi được rất lộn xộn, lâu lâu mới được một cuốn, không theo thứ tự sinh thành, nên gặp rất nhiều khó khăn để nhận ra các vấn đề chính cũng như mối liên quan các vấn đề. Chúng tôi học về Khoa học, không phải là môn sinh cũng như chưa một lần được gặp Giáo sư Kim Định. )

## Phần Huyền thoại

### Tinh hoa gạn lọc qua Huyền sử (Sử), Kinh Điển và Triết. Văn

#### Trình sử Nhân tộc

( Pho tượng đẹp nhất của Việt tộc: Nội dung : Mục 6. Kim Định )

#### 1.- Phân biệt Nhân thoại và Thần thoại

“ Muốn có một cặp danh xưng ngắn gọn để chỉ bản chất Việt Nho thì đó là hai chữ “ Nhân thoại ” cũng như theo dõi các động ứng của nhân thoại thì cũng là theo dõi dòng sử mệnh của nhân tộc, tức mẫu số chung lớn hơn cả trong việc thống nhất loài người.

Nhân thoại là danh xưng mới được dùng trong bộ triết lý An Vi để nhấn mạnh sự phân biệt với thần thoại.

Thần thoại cũng như Nhân thoại cả hai đều là Huyền thoại tức nói đây mà phải hiểu kia, nói “ **giao chỉ** ” thì phải vượt nghĩa đen là hai ngón chân hay ngón tay để vươn lên nghĩa siêu hình là Trời Đất giao hội.

Điểm khác căn bản giữa Thần thoại và Nhân thoại là bên Thần thoại thì con người chỉ sắm vai trò rất khiêm nhường, đã vậy thường là vật hy sinh như thấy trong các sách thần thoại Hy Lạp, nơi Prométhée bị đóng đinh trên núi Caucase; **các nhân vật trong võ ca ( epic ) chỉ là những thằng phồng do các thần giết đây, chứ không có gì tự quyết tự định đoạt.**

**Ngược lại, trong Nhân thoại thì con người làm Chủ, đóng vai chính trong chuyện: tự mình định đoạt và thường hiện thực những việc lớn lao có tầm vóc Vũ trụ như bà Nữ Oa đội đá vá trời. Xin nói ngay trong các nền Văn hoá, chỉ Việt Nho mới có Nhân thoại, các nơi khác chỉ có Thần thoại, hoặc có nhưng mới nhú lên đã bị Thần thoại cướp chỗ như vụ ông khổng lồ Ấn Độ Manusya tuy đã làm ra được sông núi, bốn mùa nhưng sau bị thần Brahma đoạt chỗ.**

#### 2.- Nhân thoại Việt Nho

Vậy ta hãy trở lại Nhân thoại Việt Nho để quảng diễn Nhân tộc. Sở dĩ phải đưa ra cặp danh xưng mới là vì cho tới nay vụ này không được khám phá, nên cần nhấn mạnh bằng một biệt ngữ mới. Cũng phải nói như thế về chữ **Sử mệnh** là **hệ quả của Nhân thoại, cũng như thuyết Nhân chủ vậy.**

**Phải là Nhân thoại mới có Nhân chủ và Sử mệnh.**

Với Thần thoại thì không có Huyền sử và Nhân chủ, mà chỉ có **Vật chủ ( choisism )** tức con Người bị bỏ quên, bị bán đoạn mại cho sự vật ( alineation ) với hậu quả là bị điều động sai sử do mê tín dị đoan.

Nếu dị đoan quá đậm thì dẫn tới vụ giết người để tế Thần như nơi các dân Phénicie hay Astec, nếu nhẹ hơn thì giết một cách tế vi mắt thường không thấy nhưng thực sự có giết: giết từng phần, triết gọi là Trục vật.

**Cộng sản là một ví dụ, tuy miệng xưng là Khoa học, mà thực ra là một thứ di đoan, chấp nhất mê muội đầy chất giết Người. Giết thực sự tuy đã nhiều ( vài trăm triệu ) nhưng chưa thấm vào đâu với sự giết một cách vô hình: giết Tình cảm, giết Ý chí, giết Sáng kiến, giết Tư do Nhân phẩm không những của Thường dân mà luôn đến cả Cán bộ, nhưng vì luật “manh chóng manh chấp” chống bạo tàn của Thần thoại mang tên mới là Duy vật.**

Trở lại với Nhân thoại ta có Huyền sử tức là thứ Sử lý tưởng diễn bằng những Huyền số, những lược đồ tiên thiên với những Nhân vật kiểu mẫu mà ngày nay khoa Uyên tâm gọi là Sơ nguyên tượng ( archetypal image ). Đó là một thứ mẫu mực siêu hình mà Nho gọi là mẫu mực lớn : **Hồng phạm tức là một thứ lược đồ vẽ ra đường lối tiến lui để những cá thể noi theo đó mà lần về hợp với Đại ngã.**

Những nhân vật Huyền sử vì vậy không là người thực sự mà chỉ hiện hình trong mấy nét chấm phá, đủ nói lên một hai động ứng cơ bản được **Tiềm thức cộng thông** phác họa như kiều bà Âu Cơ đẻ 100 trứng, Hùng Vương có gậy Thần, Phục Hy quán với Nữ Oa, thánh Gióng siêu linh trên núi An Việt. Có thể nói đó là những làn sóng ngầm của một nền Văn hoá nhất định. Bởi vậy muốn định tính một nền Văn hoá nào thì việc sâu xa nhất phải là học về những Sơ nguyên tượng với các Số, các Hình của nó.

Đó là lý do tại sao các “ Nhân vật ” trong Huyền sử sống rất lâu, chỉ có 18 đời Hùng vương mà sống những hơn 2000 năm. Bởi vì đó là những mẫu Người rất Nhân bản.

### 3.- Thần thoại

Ngược lại **Thần thoại** không được như vậy, nếu người ta có khổ công gạn lọc ra đôi ba ý nghĩa cũng đã là việc gượng, vì Thần thoại thuộc giai đoạn Bái vật, lúc Lý trí con người chưa phát triển đủ để có thể phê bình, nên nghe sao tin vậy, đến khi nó bước lên giai đoạn Lý trí mới nhận ra những giá trị thuộc giai đoạn Thần thoại là giả tạo, nhiều ít đều có hại cho con người, nên nó tìm cách thải bỏ với kết quả là Thần thoại chết. **Thần của dân Maori nói rõ : “ Ta chỉ sống bao lâu dân chúng còn tin ở ta ”.**

Chính vì thiếu giá trị Nhân bản nên **Thần thoại** không có Huyền sử theo đúng nghĩa sử là diễn trình các động ứng của con người. Dưới bóng Thần thoại, con người chưa có ( chưa đạt ) Nhân chủ thì làm sao có Huyền sử. Huyền sử đề cao chiều kích quan trọng nhất của con Người là Tác động. Thế mà trong Thần thoại việc của con người toàn là thụ động, theo đuôi, chưa có việc nào tự Chủ, làm sao có được Huyền sử. Cũng vì lẽ ấy mà khi phé bỏ Huyền sử thì con người lâm vào cảnh tang thương, thí dụ phé bỏ Âu Cơ thì Văn hoá thiếu mất Nguyên lý Mẹ, trở nên một chiều khấp khiêng từ trong Cơ cấu.

Khi Carl Jung tuyên bố nền Văn hoá Tây Âu lâm trọng bệnh, động vào đâu cũng thấy toàn bệnh là bệnh. . . , thì chính vì nó thiếu nguyên lý Mẹ vậy.

### 4.- Dòng sử mệnh Nhân thoại

#### a.- Nhân thoại Ban sơ: Ông Bàn Cổ

Biết đại cương như thế rồi, bây giờ chúng ta có thể phác họa sơ qua dòng Sử mệnh Nhân thoại của nền vVn hoá Việt Nho, mà mở đầu là ông Bàn Cổ:

**Hỗn mang chi sơ  
Vị phân Thiên Địa  
Bàn Cổ thủ xuất  
Thủy phán Âm Dương.**

**Nhân thoại** đến thế là cùng cực: xuất hiện đầu tiên trước cả sự phân ra Trời Đất, để sau **không bị nghiêng sang Trời kiểu Duy tâm, hay nghiêng sang Đất kiểu Duy vật, dặng mà giữ mối Quân bình siêu thặng “ trong cõi người ta ”.**

Kể đến việc **Làm** thì thực bao la như Vũ trụ: thủy phán Âm Dương - khởi đầu phân ra Âm Dương -, trong đó bao hàm việc rất quan trọng là xếp đặt Trời Đất. Điều này mới nghe như vu vơ vô tích sự, kỳ thực lại rất cần cho cõi Nhân sinh được an vui hạnh phúc, vì “ **Thiên Địa ( có ) vị yên ( thì ) vạn vật mới tịnh dục nhi bất tương hại ”.**

**Đặt làm Đất lên Trời hoặc gậy Trời ra như Duy vật, thì lộn cút lên đầu, giết nhau như ngoé.**

Đó là ý nghĩa sâu xa về mấy động ứng của ông Bàn Cổ. **Bàn Cổ là bản tóm lược các Nhân thoại khác của Việt tộc từ Toại Nhân “ làm ra Lửa ”, qua Hữu Sào “ làm Nhà ” cho đến các ông Khổng lồ khác của các chi nhánh Bách Việt. Chính Bàn Cổ là Bàn Hồ của người Dao được Từ Chính đời Tam Quốc chỉnh lý và đưa vào sách Tam Ngũ Lược Ký để làm ra của Tàu,** nhưng lúc thử máu thì rõ ràng cùng loại máu Nhân thoại với các ông Ném cát, Tát bẻ, Kế sao, Trồng cây, Xây rú của Lạc Việt, trong đó cao hơn cả là ông Trụ trời, ông khổng lồ của Thái là Ai Lạc Cặc đã dựng nên Trời, Đất và Người, vậy mà bị ông trụ Trời Việt bắt bẻ giơ cho vào gió, thì đủ biết nội lực Nhân chủ của ông chống Trời bên Lạc Việt thâm hậu biết bao.

Nói vậy có nghĩa là Lạc Việt đã tiến vào nẻo Tâm linh sâu hơn, bỏ khổng lồ thân xác để tiến vào khổng lồ Nhân linh như Hùng Vương sinh ra từ cái bọc mẹ Âu Cơ, nghe nó Nhân thoại hơn là sinh từ quả bầu 100 hột nơi người Mường Phủ Nội chẳng hạn.

### **b.-Cặp Nhân thoại Phục Hy Nữ Oa**

**Phục Hy** chuyên về việc “ **thủy phán Âm Dương** ”, diễn ra 2 vạch một đứt một liền chồng lên nhau làm ra các quẻ Kinh Dịch. Còn **Nữ Oa** thì đẩy cho mạnh sự nối kết Âm Dương. Sách nói bà lập ra **phép Hôn phối** thì chớ có tin theo nghĩa đen như vậy. Đó không là Hôn phối mà là **Linh phối là phối Vài với Ba cho ra Năm là Ngũ hành. Vì thiếu Vài ( 2 ) Đất thì Ba ( 3 ) Trời cũng sứt nên bà phải “ nấu đá Ngũ hành mà trét lại ”.** Người ta quen gọi **Phục Hy Nữ Oa là người Tàu là nói tầm bậy. Lúc ấy đã có Tàu đầu mà bảo là người Tàu.**

Chỉ cần liếc qua tờ khai sinh của ông bà thì đủ rõ: **Phục Hy có mình Rắn, rõ rệt giòng Rồng gốc Rắn** nối liền với núi Thái Sơn, vì vậy ông có tên là **Thanh Tinh tức là Rồng xanh.** Còn **Nữ Oa** vừa có mình Rắn lại sinh ở Đò Sơn. Đò Sơn cũng có tên là Miêu Sơn, mà Miêu là tên của Bách Việt ( Couvreur III. 642 ), nên có liên hệ với Chim.

Truyền thuyết nói sau **bà trở nên chim Tinh Vệ tha đá lấp biển Đông.** Chữ Oa còn có nghĩa là con Nhái, điều này giúp hiểu được những hình người có thân hình Nhái trong những cái qua ở đời nhà Ân cũng như nơi Đông Sơn. Nên nhớ thời ấy nhà Ân và Đông Sơn không những cũng có Văn hoá mà cả đến dạng thức Nghệ thuật cũng gần nhau, tức là có họ Tiên Rồng là điều còn dễ nhận ra được.

### c.-Nhân thoại thứ ba: Thần Nông

Nói lên Một sáng tạo mới đưa loài người ra khỏi giai đoạn săn hái để đi vào **Nông nghiệp**. Đó là một cuộc cách mạng vĩ đại kéo theo những việc nền tảng như làm Nhà, Dệt vải, làm Đồ gốm . . . Thần Nông cũng không phải là người Tàu nữa, vì **Thần Nông đi với ruộng nước có gieo mạ** ( miêu : mạ ). Sách nói: “ **Thần Nông nhân miêu nhi giáo** ” = Thần Nông dựa trên việc gieo mạ ( ý nói toàn thể nông nghiệp ) mà thiết lập nền giáo huấn. Vậy mà người Tàu biết về ruộng nước rất muộn. Ông Bình Thế Hà viết trong Cradle, p. 48 : “ The Chinese were the last to know irrigation ”. The last đây là so sánh với các nền Văn minh khác như Lương Hà có trước đây lối 8000 năm. Tàu mới biết ruộng nước nhiều lắm từ Long Sơn, nhưng Văn hoá Hoà Bình đã có Lúa ruộng nước trước, và ta thấy những Thần Nông của người Chăm, Thần Nông miền Lâm Đồng . . . đủ biết **Thần Nông không là Nhân vật lịch sử mà là Sơ nguyên tượng chỉ thị tác động sáng kiến ra nghề Gieo Gặt thuộc lúa mễ của Việt.**

### 5.- Tiên sử Hoa tộc với Hiên Viên Hoàng Đế, lãnh tụ Du mục

Đến đây tạm chấm dứt Huyền sử để đi vào một **chút Tiên sử mà mở đầu của Tàu là Hiên Viên xưng là Hoàng Đế**. Với Hiên Viên ta thấy lộ diện **Hoa tộc ( miền núi Hoa ở Tây Bắc )** tức sự pha giống giữa Du mục với Nông nghiệp để làm nên người Tàu. Mấy chữ Nông Du cũng như Đông Tây ở đây chỉ nên hiểu một cách cơ bản, cũng như “ niên biểu ” chỉ sự trước sau.

**Thí dụ Hoàng Đế xuất hiện năm 2697, so với Hồng Bàng kỷ năm 2879, muộn hơn 182 năm thì chỉ nên coi là huyền số: 182 có thể là vài ba con Giáp : 2 \* ( 3 \* 60 ) # 182.**

Việc Hiên Viên xưng Hoàng Đế có lắm truyện không ổn. Hiên Viên thuộc Đế kỷ, có sao lạ xưng là **Hoàng Đế**. Nên biết truyện Hoàng Đế là một Huyền thoại được sơ Hán phóng đại lúc bà Đầu Thái Hậu còn rất uy quyền, mà bà lại khoái Lão, **Lão lại khoái Hiên Viên, nên mới vinh thăng Hiên Viên lên bậc Hoàng Đế** chia sẻ chức Thánh quan thầy của Pháp gia với Lão gọi là **Hoàng Lão**. **Hiên Viên đại diện cho Du mục** được biểu lộ trong **bốn con vật mãnh thú: Hổ, Báo, Hùm, Beo với vật Tổ là chim Cú**. Cú là chim giống chim xuất hiện ở độ chí ( solstice ) tức duy dương, phé bỏ nguyên lý Mẹ, nên Huyền sử nói vợ ông là Mô mẫu rất xấu. Xưa ai chỉ khen vợ đẹp chứ ai ghê vợ xấu làm chi.

Đó chẳng qua là kiêu nói Huyền sử để chỉ Nguyên lý Mẹ trong Văn hoá Hoàng Đế bị lép vế. Còn vụ **Hiên Viên có vợ tên Luy Tổ lập ra phép nuôi tằm là tằm bậy, do sự lẫn lộn Lôi Tổ ra Luy Tổ** cùng với bộ Điền ( cf. dances 511 ). Tước của Hoàng Đế là Lôi Công nên vợ là Lôi Tổ chứ có Luy Tổ đâu, vì tằm là con sâu miền nhiệt đới chỉ sinh nở ở miền Nam; các nhà khoa học cũng nhận thấy tằm tang phát triển ở miền Nam trước hết, làm chi có vụ vợ Hoàng Đế ở phía Tây Bắc phát minh tằm.

Ngoài ra còn nhiều vụ gán tằm bậy cho Hoàng Đế. Thí dụ sách “ **Hoàng Đế nội Kinh** ”. Hiện nay học giả nhận ra văn từ sách đó rõ rệt thuộc đời Hán, nên nếu nói về nội dung thì nói “ **Hoàng Việt nội Kinh** ” mới đúng. Cùng lắm thì những sự gán kia chỉ nói lên sự cố gắng hội nhập của Hiên Viên với Văn hoá của Việt tộc, mà nhà lãnh đạo đầu đầu với Hiên Viên là Si Vuu.

### 6.- Si Vuu, lãnh tụ Bách Việt

**Si Vuu** là vị thống lãnh các bộ lạc tộc Bách Việt, nên **chữ Si Vuu hàm ngụ nhiều ý, khi thì là lá cờ, lúc thì hội hát, hội múa, khi thì là con Rồng kỳ lạ.**

Những ý nghĩa kỳ thị Si Vưu là về sau do phía Du mục hạ nhục kẻ bại trận. Thay vì nói **Hoàng Đế “ đắ Si Vưu ”** thì **Tư Mã Thiên viết “ sát Si Vưu ”**. Tuy vậy, cả hai chữ đều đúng: ban đầu Hoàng Đế giết Si Vưu theo nghĩa **Du mục thắng Nông nghiệp**, nhưng sau lại “ **học với ” Si Vưu** hay là hội nhập Văn hoá nông nghiệp mà quan trọng hơn cả là Đạo Trời. ( **Hoàng Đế đắ Si Vưu nhi minh ư Thiên Đạo** ).

Hãy tạm chấm dứt tiền sử về phía Du mục để trở về đọc lại trang Huyền sử nước ta kể truyền **Lạc long quân đóng đô ở xứ Nghệ**, với 3 vĩ tích là trừ được Hồ tinh, Ngự tinh, Mộc tinh.

**Đóng đô ở xứ Nghệ** làm liên tướng Hậu Nghệ đời vua Nghiêu, khi 10 mặt trời cùng xuất hiện làm rối loạn Trời Đất gây ra mưa lụt, gió bão. Vua Nghiêu hứa nhường thiên hạ cho nhà hiền triết nào chế ngự được tai họa nọ, và đó là **Hậu Nghệ**.

Ông này đã dùng tên mà trừ tai họa cho đời ( trừ thiên hạ chi hại ). Hậu Nghệ bắn rơi 9 mặt trời, nên được trở nên tư mệnh nghĩa là nắm được Vận hệ của mình, tức đạt Nhân chủ, đang khi Khoa Phụ đùa giỡn với mặt Trời nên bị chết. Hậu Nghệ còn trị được thần Hà Bá, Hậu Nghệ cũng bắn vào đầu gối nó, lại còn trị được thần Cửu Âm là giống Hồ Ly ăn thịt người, nên được xưng là **Điền Tổ**.

Đây có thể là phản ảnh lúc con người đi vào Nông nghiệp, còn mang trong tâm thức là lúc từ bỏ Bái vật để đi về con người với lời suy luận bằng Lý trí thiết thực, nên ta còn thấy phảng phất trong lễ Na mừng vào 3 mùa Xuân, Thu, Đông, không có Hạ. Như vậy phần nào hợp với 3 vĩ tích của Lạc Long quân ở Đông, Tây, Bắc ( Mộc tinh, Hồ tinh, Ngự tinh ) còn trừ ra mạn Nam vì sách nói : “ **Lạc Long Quân vâng chỉ Trời về núi Nam miên, lập đô ở phía Hoan Châu Nghệ An xứ** ”.

**Trở lên là ít trang Huyền sử tuy xưa rày tưởng là của Tàu mà thực ra là của Việt.**

**Tàu chỉ học lại nên chưa đạt Nhân thoại cao bằng Việt:** Khi vua Tàu chết thì hàng trăm cung phi, tỳ nữ, nhiều khi cả quan đại thần bị chôn theo, bên Việt không có như vậy. Trái lại Huyền sử Việt khác xa các thứ Lịch sử đề cao Thần thoại mà ẩn tích là các điện đền mọc lên cùng nơi.

**Ở Việt chỉ có phụng sự con Người như Bà Nành, Bà Đậu, Bà Giàn cùng một họ với “ Bà Đà trồng cây xây rú ” tức cùng một dòng máu với Ông Chống Trời vậy.**

Nhân tộc hiện lên trong Huyền sử sau bị Du mục Tây Bắc mà đại biểu Huyền thoại là Hoàng Đế, còn đại biểu Lịch sử là nhà Chu, một giống nửa Turc, đã làm sai lạc lu mờ đạo Nho. Sau nhờ có Khổng Tử khôi phục lại được trong thuyết Tam tài theo đó con Người cũng là một Vua trong 3 vua là Trời, Đất, Người, không đâu đưa ra được nền Nhân chủ cân đối mạnh mẽ như vậy.”

## Phân Kinh Điển

### 1.- Kinh Thi : Kinh Dân viết sách

( *Tinh hoa Ngũ điển: IV.- Kinh Thi. Kim Định* )



### a.- Ba quan điểm

“**Đọc Kinh Thi hay bất cứ Kinh nào của Nho giáo, mà đọc chạy ruổi thì không thể nào thấy đâu là những cái thâm trầm như người ta đồn đại, nên rất nhiều người đã thất vọng, trong số đó phải kể tới Hegel, đã nói lên sự thất vọng của ông lúc đọc Kinh Điển Nho giáo.**

Sở dĩ như thế là vì Hegel đã không đọc được chính văn thì chớ, lại còn không theo khía cạnh của chính Kinh Điển và tiêu chuẩn của người viết nó. Vì có nhiều loại tiêu chuẩn, tùy thuộc theo giới nào đã viết, như tư tế, trí thức quý tộc hay bần dân. Thế mà **Kinh Điển được viết theo quan điểm của bần dân, còn Hegel lại đọc theo quan điểm của trí thức quý tộc làm sao nhận thấy được cái hay của nó.** Giới trí thức hiện nay hay ít ra thế hệ vừa qua cũng đều đã từng đọc Nho theo lối Hegel, nên thất vọng về Nho là phải, vì họ có thấy được gì đâu!

**Để tránh vấp phải điều đó, chúng ta cần phải tìm hiểu thế nào là tiêu chuẩn của bần dân.**

Chữ Dân người Tàu đọc là Minh, Mân. Xem ra **chữ Minh, Mân** này có liên hệ tới chữ Man, cũng là bần dân, đã từng làm chủ miền Trường giang. Vì Trường giang phát xuất tự núi gọi là Dân Sơn ( Mìn ) trong vùng **nước Ba**, nên cũng có núi mang tên **Bam hoặc Ba hoặc Ba trủng** ( có liên hệ nào giữa Tam và Ba không ? ) Vì thế ta có quyền nghĩ rằng có một mối liên hệ nào đó giữa mấy danh hiệu Man, Mân ( Việt ), Mon ( Mon khmer ) . . . tất cả đều là những giọng khác nhau của chữ Minh ( dân ), và tất cả tên đó đều chỉ bần dân đối với vương triều. Trong các sách đọc chữ dân của người Tàu là Minh, thì chữ Minh lại gọi lên ý tối tăm. Vì chữ ( 冥 ) cũng đọc là minh ( u minh ). Do đó có chữ “ dân ngu ”. Còn với Việt tộc thì chữ minh ( 明 ) lại có nghĩa là sáng láng . Do đó mà **có quan niệm Dân với Trời là một.**

Thế mà trời đâu có ngu, nên dân cũng đâu có ngu, cả hai đều thông minh, nên trong Kinh Thư có câu “ **thiên thông minh tự ngã dân thông minh** ”.

Và dân đã chứng tỏ óc thông minh của mình bằng cách sáng tác ra Kinh Điển, dân viết sách, nhưng không phải sách tầm thường mà là Kinh Điển. Vương triều chỉ có giúp vào bằng việc đặt ra **bộ “ Nạp ngôn ”** để thu thập các lời phán quyết của dân đúc kết lại vào Kinh Điển ( Theo sách Nhật giảng thì đó là ca dao và nhiều khi được phổ biến vào nhạc : “ **Dân gian sở nạp chi ca dao, ngôn chi hợp vu ngũ thanh. . .** ” Legge III 80 ; ( I ) ), là vì **mỗi giới có những bận tâm riêng**: khi giới đó viết sách thì những mối bận tâm kia trở nên đối tượng của sách, nên chỉ cần xét đối tượng sách, thì cũng nhận ra được tác giả thuộc giới nào. Nếu đối tượng là Thượng đế với các việc tế tự, các ca vịnh ngợi khen, nguyện cầu . . . thì ta biết tác giả thuộc **hàng tư tế**, như Thánh Kinh hay Vêda. Khi đọc **triết Tây** ta thấy đối tượng của nó là những ý niệm trừu tượng cao vút mây xanh, ta biết tác giả của nó thuộc giới trí thức quý tộc. Trong xã hội cổ La Hy, giới này vì quen thói sống trên lưng nô lệ, không chịu lao tác nên bị cắt đứt khỏi đời sống thực tế, sự giao liên với tha nhân . . . , nên đối tượng của họ rất xa thực tế : đặt mãi tận trên lý giới ( le monde des idées ).

**Trái lại khi đọc Kinh Điển ta thấy sự lo lắng cho dân trở bật:**

**Lo cho dân giàu ( phú chi )**

**Lo thực hiện ý dân ( ý dân là ý trời )**

**Muốn điều dân muốn, ghét điều dân ghét, gọi là Hiệt củ.**

**Cùng đích của chính quyền là Hạnh phúc của dân . . .**

Giáo sư Creel cho điều cuối cùng này là một sự lạ lùng hiếm có trên đời. Đây là một nhận xét rất chính xác, miễn biết hạn cục vào lối thế kỷ 18, 19, về trước. Sở dĩ nói lạ lùng hiếm hoi vì xưa kia

các nền văn minh khác không có Kinh Điển hay nói cách khác các sách nền tảng của văn hoá không do dân gian sáng tác, mà do quý tộc hay tư tế.

Vì thế **sứ mạng của chính quyền không còn là hạnh phúc của “ dân ” nhưng là sự hùng cường của quốc gia**”, trong thực chất là của vương triều, của uy quyền cá nhân. Nên hoặc là xây dựng một quân đội hùng mạnh để đi chinh phục, mở mang bờ cõi, hầu tăng quyền uy, không kể đến chết chóc đau thương như các chính quyền chuyên chế quen làm. Hoặc dồn hết tài sản quốc gia vào việc kiến thiết những cung điện nguy nga tráng lệ, để ướp xác chết các vua như Kim Tự tháp, hay chùa Đế Thiên, là những thí dụ cụ thể về sự bất toàn dân phụng sự cho một gia tộc hay cho những ý niệm xa xôi trừu tượng ( Xem Việt Lý tr. 158 , 263 ).

**Ngược lại, mục tiêu Kinh Điển là lo cho dân, và lúc ấy thì tiêu chuẩn là “ lấy tự gần ” như đã được nói trong Kinh Dịch là : Cận thủ chư thân. Viễn thủ chư vật ( Hệ từ hạ truyện II )**

( I ) : Có người hồ nghi giá trị của luận cứ, cho rằng nhân gian là tác giả của cổ điển, lấy có rằng câu tiền đề ( gọi là A ) đúng: tức dân gian là tác giả của nhiều sách Kinh Điển, nhưng Z là câu kết luận không thể chắc. Thử hỏi tại sao lại không. Khi mà ta có thể kiểm soát nội dung Z, tức nội dung Kinh Điển. Bởi vì khi xét thấu triệt ta nhận thấy có đủ lý chứng cho cả các đoạn hai: Thứ nhất là có bộ “ **Nạp ngôn** ”, thâu thập ca dao, cũng như “ Thái Thi ” gồm các bài thi ca. Thứ hai lại nhận thấy trong **Kinh Điển có rất nhiều ca dao, tục ngữ** làm chứng tích cho câu trên. Thứ Ba xét toàn bộ nội dung Kinh Điển, không có gì xa lạ với những thắc mắc ưu tư của dân gian. Hai câu 1 , 2 đã được bàn trong Việt lý tổ nguyên, câu 3 chính là đối tượng chương này.

Kết Z : Như vậy ta có đủ lý do để kết luận là dân gian quả đã góp phần vào việc hình thành Kinh Điển, nên nội dung của nó hợp với những gì dân gian thường bận tâm. Thí dụ kinh Thi nói về việc làm ăn của dân không có gì xa lạ cả. Như vậy đã đủ đưa ra kết luận vững chắc. Ta có thể tóm lược luận cứ như sau:

I .- Tiền đề A : Ta nhận thấy rất nhiều sách cổ điển đã được nhân gian trước tác. Vậy thử hỏi cũng có phải như thế không về Kinh Điển.

II .- Tiêu đề gồm từ B tới Z bao gồm 3 điểm trên :

- 1.- Nạp ngôn .
- 2 .- Có ca dao trong Kinh Điển.
- 3 .- Nội dung Kinh Điển hợp thể giới bận tâm của dân gian.

III .- **Như vậy ta có thể đi đến Z tức kết luận rằng dân gian có góp phần trong việc trước tác Kinh Điển.** Sở dĩ chúng ta cần phải thêm chú thích này vì câu kết rất quan trọng, vì nó làm nét đặc trưng văn bản, sinh ra các nét đặc trưng khác như bình đẳng, bình sản . . . Các hệ quả đó làm thành nền dân chủ vừa trung thực vừa lâu đời hơn hết trên thế giới. Tất cả các hệ luận cũng như hệ quả trên đều dựa trên những luận cứ vững chắc. Vậy không nên vì thành kiến ghét Nho giáo, rồi nhắm mắt trước tất cả bao lý lẽ, và sự kiện, để chú ý hết tâm trí vào một thành kiến duy nhất là văn chương , ngoài ra chẳng thấy chi cả.

#### **b .- Gần lấy ở mình, xa lấy ở người**

Đây là câu nói dễ đọc phớt qua, không mấy ai nghĩ rằng đó là một tiêu chuẩn đã phải trải qua đợt biến hoá mới đạt tới.

**Trên kia tôi nói từ thế kỷ 18 , 19 trở về trước là vì từ đó về sau Âu châu rồi sau này đến cả Ấn Độ, cũng dần biết lo lắng cho con người, lấy con người làm đối tượng học hỏi cũng như phục vụ.** Vì thế nay đọc câu : “ **cận thủ chư thân** ” chúng ta thấy rất thường, mà không ngờ nó đã gói ghém cả một cuộc cách mạng đang được hiện thực dưới mắt chúng ta, mà

ting hoa có thể tóm vào câu này, tất cả những gì đã đặt ở bên kia, thì đều được đưa ra về bên này, được đặt ngay dưới gầm trời này. Như vậy có nghĩa là hai nền văn hoá kia đang cố dù bỏ tiêu chuẩn tự xa, tự Trời, tự Đất, để đi về gần: về Người, tức là đang lần theo về neo Văn hoá của chúng ta, và do đó Kinh Điển đang dần dần phục hồi uy tín cũ. **Thế nhưng, đặt được tiêu chuẩn “ lấy tự gần ” là một việc rất nhiều khê.**

Vì tâm trạng con người hầu hết “ quý cái gì tự xa ”. Cho nên khiến cho người ta biết quý cái gần là một công trình dài, mà một khi đã đạt được phần nào, thì cũng vẫn còn dễ mất, nghĩa là con Người vẫn thích “ lấy tự xa ”. Vì thế dầu trải qua bao thế hệ đã thấm nhuần trong bầu không khí Văn hoá “ bên này ”, mà cho đến nay biết bao “ trí thức ”, biết bao “ nhà văn ” chưa nhận định ra được giá trị Kinh Điển, vẫn chê bai Văn hoá Á Đông không trước tác được anh hùng ca kiểu Ấn Độ, hay những bài Thánh vịnh bay vút trời xanh như Tây Âu, thì tại các “ nhà văn ” đó đã được đào luyện bằng sách vở của Tây Âu nay họ sống trên đất Mẹ với Tâm hồn xa lạ.

Trong bài dẫn lộ vào **Kinh Thi** ( C III . p . 114 ), James Legge đã cực lực bác bỏ ý kiến của Thừa sai công giáo vì đã ca ngợi Kinh Thi, cho rằng có thể đặt ngang hàng với các Thánh vịnh của vua David! Nếu James Legge bác sự so sánh thì rất phải, vì một đảng David đứng trong thế tôn giáo, nên có thể bay vút từng mây với những lời nồng nàn thiết tha, khi ngợi khen chúc mừng, khi xám hối van xin. . .

**Còn kinh Thi lại chỉ sà sà mặt đất với việc gieo trồng, cấy hái, với việc trai gái yêu đương, , với những lời nói bình dân, với những việc tầm thường trước mắt, làm sao có thể sánh được với Thánh vịnh.**

Vì thế, mấy Thừa sai công giáo khen Kinh Thi kiểu ấy, không giúp gì thêm vào việc nhận ra giá trị Kinh Thi, nên Legge phản đối là đúng. Thế nhưng, không phải vì vậy mà James Legge có lý để hạ thấp giá trị tất cả những bài trong Kinh Thi. Chúng có giá trị của chúng, miễn là người ta biết đặt mình vào đúng quan điểm của chúng:

**Đó là quan điểm con Người sống trong xã hội với những mối liên hệ bình thường: ái ân, trao đổi, làm việc . . . và nếu định hướng đúng như vậy, thì không những nó có giá trị, mà còn là thứ giá trị đang có mọi đi lên, vì nó đón trước cuộc cách mạng của nhân loại hiện nay, đang lo tháo gỡ những bận tâm đặt trên Trời hay dưới Đất để mang về trang bị cho con Người.**

Nhiều học giả Việt Nam chưa nhận ra điều ấy, nên đề cao Lão, Thích, vì bay bổng cung mây, mà tỏ ý khinh miệt Nho giáo là quá ư tầm thường, chưa nhận ra địa vực Tam tài : Thiên, Địa, Nhân, nên cứ thích dao du ở Thiên và Địa mà không chịu về với Nhân thế, rồi nỏ mồm kêu “ *thiếu Nhà* ”.

Nếu chịu về “ Nhà ” của con Người thì sẽ nhận ra tại sao Nho lại chủ trương “ *Đôn hồ Nhân* ” và không cho Đạo là xa Người, vì nếu làm cho Đạo xa Người thì không còn phải là Đạo. Vậy thì cương vị Nho giáo cũng chính là Nhân giáo hay nói nôm na là Đạo làm Người.

Có đặt đúng chiều hướng như vậy, thì mở Kinh Thi ra chúng ta mới mong hiểu được những lời mộc mạc hồn nhiên, mà ngày nay ta vẫn còn bảo tồn được, như là ẩn tích của Tổ giới lại để làm Đạo sống.

**Đạo ấy đặt nền tảng trên con Người, nên không vong thân, và chính vì vậy những chế độ chuyên chế muốn tha hoá con Người vẫn nuôi một mối thù ngầm ngầm đối với Kinh Thi, mà trong đó đứng đầu là Kinh Thi.**

Đọc Kinh Thi ta lấy làm lạ khi thấy toàn những lời lẽ hiền lành, có vẻ vô thường vô phạt mà tại sao lại gây nên căm thù nơi nhà cầm quyền như Tần Thủy Hoàng.

Nhưng vì **Kinh Thi nghiêng hẳn về phía dân gian, nói đến những việc làm của dân: giá sắc, ái ân, ăn uống, làm lụng, ngắm trăng sao, mây nước, xướng ca, mưa gió.** . . Có nhận định như thế, mới thấy chỗ hợp thời của Kinh Thi, hay ít nhất khỏi vô tình đứng vào phe kẻ mạnh hiếp yếu. Hiện nay khi đọc Kinh Thi chúng ta cần phải đề đặt đối với những chú sớ, vì hầu hết là do bọn Hán Nho tay sai của Vương triều đã đem ý hệ của họ trùm lấp lên cái Lương tri nguyên thủy, đưa óc luận lý Thanh giáo vào làm át tiếng nói của Tâm tình, của yêu thương như Maspéro nhận xét : *La remarque moralisatrice remplace le cri d' amour . ( xem thêm bài Hưng u Thi trong quyển Cửa Khổng: Kim Định )*.

Lấy một thí dụ bài **Hoàng hĩ Đại nhã**, câu 77. 78 : “ **Bất thức bất trí, thuận Đế chi tắc** ” : “Không nên theo lý trí, tri thức, nhưng phải thuận theo Đế, tức theo Tâm linh ” Ai đã biết đến sự sụp đổ của Triết học cổ điển và những lo âu của thời đại (đều đặt trọn vẹn trên ý thức, mà bỏ Tiềm thức ) sẽ hiểu giá trị sâu xa của câu nói bề ngoài coi rất mộc mạc đó.

### **c .- Thi ca trước kinh Thi**

**Kinh Thi là sự tập hợp các bài dân ca, mà dân ca thì muôn vàn.** Triều đình có thu thập thì cũng chỉ được một phần nào đó thôi . Tương truyền là Kinh Thi có 3000 bài, sau Khổng Tử san định lại còn **300 bài**. Rất có thể chữ ba ở đây ( ba ngàn, ba trăm ) thuộc huyền sử “ Tam Miêu ” đại diện dân gian với vương triều.

**Phần Quốc phong gồm 15 quốc**, thì rất có thể là số của Lạc Thư cùng loại với 15 bộ của nước Văn Lang. Các bài trong Kinh Thi đều là phần quốc phong cũng chỉ còn là đại biểu vì đã bị thi ca của vương triều lấn át và đè bẹp, tuy nhiên nhờ sự chấp nhận đó mà còn tới ngày nay, chứ như tất cả các thi ca trước, gọi là tiền Kinh Thi thì đến nay kể như đã thất lạc hết. Có nhiều người cố gắng tìm lại và đã thu thập được chừng một trăm bài nhưng cũng không có tiêu chuẩn nào để xác định là chân truyền hay giả tạo, còn nguyên vẹn hay đã sút mẻ.

**Sau đây chúng tôi dùng quan điểm Viêm Việt phản kháng vương triều xâm lăng, để chọn ba bài làm đại biểu cho khối dân ca tiền Kinh Thi. Đó là : Kịch nương ca, Nam phong ca, Trái vi ca.”**

#### **\*Kịch nương ca**

( *Chép trong sách Đế vương bản kỷ và Cao sĩ truyện của Hoàng phu Mật* )

“ **Nhật xuất nhi tác. Nhật nhập nhi tức. Tạc tỉnh nhi ẩm. Canh điền nhi thực. Đế lực hà hữu u ngã tai ?** ” “ Mặt trời mọc thì làm việc. Mặt trời lặn thì nghỉ ngơi. Đào giồng mà uống. Cày ruộng mà ăn. Quyền lực nhà vua cần chi cho ta đâu ? ” Nương là một thứ đồ chơi bằng gỗ có lẽ giống với chơi quăng ngày nay. Tương truyền Kịch nương ca làm vào đời vua Nghiêu. Đó là điều khó có thể xác định, nhưng cứ nghe giọng trong bài thì có thể đoán là thuộc một người dân Viêm Việt đang sống trong chế độ bộ lạc làng xóm nên coi thường quyền lực của vương triều xâm lăng.

### \*Nam phong ca

“ Nam phong chi huân hê. Khả dĩ giải ngô dân chi uẩn hê ! Nam phong chi thời hê ! Khả dĩ phụ ngô dân chi tài hê !”

“ Gió Nam mát hê . Có thể khuây nổi giận của dân ta ! Gió Nam phải thời hê! Có thể tăng tài sản của dân ta !” ( Bài này chép trong “*Khổng Tử gia ngữ*”, *Biện nhược giải* )

Tương truyền là vua Thuần khi lên ngôi được hai năm có chế ra đàn 5 giây để hát bài ca Nam phong. Theo quan điểm Việt Nho có thể hiểu như sau: **Khi Bắc phương xâm lấn phương Nam thì phương Nam uất ức. Nhưng khi vua Thuần là người có khuynh hướng theo văn hoá phương Nam lên nắm chính quyền, thì quyết định áp dụng văn hoá đó và đã tuyên dương ý chí trong bài này.**

Sự kiện này xảy ra nhiều lần về sau, mà lần cuối cùng là lúc nhà Thanh từ phía Bắc bắt dân kết tóc đuôi Sam để tỏ lòng thần phục phương Bắc, nhưng cuối cùng dòng tộc Mãn Thanh lại thấm Nho giáo là một thứ Nam phong.

### \*Thái vi ca

“ Đấng bĩ Tây Sơn hê! Thái kỳ vi hĩ . Dĩ bạo địch bạo hê! Bất tri kỳ phi dã. Thần Nông, Ngu, Hạ hốt Yên một hê!. Ngã an thích quy hĩ. Vu ta tồ hê ! Mệnh chi suy hĩ. ”

“ Lên núi Tây ca hê! Ta hái rau vi. Lấy bạo thay bạo hê! Chẳng hay là mình trái. Thần Nông, Ngu, Hạ mau khuất hê! Ta còn biết theo ai ? Than ôi! Đi hê!, Mệnh ta suy rồi . ” Bài ca trên tương truyền là của hai ông Bá Di, Thúc Tề can Võ vương đừng diệt nhà Thương, nhưng không được, nên không chịu ăn thóc nhà Chu, lên núi Thú Dương, huyện Yên Su, tỉnh Hà nam, hái rau vi ăn rồi chết đói ( Sử ký Bá Di liệt truyện ).

**Bá Di, Thúc Tề đại diện cho Việt Nho đứng ra can Chu Võ vương xâm lăng nhưng không được nên than thở nhắc tới các nhà vua Viêm Việt: Thần Nông, Ngu, Hạ mà không nói đến Hoàng Đế, Ngu là vua Thuần, Hạ là ông Hạ Vũ trị thủy, tức áp dụng triết lý của Lạc Thư .**

## 2. - Kinh Thư : Kinh Dân làm Chủ

### a.- Ý nghĩa tên sách

Kinh Thư cũng gọi là Thượng Thư, mà có nhiều người dịch là sách thượng cổ. Nghĩa đó không sai, nhưng chưa nói lên hết ý nghĩa thâm sâu tức **Kinh Thư là Thượng Thư hay là sách thượng thặng** ( le livre par excellence ).

**Sở dĩ phải gọi như thế vì nó đã đưa ra cái dạng thức cơ bản cho Đạo làm Người, đó là thiên Hồng Phạm. Thiên này trình bày cái Cơ cấu uyên nguyên của nền Minh triết rất sâu xa.**

Chúng tôi đã bàn riêng trong quyển Chử Thời, ở đây chỉ xin nói lướt qua phần Dụng ( Dụng, Từ, Ý Cơ ) tức phần dễ nhận thức hơn, để tiếp nối bài trên “ Dân là tác giả Kinh Điển ”, thì ở đây nói tiếp: vì thế mà có **những ý nghĩ Vì dân, Với dân, Nhờ dân, Cho dân . . .**

Những chủ trương này hiện nay nghe đã nhảm tai, thế nhưng nếu ngược dòng thời gian và đối chiếu với Kinh sách các nền văn minh khác chúng ta sẽ nhận ra **quả Kinh Thư xứng danh Thượng Thư, vì đã đi trước đến hai ba ngàn năm trong ý hướng dân chủ. Tây phương mới bàn đến dân chủ từ vài thế kỷ nay, và chính vì còn quá mới nên chưa kịp đặt nền tảng cho dân chủ là Nhân chủ.**

Bởi vậy dân chủ được đưa ra nếu không là danh từ rỗng tuếch như phía cộng sản, thì cũng chỉ là dân chủ què quặt.

**Ý tưởng Dân chủ nếu có thực chất thì phải là một sự giải phóng con Người. Thế mà bên Âu Á con Người xét ra chưa được thực sự giải phóng, chứng cứ là chế độ Nô lệ được bãi bỏ rất muộn, và ngày nay sự giải phóng con người còn hơi hợt, mới có phần nào Dân chủ chứ chưa có Nhân chủ.**

Ấy là chưa kể tới biết bao dân tộc như Nga, Tàu, Trung Âu đang bị nô lệ hoá vì thiếu nền tảng nói trên. Với viễn tượng trên chúng ta nghiên cứu khái quát về Kinh Thư. Kinh Thư là một thứ sử đặc biệt bao gồm lối 1700 năm từ Nghiêu, Thuấn qua hai nhà Hạ Thương xuống đến nhà Chu, có nhiều quãng bỏ trống cả hàng mấy trăm năm và xếp vào đời Chu và không theo thứ tự niên kỷ (I). Vì thế Chu Thư gồm những 32 thiên, nhà Thương 17, nhà Hạ 4, Đường Ngu chỉ có 5 thiên (I).

### b.- Nội dung

**Nhận xét về nội dung:** Trước hết **Kinh Thư không phải là sử ký, nhưng là một thứ triết hay Triết sử**, và ta có thể chia hai phần: Một là **Huyền sử** hay triết sử gồm hai đời Đường Ngu và nhà Hạ. Phải kể vào phần này cả thiên Hồng Phạm được xếp vào Chu thư, mà chính ra phải xếp vào Hạ thư mới ôn, vì nó được “khải thị” ra cho ông Đại Vũ trước nhất. Hai là **Triết sử** gồm những tài liệu thuộc hai nhà Thương và Chu, tuy là sử nhưng vẫn mang nặng tính chất triết lý chính trị như các tên chương nói rõ.

**Điển:** là sự ghi thực của lịch sử.

**Thệ:** là lời tuyên thệ.

**Cáo:** là mệnh lệnh.

**Mô:** là pháp lệnh.

**Huấn:** là huấn từ . . .

**Về phương diện Lịch sử** thì chỉ có hai sách **Thương và Chu** là có giá trị, tuy nhiên cũng chỉ một phần nào thôi vì mục đích không là sử. Đúng hơn không là sử theo nghĩa biến cố hàng ngang ( diachronic, événementielle ), nhưng theo nghĩa triết sử nhằm giải rộng cái cơ cấu hàng dọc ( synchronique, structural ) và chính vì thế quan trọng phải đặt vào hai sách Ngu thư, Hạ thư với thiên Hồng phạm mà tôi coi là huyền sử, nghĩa là dùng những mảnh vụn của sử để nói lên nền minh triết. Nói mảnh vụn của sử là vì những sự kiện được kể lại tuy có liên hệ phần nào đến sử nhưng đã được huyền thoại hoá.

**Vì thế quan trọng là phần cơ cấu uyên nguyên, tức là nền minh triết về nhân luân. Cơ cấu đó được thu gọn vào thiên Hồng phạm, còn minh triết nhân luân là chủ trương đặt quyền cai trị vào tay vào những người có đức độ tài năng, tức là sự cố gắng thực hiện thực hiện cái mẫu mực kia. Phần nào đó là ý tưởng của Viêm Việt và được trình bày trong Kinh Thư một cách có phần huyền bí. Phần huyền sử gồm các chương Nghiêu Điển, Thuấn Điển, Đại Vũ mô, Ca dao mô.**

Tác giả cuối cùng của những thiên này là người sống vào đời nhà Chu, nghiên cứu cổ thời mà ghi lại, và đứng hẳn về phía dân. Thí dụ chữ viết trong câu “**Viết nhược kê cổ**” cũng là **Việt**, tức là dân, nên **Dân** là tác giả, còn **Đạo** đưa ra là **Đạo cổ xưa**. Nói thế vì theo lưu truyền thì trước nữa đã có những sách ( gọi là Tam phần, Ngũ điển, Bát sách, Cửu khâu ) mà tác giả cuối cùng đã gồm vào Kinh Thư.

Có ba lý do để nghĩ như vậy: Một là vì có **những lời nói riêng như kiểu tán thán**: tư, hu (“ Tư! tư nhạc ” hay “ Đế viết ” hu!. Hoặc là những kiểu nói không gặp thấy không gặp thấy về sau như dùng chữ quyết thay cho chữ kỳ ( **Doãn chấp quyết trung thay vì Doãn chấp kỳ trung** ). Hai là **những chức quan sau này không thấy nữa**, thí dụ chức tư nhạc, chức trật tống. Ba là **những ngôi sao được dùng làm cứ điểm** để quyết định Xuân phân ( Taurus và Scorpio ) và Hạ chí ( Leo và Aquarius ) không thể tạo ra về sau ( xem Legge tr. 50 ). Đây là ba lý do nói lên sự hiện hữu những sách cổ gọi là Tam phần, Ngũ điển, Bát sách, Cửu khâu.

### c .- Mục lục

( I ) Lược trích mục lục Kinh Thư để giúp độc giả có một ý niệm khái quát về 4 phần:

A.- **Ngu thư** : 5 thiên

- 1.- Nghiêu điển
- 2.- Thuần điển,
- 3.-Đại Vũ mô,
- 4.- Ca dao mô.
- 5.- Ích Tắc

B.- **Hạ thư** : 4 thiên

- 1.- Vũ công
- 2.- Cam thể.
- 3.- Ngũ tử nhi ca.
- 4.- Duận chính

C .-**Thượng thư**: 17 thiên

- 1.-Thang thể
- 2.-Trọng huỷ chi cáo.
- 3.- Thanh cáo,
- 4.- Y huấn
- 5.- Thái giáp : thượng, trung, hạ
- 8 .- Hàm hữu nhất đức.
- 9.- Hàn canh : Thượng, trung, hạ
- 12.- Duyệt mệnh : Thượng, trung,
- 15.- Cao tông duy nhật.
- 16.- Tây bá kham lê.
- 17.- Vi tử.

D.- **Chu thư** : 32

- 1.- Thái thể: Thượng, trung, hạ
- 4.- Mục thể
- 5.- Vũ thành
- 6.- Hồng phạm
- 7.- Lự ngao.
- 8 - Kim đẳng
- 9.- Đại cáo . . .

### d.- Nghiêu Thuần là biểu tượng do Khổng Tử đưa ra

**Bây giờ hãy nói đến một điểm quan trọng đã gây thắc mắc cho một số học giả như ông J. Legge, đó là tại sao Nghiêu Thuần lại rất ít được nhắc tới trong các đời sau.**

Trong **Hạ thư** không có nhắc tới ông Thuần, còn ông Nghiêu chỉ được nhắc có một lần trong thiên “ Ngũ tử ca ” lúc ông còn là Tù trưởng ở Ký Châu.

Đến **Thượng thư** thì Nghiêu Thuần chỉ được nhắc tới có một lần, nhưng lại rất lu mờ, vì không cho biết chi về vị trí ban đầu. Mãi đến thiên “ Duyệt mệnh hạ ” câu 10, **Y Doãn mới coi Nghiêu Thuần như lý tưởng, nhưng đã có vẻ trở thành nhân vật thần thoại rồi.**

Trong **Chu Thư Nghiêu Thuần được nhắc tới hai lần**, một trong thiên Chu quan, nói đến Đường Nghiêu và Ngu Thuần, cả hai đều dùng rất ít quan tước khác hẳn với số lớn quan lại hai đời Hạ thượng, và **một lần nữa trong thiên Lữ hình** chỉ nói đến Nghiêu Thuần như bề tôi, với những lưu truyền lâu hơn thuộc thời sơ khai của Đế quốc, trong đó Thuần đã đặt nền móng trên quốc gia khi thì bằng chinh phục, lúc thì bằng nhân nghĩa để dụ các dân xung quanh.

Nhưng xem kỹ thì **nước các vị ấy rất nhỏ hẹp**, chứ không có chuyện cai trị “ vạn quốc ” như tương truyền. Một điều lạ nữa là vua Thành Thang nhà Thương chỉ khoe công diệt vua Trụ nhà Thương mà không nói chi đến Nghiêu Thuấn. Rồi Châu Công sáng lập nhà Chu cũng không đề cập đến Nghiêu Thuấn. Cả đến Kinh Thi cũng không nhắc tới, **chỉ có Kinh Dịch nhắc tới một lần trong Thập Dực.**

**Vì thế có thể kết luận rằng Kinh Thư được san định đời Chu và theo một truyền thuyết thì chính là do Khổng Tử. Trung Dung nói Khổng Tử “ Tổ thuật Nghiêu Thuấn ” = Thuật lại đạo của Nghiêu Thuấn được nhìn nhận như Tổ của mình. Và nhờ đó Nghiêu Thuấn đã bị chôn vùi lại được nổi lên mặt và trở thành gương mẫu gọi là Đế, tức thay mặt Thượng Đế cai trị một nước rộng như của nhà Chu. Tôi nói rằng Nghiêu Thuấn đã bị chìm vì Nghiêu theo đường lối Việt tộc truyền ngôi cho Thuấn là người Nam man hay Đông Di ( 1 ). Khổng Tử có thể được coi là hiền triết, đã tổng hợp ngoại nội nên đã truy nhận cặp đôi Nghiêu Thuấn làm Tổ là tuyệt. Vì Nghiêu thuộc Hoa ngoại, Thuấn thuộc Nam Man nội, cho nên “ Tổ thuật Nghiêu Thuấn với hợp ngoại nội chi đạo ” cũng là một ( 2 ) Ai nội ai ngoại là tùy lối nhìn, nhưng quan trọng là có hai nền văn hoá, một nội một ngoại, một thiên về Bô, một thiên về Mẹ.**

Nào nào thì cũng do Khổng Tử mà Nghiêu Thuấn trở thành lý tưởng cho nên nhân trị và thiện nhượng tức quyền bính nhường cho người nào có tài đức nhất mà không kể đến dòng tộc. Nghiêu nhường cho Thuấn là người cày ruộng. Đến sau Mạnh Tử ( V .2 ) còn cho Thuấn kiêm cả nghề đánh cá và làm đồ gốm, tức là những nghề nhà nông thuộc thường dân. Tuy nhiên vì Thuấn có đức hiếu nên được nâng lên hàng Thiên Tử! Rõ rệt không nên coi đó như lịch sử, mà chỉ nên coi là huyền sử, chuyên chở một triết thuyết về áp nhượng và đức trị. Đề cao đức Hiếu của Thuấn thuộc Viêm Việt vì coi trọng đức Hiếu hơn chữ Trung quân .

( 1 ) .- *Ở đây tôi theo Mạnh Tử, biết rằng có sự bất đồng ý kiến giữa các học giả: người bảo Thuấn là Tàu, người lại cho là Đông Di. Riêng chúng tôi chú ý đến Văn hoá. Nếu Thuấn theo Văn hoá phương Nam thì có thể kể là Đông Di.*

( 2 ) .-*Thói tục gọi sử quan ghi chép việc bốn phương và “ Tam Hoàng, Ngũ đế chi thư ” là ngoại sử, ta biết Tam Hoàng Ngũ Đế thuộc thời Huyền sử của Việt Nho, vậy mà lại gọi là ngoại thì Việt cũng là ngoại ( xem LeggeIII tr. 11 ).*

### e .- Ông Vũ với đạo Trung Dung

Đến ông Vũ nhà Hạ cũng thế, **thiên Vũ Cống chỉ là một bài ca vũ chứ không là một trang sử** nên không lạ gì khi nó đã thổi phồng công nghiệp của ông Vũ đến độ thần thoại.

**Vì thế không thể tin như sử, mà chỉ nên coi như huyền sử**, với ý nghĩa thâm nhuận triết lý “ Giá sắc ” của Hồng phạm với cái nhân của nó là Ngũ hoàng cực. Tức là triết lý của Viêm Việt thuộc Đông Nam với hai số biểu hiệu là 3 và 2 ( số Tây Bắc là 4 và 1 ). Bài ca vũ của vua Đại Vũ kêu là “ Vũ nhất bộ ”= múa một chân, mà kỹ thuật ở tại bước chân trái trước rồi chân phải bước tới nửa tâm chân trái, lúc ấy chân trái lại mới bước nữa: để nói lên rằng chân mục ( số 2 ) gắn liền với chân chiêu ( số 3 ) : số 2 gắn liền với số 3, chứ không giạng tề he như từ số 1 đến số 4. Thiên Vũ cống chỉ là bài ca hiện thực theo “ Vũ nhất bộ ” kiểu đó, hay là một kiểu dùng vũ bộ để diễn tả cái đạo Trung Dung ( 3 – 2 ) một đạo “ **chấp kỳ lưỡng đoan, dụng kỳ trung ư dân** ” ( 1 ).



**Đó là tinh hoa của thiên Hồng phạm và nó không khác chi hơn là nền Minh triết của Đông ( 3 ) Nam ( 2 ) gọi kiểu khác là của “ Chư Hạ ”, tức là các nước miền Nam ( mùa Hạ ).**

( 1 ) .- Câu trên trích trong Trung Dung ( 60 ) kể lại lời Khổng khen vua Thuấn là đại trí vì hay hỏi han và ưa xét những lời Gàn Gũi, rồi dẫu lời dở, tuyên dương lời hay, nắm lấy hai mối đầu để đem đạo Trung ra ứng dụng cho dân ( không phải vì thế mà Thuấn được kể là vua Thuấn sao ).

**Lời Gàn Gũi tức là lời của dân chúng theo lý tưởng “ Nạp ngôn ” ( thu thập lời của dân chúng ) và cũng có thể là “ thiết vấn nhi cận tư ” ( hỏi những lời thiết yếu, suy tư những vấn đề gàn gũi ).**

Lưỡng Đoan là hai đối cực của bất cứ việc gì, cần phải có óc minh mẫn mới nhìn ra cái Trung của nó ( kỳ ), tức là cái Trung hợp cho lúc ấy, nơi ấy, nên luôn luôn thay đổi, thiếu tinh thần mẫn tiệp không nhìn ra được.

#### **g.- Dân chủ trong Kinh Thư khác với Dân chủ ngày nay như thế nào?**

Để hiểu rõ thêm chúng ta hãy tóm tắt phần Kinh Thư trong ít điểm để **đối chiếu với dân chủ ngày nay**. Có thể nói nền dân chủ đó bao gồm những điểm quan trọng như sau:

1.- **Trước hết là Do dân**, lý do vì dân là tác giả kinh điển: Kinh Thi cũng như Kinh Thư, vì thế mà nguyện vọng dân được hiểu hơn đâu hết. Với Tây phương ý niệm dân chủ do quý tộc đề ra, cũng như cán bộ ban đầu của cộng sản hầu hết do tư bản xuất thân, vì thế nguyện vọng của dân ít được đáp ứng đúng mức.

Cuộc cách mạng Pháp là một bằng chứng: nó chỉ đưa lại sự tự do bình đẳng trong pháp lý, còn trong thực tại kinh tế thì tuyệt nhiên không ( mãi sau này mới sửa lại ). Thế nhưng với dân thì cái ăn làm đầu “ Dân dĩ thực vi tiên ” nên nói dân chủ mà thiếu “ bình sản ” là lý thuyết suông.

2.- **Điểm thứ hai là Dân chủ Tây phương hầu hết đã khởi sự với óc Vô thần chống đối Tôn giáo**, hoặc nữa tuy không chống đối nhưng nhà cầm quyền cũng không còn để ý đến tôn giáo hay Thượng đế, mà chỉ biết có luật để kiểm soát.

**Bên Đông phương không có chuyện Vô thần**, vì nói đến Thiên rất nhiều ( 1 ). Nên những ai bảo Nho giáo vô thần là sai. Tuy nhiên họ cũng có những lý do riêng của họ. Số là có một kiểu bàn đến Thiên cách đặc biệt, khiến cho chữ Thiên tuy không lâm vào số phận như chữ Dieu bị lạm nghĩa đến độ, nói như Linh mục Teillard de Chardin, là không biết dùng danh xưng nào khác để khởi gọi lên những liên tưởng không vui đủ loại, “ Le mot Dieu a été tellement galvaudé qu'on ne sait plus quel terme employer pour faire surgir toutes les déplaisantes associations en le prononçant ou en l'écrivant ”.

**Vì thế văn hoá Liên Hiệp quốc đã định bỏ chữ Dieu nhưng bàn cãi gần 20 năm rồi mà chưa xong.**

Bỏ đi thì mang tiếng vô thần, giữ lại thì cũng bị tiếng hữu thần: đảng nào cũng chết, vì không thể nào hoà hợp với nhau được. Kết quả cả hai phe đều thiếu hướng. Phe cộng sản thì đã rõ, vì họ khước từ mọi hướng tâm linh, nhưng phe thế giới tự do cũng không đưa ra được gì làm chủ hướng. Tại sao chữ Thiên trong Kinh Thư lại tránh được điểm bết tắc đó? Thưa có nhiều lý do, nhưng lý do chính là tại đại diện **Thiên không ai khác hơn là Dân**, như thấy rõ trong phương trình “ Thiên = Dân ”, hay nói rộng ra là “ **Thiên thông minh tự ngã Dân thông minh** ”. Do đó có nhiều hậu quả bất ngờ như sau:

1.- Trước hết **không đặt quan trọng trên luật, nhưng trên Người gọi là Nhân trị.** Trong thực chất phải hiểu Nhân trị là Dân kiểm soát. **Điều đó được thực thi qua 3 biện pháp: một là quan cai trị, hai là có chức quan Thám sát, ba là công luận.**

Như vậy là rộng hơn và sâu sắc hơn dân luật, vì bên trên dân luật còn có Nhân luật, còn có Trời. Điều đặc sắc này khó nhận ra vì bên Tây chính trị được tổ chức cách hiệu nghiệm hơn, nhưng đó là do sự thịnh vượng mà được, mà thịnh vượng khởi đầu do kỹ thuật là cái thuộc về địa tài chứ không do triết.

2.- Điểm thứ hai là **Thiên mệnh không có tập truyền,** nhưng luôn thay đổi từ tay này qua tay kia, tùy theo đức cao thì được quyền, đức kém thì quyền suy, đức hết thì quyền cũng mất luôn. Tuy vương triều đã đưa thế tập vào, nhưng ý niệm cách mạng vẫn được duy trì qua hàng mấy ngàn năm, sớm hơn Tây phương.

**Đó là đại để mấy nét lớn về nền dân chủ chân chính được trình bày trong Kinh Thư.**

Nhiều học giả đề cao Mạnh Tử như người đầu tiên đề xướng óc dân chủ bên Á Đông, là tại không thấy rằng Mạnh Tử chỉ quảng diễn tinh thần Kinh Thư, chẳng hạn ý tưởng then chốt của Mạnh Tử là “ Nhân chính ” thì đã có đầy đủ trong thiên **Ca Dao mô**. Nhiều chỗ ông ta đã trung nguyên văn. Lấy một vài thí dụ. Nói đến Mạnh Tử thì ai cũng nghĩ ngay đến câu “ **Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh** ”. Nhưng đó chỉ là quảng diễn câu 4 trong Ngũ tử chi ca:

**Dân khả cận, bất khả hạ,  
Dân duy bang bản, bản cố bang ninh ”**

Đấng Hoàng tổ ( Đại Vũ ) có lời huấn thị rằng:

Dân nên thân cận, chớ có coi khinh.

Dân là gốc nước; gốc có bền, nước mới an ninh.

**Vì thế cứu cánh của chính quyền là phải lo cho dân được hạnh phúc. Không lo nổi thì mất quyền gọi là mất thiên mệnh.**

Những câu diễn ý đó gặp đầy trong các thiên Thương cao, Thiệu cáo, Hàm hữu nhất đức. . .

Tất cả bảy nhiều đều nằm trong phương trình lớn lao này: Thiên = Dân ; Trời là Dân, Dân là Trời. Trong thiên Cao Dao mô , ông Cao Dao nói với Đại Vũ rằng:

**Thiên thông minh tự ngã Dân thông minh.**

**Thiên minh uỷ tự ngã Dân minh uỷ.**

**Đạt vu thượng hạ.**

**Kính tai hữu thổ!**

( Cao Dao mô 7 )

Trời xem nghe sáng suốt tức là Dân xem nghe sáng suốt.

Trời ban phúc hay ra uy là theo như lòng dân.

Trời với Dân ( trên với dưới ) thông đạt cùng một lẽ.

Ai có đất đai nên kính cẩn vậy thay!

Đó là nguyên lý nền móng, nếu đọc cả thiên ta sẽ gặp những nguyên tắc căn bản tượng tự: thí dụ nhà cai trị phải lấy Tu thân làm gốc. Hoặc nguyên tắc coi trọng việc biết người tài năng mà dùng. Người cai trị giỏi phải có Đức, trong đó nên chú ý hai điểm:

1.- Một là đặt nổi Đức Trung dung tránh quá đáng

2.- Hai là dùng những số của Việt Nho như 3, 5 và nhất là 9 của Cửu Lê như Ngũ điển, Ngũ lễ, Cửu đức. . . Như thế, chỉ nên coi sách Mạnh Tử như một truyện, tức một sách giải nghĩa rộng Kinh Thư, và lúc ấy Mạnh Tử rõ ràng nhất.

Còn như muốn tìm về nguồn gốc tinh thần dân chủ trong Nho giáo thì phải đi lên nữa tận thời khuyết sử của Việt Nho mới dễ nhận ra Dân với Việt là một. Hán tộc với Vương triều không hai, vì khi tinh thần dân chủ bị đàn áp thì cũng chính là sự tiếp nối trận tuyến giữa Viêm Việt và Hoa Hán xưa kia. Và sẽ còn tiếp nối trong các thời sau giữa vương đạo và bá đạo, giữa nhân trị và pháp trị.” ( *Hết trích* )

### 3.- Kinh Dịch: Thuật quyền biến

( *Tinh hoa ngũ điển: VIII.- Kinh Dịch. Kim Định* )

#### a.- “ Thiên Địa chi động, trinh phù nhất giả dã ”

“ Nền móng của Việt Nho nằm trong quyển kinh Dịch, vì Kinh Dịch là quyển sách duy nhất trên thế giới ở chỗ không có chữ. Những chữ về sau chỉ là “ Hệ từ ”, nghĩa là những lời treo vào, treo vào nghĩa là đã có Kinh rồi, lời đến sau chỉ để phù hoạ thôi, chứ không là thành tố của sách. Các Kinh sách khác được thành nên bởi lời, bỏ lời đi là không còn sách. Với Kinh Dịch thì bỏ lời vẫn còn sách, vì nó nói bằng biểu tượng, bằng thể chế. Thể chế là nội dung của biểu tượng, khiến biểu tượng không bị rút ruột đó là chỗ đặc trưng định tính, nghĩa là có như vậy mới chu toàn được sứ mạng cao cả, là duy trì những chân lý nền tảng cho cuộc nhân sinh.

Thường thì người ta không nhận ra được nét đặc trưng này, vì nền văn minh nào mà chẳng dùng biểu tượng, nhưng chỉ có biểu tượng trong Kinh Dịch là làm tròn được câu:

“ Thiên hạ chi động, trinh phù nhất giả dã ” ( ht1 ): “ Cái đạo của động là phải trinh bền với nhất ”.

Đó là câu nói khó vô cùng, vì chứa chấp một mâu thuẫn nền tảng, mà nếu không thoát ra được thì sẽ không đạt được cõi sinh sinh hoá hoá, mà chỉ nằm lì lại trong bình diện hình tượng, tức trong vòng sinh diệt.

**Cái khó khăn là phải vừa trinh với nhất vừa phải động.**

Hễ động là có đa, không có đa làm sao động. Nếu không có điểm B . C thì làm sao A có thể chuyển động sang B. Cho nên nói đến động là nói đến đa, mà đã đa thì làm sao trinh bền với nhất. Đây là cách nói tiên thiên để có thể phù hợp với mọi biến cố hậu thiên. Mà hậu thiên thì luôn luôn biến hoá, ngay đến tâm trạng con người chúng ta cũng chia đại để ra được ba chặng: **Bái vật, Ý hệ và Tâm linh. Bái vật là thời tôn thờ thần thoại; Ý hệ lại chối bỏ thần thoại để đi vào khoa học. Làm thế nào để duy trì cái hay của thần thoại, mà lại tiến lên đợt khoa học. Nếu trinh bền tuyệt đối với thần thoại, thì đời đời vẫn còn là bái vật nô lệ cho dị đoan. Còn nếu phải bỏ dị đoan để nhảy sang lý trí hoàn toàn thì tự nhốt mình trong ý hệ mà hậu quả là cá nhân chủ nghĩa: chỉ thấy đa mà không thấy nhất, chỉ thấy có mình lẻ loi mà không thấy mối liên hệ ngầm ràng buộc tha nhân tha vật với mình.**

Đó là tóm lược khó khăn cho con người ở bất cứ giai đoạn nào, vì con người được đặt trong quá trình biến đổi. Cho nên cái nhất phải trinh bền không còn hiện ra y hệt, nhưng mặc thiên hình vạn trạng, và vì thế con người không thể trinh với, nên đâm đầu vào biết bao mâu thuẫn đủ loại: nào mâu thuẫn giữa truyền thống với tiến bộ, giữa cổ với kim, giữa Đông với Tây . . . Tóm lại mọi xung đột trong ý hệ đều phát xuất từ chỗ bất lực thi hành câu trên.

**Trong nền văn hoá nhân loại ghi nhận được tới nay, ta thấy nền văn hoá Dịch Lý của Việt Nho đã thoát ra khỏi gọng kìm đó, và vươn lên đột phá là Tâm linh.**

Hãy chứng minh câu trên qua các biểu tượng của nó. Lúc ấy ta sẽ thấy sự kiện rất dễ nhận ra, mặc dầu chưa được ai nhận ra đó là biểu tượng của mọi nền văn minh đều cố định, cùng lắm thì thay đổi bằng thế đặt ngược hoặc xuôi. Ngược lại biểu hiện Kinh Dịch thì thiên biến vạn hoá, đến nỗi muốn lên số thì không cùng, chỉ mới kể ra mấy loại chính cũng chưa hết, huống chi mấy loại chính còn gồm biết bao loại tùy. Tuy nhiên ta đành phải tạm bằng lòng với chút ít đó.

### **b .- Biểu tượng chính**

Hãy khởi đầu bằng loại **biểu tượng nền móng là Âm Dương**: hai chữ này có nghĩa rộng mênh mông như Đất Trời, ngày đêm, sáng tối, trên dưới, trong ngoài. . . nghĩa là không chịu hạn cục vào vật nào, nên **không là vật độc khối im lìm, mà là động dịch nên lưỡng điện**. Tính chất lưỡng điện này không là tùy phụ, nhưng chính là cơ cấu, là Đạo, nên nói : “ **Nhất Âm, nhất Dương vị chi Đạo** ”.

Vậy Dương biểu thị bằng nét liền ( — ), cũng gọi là Cơ, số lẻ Âm bằng nét đứt ( — — ) cũng gọi là Ngẫu, số chẵn. Rồi chồng lên nhau nữa ( theo phép hoán vị : permutation) làm ra **quẻ đơn có ba vạch**, gọi là quẻ đơn, để chỉ sự vật nào cũng tham dự vào Tam tài: Thiên, Địa Nhân. Rồi cũng theo thể thức ấy, các quẻ đơn được chồng lên nhau nữa, làm thành ra **quẻ kép có 6 nét**. Có **tất cả có 64 quẻ** biểu thị những sự vật có hình tích đã tham dự vào các biến cố cũng như là tình trạng. Triết lý nằm trong mối liên hệ giữa quẻ ngoài ( hạ ) và quẻ trong ( thượng ) hay là ở chỗ “ **hợp ngoại nội chi đạo dã** ”.

Bởi vậy 64 quẻ được coi như bao gồm mọi biến cố, mọi sự vật có thể xảy ra, có thể xuất hiện trên bình diện hiện tượng. Chính sự giao thoa hai quẻ thượng hạ nói lên chữ Tương:

“ **Sông Tương nước chảy đôi dòng** ”:

**Dòng Tình với dòng Lý,**

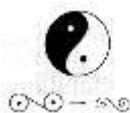
**Dòng Lý trí với Duệ trí,**

**Dòng Tâm linh với dòng khí chất. . .**

Tức là một tính chất mà khoa học hiện đại mới khám phá ra và gọi là Lưỡng- điện- tính. Đây là tinh hoa của Kinh Dịch. về sau các Nho gia thêm vào một số biểu tượng biến thể để nói lên sự biến hoá ngay trong biểu tượng. Chúng ta cũng nên biết tới vì nó vừa có liên hệ mật thiết với biểu tượng căn bản là Âm Dương, đồng thời triển khai sự phong phú vô biên của biểu tượng chính. Ta thử theo dõi sự tiến triển của hai nét Âm Dương .

### **c .- Mấy loại Biểu tượng biến thể**

1 .- Trước hết là đồ biểu **Âm Dương kiểu tròn**.



Đồ biểu này diễn tả chân lý quan trọng hơn hết là **Âm Dương xoắn xuýt lấy nhau: trong Âm có Dương, trong Dương có Âm**. Nhưng để khỏi lầm thì, nửa Dương màu trắng, nửa Âm màu đen. Đây là một biểu tượng được dùng tới nhiều nhất vì đẹp nhất, đơn sơ nhất, đồng thời cũng nói to lên bài học thiết yếu cho con người thời đại bị bệnh một chiều kích ( unidimensional man như Marcuse nói ), vì đánh mất mối liên hệ với Tâm linh tiềm thể như đã nói trên.



2.- Vì bài học này là then chốt nên lại được nhắc nhở một cách chi tiết hơn bằng biểu tượng **Thái cực viên đồ**. Loại hai này tuy thoạt coi rất phiền toái, nhưng chưa dùng hình thái nào khác mà chỉ chồng lên: Thay vì 1 vòng thì 3, 7 vòng, rồi các nét thẳng trở nên trở nên dài vẫn tùy đợt. Có 7 đợt là có ý nói lên 7 đợt tiến hoá của Tâm thức. Điều quan trọng là tiến tới đợt nào sâu hay nông ( chỉ bằng những nét thẳng vẫn hay dài ) thì đều được bao bọc bằng vòng tròn ( biểu thị trung cung hay là Tâm linh. Đó là nền văn minh triết thâm hoá khác với triết học nhị nguyên thái bỗ : assimiler au lieu de détruire ).

Nhiều tôn giáo xưa cũng nói lên cùng một chân lý bằng ẩn dụ như chim thiên nga cắn bụng lấy máu nuôi con, con nào cũng được nuôi dưỡng bằng máu mẹ, thì ở đây cũng vậy: **không ô nào dù to hay nhỏ mà không thành bởi hai nét tròn và thẳng, tròn chỉ mẹ, thẳng chỉ con.**

3.- Bây giờ bàn đến biểu tượng khác, trong đó **nét Âm thẳng biến thể ra hình vuông**, thì tất cả trở nên vuông, nhưng ô trên lớn gấp hai ô dưới.



Đây là biểu tượng hay nhất để nói lên nguyên lý nền tảng của triết lý là “ **Nội hàm càng nhỏ thì ngoại hàm càng to** ”. Nếu nội hàm ở đợt 3 thì bao được có 2 quả ( ngoại hàm ), còn nếu lên đợt hai thì bao được 4. Khi nội hàm hết đợt 1 thì bao tất cả bát quái, vì đợt 1 nhỏ nhất tức chỉ có 1 ô thay vì 2, 4, 8 ở các đợt 2, 3, 4 dưới. Áp dụng vào con người: khi một người càng tiến sâu vào nội tâm thì càng trở nên đơn giản nhưng khả năng bao dung trở nên rất rộng: khi trở vào đến Tâm linh thì sức bao dung trở nên mênh mông như vũ trụ, lúc ấy sẽ thấy “ Ngô Tâm tiện thị vũ trụ ” và do đây “ Vũ trụ mạc phi phận sự ” ( Nguyễn Công Trứ ).

#### d.- Biểu đồ tròn vuông pha trộn.



Tròn chỉ Trời, vuông chỉ Đất ( = **Thiên viên Địa phương** ) và sẽ được diễn tả cách cụ thể qua rất nhiều vật dụng, như tiền tệ tròn ôm vuông ( tiền đồng xưa ), hoặc tròn trên vuông như bánh chưng bánh dày. . . Tất cả đều nói lên **chân lý tìm Đạo ngay giữa Đời.**

#### e.- Loại Biểu tượng bằng Số.

4	9	2
3	5	7
8	1	6

Loại này **dùng cả Số lẫn Hình** như sau làm nên một loại Biểu tượng tuyệt diệu đứng giữa Hiện tượng và Ẩn tượng, vừa có tính cách khoa học rất chính xác như hình học số học, nhờ vậy nó vượt ra khỏi Thần thoại quỷ thần.

“ **Kính quý thần nhi viễn chi** ”. Viễn chi bằng **hình học số học nên vẫn là linh tượng** là loại chứa đựng nhiều yếu tố giản hoà hơn hết giữa hai bờ nhất đa. Chính vì thế mà quá trình sinh hoá vũ trụ của Dịch ( Thái cực sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh Tứ tượng. . . ) được các học giả lớn kể là vất vả nhất nhưng lại phong phú nhất và gần khoa học hơn hết.

Nếu dùng mức độ huỷ diệt thần thoại làm thước đo một nền triết thì Kinh Dịch ở mức độ cao nhất vì huỷ diệt thần thoại rất tài tình bằng kiểu thức hoá thí dụ hai thần Nam Nữ ôm nhau bên Tibet hoá thành hai gạch Âm Dương chồng lên nhau.

Tóm lại ta có thể nói:

- 1.- Kinh Dịch là một sách dùng toàn biểu tượng
- 2.- Biểu tượng đã đạt đến mức đơn giản cùng cực vì chỉ còn hai nét liền và đứt.
- 3.- Nhưng lại biểu thị được hết mọi sự việc trên: Trời, Đất, Người.
- 4.- Vì thế nó biến hoá vô biên.
- 5.- Thoạt tiên hai nét đứt với liền trở thành Dọc với Ngang .
- 6.- Rồi thành Vuông với Tròn.
- 7.- Rồi từ Dọc Ngang, Vuông Tròn biến hoá vô cùng với Số độ .

Thứ đến biến hoá kia không phải là một trò chơi rỗng, nhưng là diễn đạt những Chân lý sâu thẳm những c=Chân lý thiết yếu cho con Người vốn là vật Lương Thê, vì thế cần đến sách bàn cả hai cùng một trật. Đó là điều không sách nào bàn nổi, vì dùng lời thì là đã hiện hình, mà đã hiện hình ( tại Địa ) thì hai vật chống đối không thể ở với nhau: nước không thể ở với lửa .

Điều đó chỉ có thể ở đợt Tượng : “ Tại Thiên thành Tượng ”: Tượng lửa với Tượng nước ở với nhau được. Đó là lý do sâu xa tại sao Kinh Dịch chỉ dùng Tượng và tại sao chỉ có Kinh Dịch là nói lên được những Chân lý cao sâu hơn cả .

Nhân loại hiện nay đang trải qua một giai đoạn đầy thay đổi mau lẹ và chưa tìm ra được quyển Kinh nào dạy cho đường lối đối thay thế nào mà vẫn trúng Đạo. Và đó chính là cơ hội để đề cao Kinh Dịch vậy.

### Phụ chú

Kinh Dịch vốn truyền tụng lâu đời trong dân gian, nhưng chưa viết thành chữ, thành lời, chỉ mới có những vạch, những quẻ. Lời là mới được thêm vào sau này ( gọi là Hệ từ tức là lời treo ), mặc dầu gọi là Kinh cũng thế. Vậy lời vốn không thuộc bản tính Kinh Dịch, mà do người đời sau thêm vào.

Vấn đề là do ai ?

Tục truyền do Văn Vương nhà Chu, nhưng dù cho ai khác thì sự thật cũng không hề gì, mà càng nói rõ lên sự “ Dĩ công vi tư ” : đổi chữ Chu Dịch của Chu tri ra nghĩa Dịch nhà Chu. Như vậy là bắt Kinh Dịch phải phục vụ cho Vương triều.

Nên từ đó Rồng không còn là cái linh đức phổ biến, mà trở nên biểu hiện riêng cho Vua, xuất hiện trên các đồ dùng của Vua. Vì thế mà Quẻ trở nên Quái. Bát Quẻ trở nên Bát Quái, dẫn đến cái mà ông Wilhelm gọi là cuộc lường gạt ( hocus pocus ), kéo dài hơn 20 thế kỷ, vì các Quái đó đã trở nên trò chơi của lý trí ( jeu intellectuel stérile ). Biết bao học giả thay vì đi tìm nguồn cảm hứng chân thật thì lại mất công vẽ lại những Tiêu biểu rỗng . Cho nên ông Needham cho là Kinh Dịch đã làm ngăn trở bước tiến của Á Đông, đáng buộc cối đá mà vát xuống biển ( II 335 ). Sự thật có phần đúng như vậy, vì trong dĩ vãng Kinh Dịch đã là mức màn che dấu sự trống rỗng (Refugium ignorantioe ) cho bao học giả, nên mỗi khi nghe nói có ai viết về Kinh Dịch thì đâm ra lo sợ vì e người ta lại tạo thêm lý do khiến Dịch càng càng đáng vát xuống sông biển ( Corruptio Optimi Pessima ! )

Về Âm Dương người ta cũng tìm được nhiều dấu vết tự lâu đời, vì Ngũ hành vốn đã bao hàm Âm Dương. Nhưng xuất hiện rõ nhất ở trong “ Ngô Việt Xuân Thu ”, nên đã nói lên mối liên lạc với truyền thống Đông Nam hay duyên hải phía Nam ( Southern coastal origin. Need II . 275 ).

Đây là nơi học giả Needham đã khảo sát tỉ mỉ nhất về nguồn gốc Âm Dương. Ông cho là có liên lạc với **hình xoắn ốc chữ S** gặp thấy ở Ngưỡng Thiều thuộc Tân Thạch là biểu hiệu của tôn giáo Phong Nhiêu ( a dualistic fecundity symbol id. 278 ), tức của Viêm Việt.

Đó cũng là lập trường của học giả Granet trong quyển Fêtes et Chansons khi đề cập **Trống Quân với tôn giáo Phong Nhiêu**.

Sở dĩ các học giả này quan trọng hoá Trống Quân, Âm Dương, bởi vì nó đặt nền tảng vững chắc cho Minh triết, nên có sức bao hàm mênh mông của một dạng thức đồ sộ theo kiểu nói của ông Needham, colossal pattern ( II . 279 ).

**Do đó cũng là nền tảng cho Triết lý cơ thể, là nền Triết có khả năng tạo dựng những xã hội cho nhau thay vì dật của nhau, gây nên bởi Triết học lý niệm** ( Not in human society only, but throughout the world of nature, there was a give and take, a kind of mutual courtesy rather than strife among inanimate powers ).

\*.- Về nguồn gốc Ngũ hành, ban đầu các học giả cho Ngũ hành phát xuất từ Âu Tây hoặc Hung Nô hay Turc . Ý niệm này về sau bị bác bỏ bởi Forke ( Đức ) và De Saussure ( Need II. 246 ). Cũng không thể là do Hy Lạp, vì Hy Lạp thiếu tính chất tác hành, mà chỉ có 4 yếu tố ( Need I . 154 ), và lại **Âu Tây quen dùng Tứ hành** . Các Thừa sai Dòng Tên khi sang Tàu còn hãnh diện truyền bá Tứ hành trong khi Âu Tây đã chối bỏ từ nửa thế kỷ trước ( Need II . 279 ).

**Ông De Saussure đã chứng minh dấu vết Ngũ hành có từ trước đời Nghiêu như đã được ghi trong Nghiêu Điển**, được chứng minh bằng lối xếp đặt trăng sao như đã bàn trong Chữ Thời. Còn xuất hiện rõ nhất thì phải đợi đến mãi từ thế kỷ IV tr. c. n. ở vùng Tề, Yên, tức vùng nhiều Lạc Việt ( Need II . 242 – 244 ) . Có 3 nhóm :

- 1.- Âm Dương gia quy vào Sự vật.
- 2.- Châu Diển quy vào Chính trị, Xã hội, Nhân bản.

Và đó là con đường của Việt Nho, vì đường hướng của nó khác xa lối tai dị.

Thư 1 , 2 để trọn vẹn vào Tâm linh với Ngũ Hoàng cực, mà Ngũ Hoàng cực là Tâm trí của Lạc Thư: **Tìm cái phi thường trong những cái tầm thường. Cái tầm thường là Đông, Tây, Nam, Bắc đâu cũng thông với Trung cung vô hình**. Đó là sự hoàn bị ở cấp cao nhất có thể nghĩ ra trong con đường Triết lý, hoặc nói cao lên một bậc là hai phái trước theo lối Huyền bí còn Hồng Phạm theo Lý tưởng, và đó cũng là hướng của Việt Nho. “

( Trong quyển Dịch Kinh linh thể khi nói đến Dịch của Việt thì xin hiểu là Kinh Dịch )

#### 4 .- Kinh Lễ : Khi Người ở với Người

( Tinh Hoa Ngũ điển: VII.- Kinh Lễ. Kim Định )

##### a .- Chiếc gậy mục đồng

“ Người chăn súc vật phải dùng roi gậy mới bắt chúng tuân theo một đường tiền thoái nhất định.

Đây là phương thế hiệu nghiệm nhất cho loài Vật. Phương thế đã được Tù trưởng những đoàn người du mục áp dụng vào việc cai trị Người. Lâu ngày ngấm dần vào Tiềm thức, những người cầm đầu xã hội lý cũng cho đó là phương thế duy nhất để điều khiển con Người và do đó mà có những hình thức cai trị độc tài, chuyên dùng Bạo lực, dùng hình phạt, không kể chi tới những Tình cảm riêng tư của con Người, nên tìm cách ngăn cấm, tiêu diệt không cho phát triển.

**Song con Người không chỉ là con vật, nhưng là “ Nhân linh ư vạn vật ”.**

Linh có nghĩa là vi tế, và uyển chuyển phong phú vô biên ( Thần vô phương, Linh cũng vậy ) cho nên bất cứ luật lệ nào hay hình thái ước định nào, cũng đều quá thô sơ nghèo nàn không đủ đáp ứng cho nhu cầu có tính chất linh thiêng kia.

**Vì thế mà con Người theo với đà tiến dần lên đợt Tâm linh, thì nó không bằng lòng với lối sống như đoàn vật nữa: nghĩa là do người ngoài bắt buộc. Nhưng phải do tự nội, tự chủ, tức nó đòi một lối cai trị để cho người công dân vẫn còn quyền tự chủ, gọi là Nhân chủ. Và thế là nảy sinh ra một lối cai trị gọi là Lễ trị.**

#### **b.- Nền móng Lễ trị**

Người là vật linh thiêng, nên cũng có tính chất như thần. Mà thần không lệ thuộc chi cả, mà là tự thể, tự nội, tự lực. Lễ trị với Tự trị giống nhau ở chỗ dành cho mọi người được rất nhiều dịp thực hiện sự tự ý, tự tình, tự sáng tạo: luôn luôn sáng tạo cho hợp với hoàn cảnh cũng luôn luôn biến chuyển. Tuy những biến chuyển nhiều khi rất phức tạp tế vi, nhưng con Người nếu phát huy được linh tính thì cũng đáp ứng được hoàn cảnh. Và chính vì thế mà Lễ trị khó hơn Pháp trị rất nhiều, vì chỉ cần đặt định một lần rồi áp dụng cho mọi trường hợp. Những trường hợp ấy đối với những loại thịt bắp vai u thì kể là như nhau, nhưng với những tâm hồn nhạy cảm trước những cái tế vi thì lại khác vô cùng, nên cần đến Lễ trị hay là lối điều lý uyển chuyển linh động. Ai cũng thấy đó lá lý tưởng, mà đã là lý tưởng thì rất khó, vì thế dầu là Lễ trị cũng phải có một số điểm tựa chung, nếu không sẽ đâm chân lên nhau, vì lúc ấy thức, ngủ, ăn, làm, lễ thói không còn tiêu chuẩn nào để y cứ, thì đời sống chung nhất định bất khả hiện thực.

Vì thế mà cần phải có một số ước định thường do lương tri của dân chúng đề ra, rồi cũng có thể được các vị hiền triết văn sức nên vừa hợp tình người, gọi là lễ tục ( lễ là lệ ) mà đồng thời cũng có cái gì thuộc tâm linh, là vì hợp với bản tính con người.

**Xét về cả hai mặt Nhân lẫn Dân, và mọi người tự nguyện tuân theo. Chỉ lúc ấy mới có thể vừa tự trị xứng với Nhân chủ, vừa có thể sống với nhau xứng tình thần Dân chủ. Đó là cùng tốt của lễ. Cho nên nói đến tự trị là nói đến Lễ trị, một sản phẩm riêng biệt của văn minh nông nghiệp, nền văn minh nông nghiệp chính thống bao giờ cũng uốn mình nương theo tiết nhịp của trời đất, của thiên nhiên, của thảo mộc mùa màng. Chính vì sự nương theo đó lâu ngày ngấm vào tiềm thức, con người đã nghĩ ra một lối điều hợp xã hội tuân theo hoàn cảnh tiết nhịp của mỗi người.**

#### **c.- Thế nào là Nhân đức**

**Có một khía cạnh khác cần được nhắc tới, là văn minh du mục dẫn tới triết học cơ khí, mọi sự tự ngoài ấn định. Còn triết học nông nghiệp thì lại có tính cách cơ thể tự nội mới được chấp nhận, vì hợp với con người có tính chất nhân linh.**

Linh cũng như thần không cậy dựa vào đâu cả, nên nếu “ Thần bất ý, thì linh cũng bất ý ”. Vì thế một trong những lễ đặc sắc của Việt Nho là Lễ Gia Quan nhằm khuyến khích thanh niên phải trưởng thành, phải nhận thức ra giá trị của con người có nhân đức.

#### **Đức là gì?**

Hàn Dũ định nghĩa đức rất hay rằng: “ Có đủ nơi mình, không mong chờ ở ngoài ” gọi là đức. ( Túc hồ kỹ, vô đãi ư ngoại chi vị đức ). Như vậy nhân đức là khi không dựa vào Thiên hay Địa, nhưng tự tín, tự cường. Đó là đường lối làm trưởng thành con người. Ở các xã hội



theo cơ cấu du mục cũng có ý niệm về thần về linh, nên cũng có lễ, nhưng chỉ được dùng trọn vào việc tế tự đối với thần minh.

Chỉ có bên Á Đông mới có sự mở rộng lễ ra tới con người, trong những mối nhân luân, để có thể nói là người coi người như có chất của thần linh “ homo homini deus ”. Đây là thái độ cùng cực nhưng hợp lý do quan niệm của linh. Nếu là linh thì lối đối xử phải là linh tức bằng lễ như đối với thần minh vậy.

Chữ lễ kép bởi bộ thị ( 礼 ) là linh trước áp dụng cho trời đất, quỷ thần, được Việt Nho áp dụng cho con người, vì con người cũng linh nên cần mở rộng biên cương lễ ra để bao quát được cả con người, mọi con người không phân biệt.

Cụ thể hơn là hiện nay ta thường gặp rất nhiều “ Thành tài ” xuất thân từ trường nọ viện kia. . . chỉ biết vênh vang tự mãn, kiêu căng. hách dịch. . . mà u mê về nhân tình thế thái, không biết xử kỷ tiếp vật. . . , là tại những nơi đào tạo ra họ chỉ nói về cơ khí, về chuyên môn, mà không về nghi lễ với thần với thánh, Còn đời sống thực thì chẳng ai dạy cho. Âu cũng là tại những nơi đào tạo ra họ đã bỏ chữ lễ áp dụng cho nhân luân, để đi theo đường lễ áp dụng trên dưới rất quen thuộc của những nền văn hoá chưa đạt nền tảng nhân chủ .

**Tóm lại Lễ trị là hậu quả tất nhiên của quan niệm có tính chất cơ thể về vũ trụ, cũng như tâm linh về con người, phát xuất từ nền văn minh nông nghiệp.**

Đó là điều cần được chú tâm cho con người thời đại đang đau khổ vì triết lý duy vật. Vì duy vật nên xã hội loài người trở nên cái guồng máy vô hồn quay bất chấp đến tình người, bất mọi người phải trút bỏ trọn vẹn những gì linh thiêng, vì thế cần chú trọng đến Lễ trị để thiết lập lại thế quân bình cho nền văn minh hiện đại.” ( *Hết trích* )

## 5 .- Kinh Xuân Thu : Đạo vào Đời

( *Tinh hoa Ngũ điển: IX.- Kinh Xuân Thu. Kim Định* )

### a.- Tranh luận về bản chất Kinh Xuân Thu

“ Chữ Kinh đi kèm với Xuân Thu đã nói tầm quan trọng của quyển sách này, thế nhưng các Nho gia lại còn muốn nhấn mạnh sự quan trọng này bằng cách gán cho nó tính chất bí nhiệm. Sự việc nảy sinh là do chính bản văn, không phải vì nó có vẻ bí nhiệm hóc búa như văn Kinh Dịch, Kinh Thư, nhưng vì nó rất tầm thường.

**Thật vậy khi mở sách Xuân Thu hầu như ai cũng thất vọng vì không thấy điều gì lạ cả, mà chỉ ghi chép việc làm của vua nước Lỗ: lên ngôi, cưới hỏi, đi săn, đánh giặc, ghét con này, đặt con kia, sủng ái bà này, bỏ bà kia, cuối cùng thì chết, bị ám sát. . . Mọi việc lại có ghi cả ngày tháng, nên gọi là biên niên. Thế thôi. Ngoài ra không tỏ dấu hiệu gì khen chê, ngạc nhiên hay phê bình, nhiều khi không ghi đủ các hoàn cảnh để giúp cho công việc phê bình về sau này nữa.**

Bởi thế nếu không có tam truyện, nhất là Tả truyện thì Xuân Thu cũng giống như bất cứ quyển biên niên nào khác, không có gì chứng tỏ rằng đã được san định do một bàn tay Thánh Triết, để trở nên một Kinh Điển. Thế mà vẫn được xem là Kinh. Tại sao lại có thể xảy ra việc kỳ lạ đó ? Các Nho gia giải nghĩa bằng thuyết Bao biếm tức dùng một hai chữ ngụ ý để phê phán, phân biệt Thiện Ác, như được đúc kết trong Tam Tư Kinh:

**Thi ký vong  
Xuân Thu tác  
Ngụ bao biếm  
Biệt Thiện Ác .**

Khi Kinh Thi đã hết, thì đến Kinh Xuân Thu xuất hiện, dùng lời văn hàm ngụ và bao biếm ( chỉ một cách ẩn ) để phân biệt Thiện ác. . . . Trong số các Nho gia nhận thuyết trên có cả Mạnh Tử. Ông nói vì tình thế suy đồi . . . nên “ **Khổng Tử cụ, tác Xuân Thu** ” và “ **Khổng Tử thành Xuân Thu, nhi loạn thần tặc tử cụ** ” ( Đằng Văn Công hạ 9 - 11 ). Tư Mã Thiên cũng khen tặng Kinh Xuân Thu như một gương soi ( **thông giám** ) để giúp hiểu đạo Trời, Đất, Người cách cụ thể. Một số Nho gia khác như Mã Đao Lâm, tuy có chấp nhận thuyết bao biếm, nhưng cho rằng chính bản văn Xuân Thu có Khổng Tử san định đã bị thất lạc trong thời đốt sách chôn Nho ( Legge 18 ), còn sách đang lưu hành hiện nay chỉ là quyển biên niên của nước Lỗ, hoặc của ba nhà làm truyện ( Công Dương, Cốc Lương, Tả Thị ).

**Vì thế Xuân Thu không biểu lộ được sự cao sâu của nó.**

Hoặc giả James Legge không đồng ý với Mã Đao Lâm, cũng như không chấp nhận thuyết “ ngụ bao biếm ” của các Nho gia, mà chỉ căn cứ vào bản văn để hạ giá Khổng Tử. Ông không đồng ý cho Khổng Tử là một vĩ nhân, mà chỉ được người Tàu tôn lên bậc thầy, nên đã có thể dẫn dắt Đông phương. Nhưng chính sự dẫn dắt đó, làm họ sai lầm cũng như đã phá mất đường chính thật của họ.

“ It is who leads them that causes them to err and has destroyed the way of their path ” ( Legge 51 ). Ý kiến của Legge lẽ ra chẳng cần nhắc tới, nhưng vì bản dịch của Legge đã lưu hành trên khắp thế giới, bởi vậy thiết tưởng cũng cần phải bàn tới, vì tuy đã bị nhiều học giả lớn bác bỏ, nhưng chưa thấy ai nói đến được lý do chính tại sao Legge lại hạ thấp Khổng Tử đến như vậy ( 1 ).

Lý do đó nằm trong câu kết dẫn vào quyển dịch Xuân Thu của ông như sau : “ If my study of the Ch'un Ts'eu help toward convincing them of this and leading them to look away from him to another teacher, a great aim of my life will have been gained. Legge V. 53 ” : “ Nếu việc tôi nghiên cứu sách Xuân Thu có giúp cho người Tàu tin như vậy ( tức tin rằng Khổng Tử làm cho người Tàu lạc đường ), và ngửa mặt lên nhìn ông Thầy khác, thì mục đích lớn của đời tôi đã đạt.

**Legge là một thừa sai Tin lành, thì mục đích chính của ông là làm cho người Tàu bỏ tôn thờ Khổng Tử để tin theo ông Thầy khác. Đây là điều dễ hiểu.**

Ông được sai đến nước Tàu không ngoài mục đích nọ, cho nên khi ông nghiên cứu Nho giáo thì không phải nghiên cứu xem Nho có điều chi hay đáng học hỏi chẳng, nhưng là để xem có những điều nào bất bẻ được để hạ giá Khổng Tử, và ông đã thành công, nhưng đã đạt được một việc là làm cho dân Tàu hết tôn thờ Khổng; còn bước sau là “ nhìn đến ông Thầy khác ” thì cũng có, nhưng lại trái ngược hẳn với điều mong ước của Legge, vì **Thầy khác đó không là đáng Christ mà là Karl Marx**, tức là còn tệ hơn là tin ở Khổng, thì các thừa sai còn có thể giảng đạo bên Tàu. Nhưng một khi đã tin Karl Marx thì có nghĩa là 5000 thừa sai phải cuốn gói rời khỏi đất Trung Hoa. Vì các ông Thầy Tây độc đoán không chịu nhau được như các ông Thầy ở Đông phương. Vong linh Legge có sướng chẳng ?

Điều đáng nói trong giới trí thức Trung Hoa đã có nhiều người học giả có tinh thần quốc gia như Hồ Thích, người hay mạt sát cái di độc của Kinh Xuân Thu, mà không nhận ra thâm ý của

Legge. Ấy thế mà khó chi đâu vì Legge đã nói rõ mục đích của ông không phải là học giả mà là thừa sai. Thừa sai không phải được sai đi tìm hiểu, nhưng để tranh đấu cho một đạo lý ( leur métier n'est pas de comprendre mais de se battre. Journal XIII ). Và Legge đã chu toàn nhiệm vụ một cách khoa học. Ông đã đi nhặt các điều mà ông cho là “ sai lầm ”, của Xuân Thu, thí dụ lẽ ra phải nói bị “ ám sát ” mà chỉ nói là chết, . . . cứ thế đến gần 20 trang ( từ 38 – 53 ) mà không hề nói lấy một lời về căn bản của sách, **thì rõ rệt Legge tỏ ra là một nhà truyền giáo, không phải là một nhà khoa học.**

Tại sao giới trí thức Á Đông không thấy điều đó mà lại chạy theo ông ta, có nên gọi là trí thức mất gốc ?

( 1 ) .- Công trình dịch thuật của Legge quả là giá trị , nhưng không phải vì vậy mà ông đạt được Triết Nho. Chỉ một câu dịch sau chứng tỏ ông mới là Nho học chưa là Nho Triết: “ The master said : No! no! the superior man is distressed List his name should no be honourbly mentioned after Xuan Thu . Tr. 14 ”

### **b.- Tính chất cách mạng của Xuân Thu**

Tại sao không nhận thấy lời của Legge chỉ là một phán đoán theo sự đánh giá chủ quan của ông ta, mà không biết sống lại không khí thời Xuân Thu, giữa những hoàn cảnh đã khiến người xưa viết ra.

**Nếu chỉ nhìn theo hoàn cảnh, sẽ nhận thấy rõ tính chất cách mạng nhẹ nhàng của Khổng Tử: không cần phải sửa đổi sách, mà chỉ cần giật sách Xuân Thu ra khỏi vùng quyền lực của nhà vua, để biến thành vấn đề học hỏi phê phán của toàn dân.**

Nội việc làm đó là một hành động mang đầy tính chất cách mạng rất nguy hiểm, đòi hỏi người hành động một đức tính can trường, vượt xa công việc ngồi nặn mấy câu văn, vì đây là việc tranh đấu thực sự cho Nhân quyền chống với chuyên chế. **Chính vì chuyên chế mà trước kia sách Xuân Thu là việc riêng của Vương triều mà không nói chi đến dân gian, không dă động tới đời sống sinh hoạt của xã hội** ( vì thế mới gọi là biên niên ). Đã vậy những việc riêng của Vua Chúa lại che dấu không cho dân biết đến. Đây là một thói quen đời xưa, mà nhiều triết gia coi là chí lý, có người còn đặt ra thuyết đề bệnh vực như “ thuật ” của Pháp gia. Cả đến những người giàu óc công thể như Lão Tử cũng còn bệnh vực sự che dấu đó “ Quốc chi lợi khí, bất khả thị nhơn ”.

**Nhưng Khổng Tử đã dám lợi ngược trào lưu, tuy ông không tuyên bố gì cả nhưng đã lôi Xuân Thu ra khỏi độc quyền của Vương triều để đưa ra làm đề tài “ Thanh Nghị ” cho nhân gian. Việc làm đó có tính chất cách mạng, xứng danh là của một vua, chứ lúc ấy thường dân có mấy ai dám làm.**

Vì thế mà người sau tặng ông chức Tố Vương, tức là vua không ngại. Không ngại vì ông chỉ là một thường dân, nhưng lại xứng tước vương, vì dám bàn đến Xuân Thu tức là việc của Vương triều “**Thiệt Tố Vương chi pháp, vi thiên tử chi sự dã**” ( Legge 57 ). **Làm việc đó Khổng Tử đã trả lại cho dân gian cái quyền cổ hữu đã bị vương triều cưỡng đoạt bấy lâu nay, là quyền nghị luận về việc nước. Khổng Tử đã tranh đấu cho quyền tự do tư tưởng và phát biểu của con người.**

Legge đã không hiểu điều đó, hay hiểu nhưng có ý không dă động tới nửa lời, mà chỉ đi thu nhặt những chi tiết có thể phê bình ( nhưng không chính xác ). Thí dụ về việc ông trách Kinh Xuân Thu đã không ghi lại những hoàn cảnh, để giúp đời sau phán đoán Thiện, Ác, thì ta có thể nhận

xét là một khi đã giạt khỏi uy quyền nhà vua để trả lại cho dân gian phán xét thì nên để cho dân làm việc đó, người viết chỉ cần đưa ra sự kiện, khỏi cần phán đoán thay cho độc giả. Do đó ta đã thấy có rất nhiều lời bàn như Tam truyện và nhiều Nho gia khác . Legge có thể bắt bẻ rằng sao không đưa ra những tiêu chuẩn, thừa những tiêu chuẩn có cả rồi nhưng vì lối văn hàm ngụ nên không nói toạc ra. Thử hỏi thì hàm ngụ nằm ở đâu ?

Sự hàm ngụ đó nằm ngay trong tên sách. Nhưng làm sao mà Legge nhìn ra được, vì ông chỉ căn cứ vào có Hán Nho làm sao thấy được Việt Nho.

**Thực ra với Hán Nho cũng thấy được chút ít, và đã nói lên trong thuyết “ Chính danh định phận ”. Chúng ta có thể cho Hán Nho nói đúng: Vì Xuân Thu nhằm “ chính danh định phận ”, nhưng đó mới là vòng ngoài chính trị, mà chưa đạt tới vòng trong của Tính Thể, nên chưa thấy cái tiêu chuẩn tối hậu .**

### c .- Tiêu chuẩn của Xuân Thu

Tiêu chuẩn đó nằm trong tên sách. Tên sách là Xuân thu. Chỉ nội tên gọi đó thôi đã nói lên hai điểm tối quan trọng, hay là **then chốt của Kinh Xuân Thu : một là lấy tiết Trời Đất là chính cốt và hai là vị trí của con Người.**

1 .- Về điểm thứ nhất **lấy thời tiết Trời Đất làm nền tảng**, vì thế tên sách đặt theo mùa, và trong sách luôn chú ý việc ghi mùa dù không có việc chi cũng ghi mùa và tháng như: **Xuân vương nhị nguyệt**, mùa Xuân tháng hai, ngoài ra không có việc chi cả. Trong Xuân Thu hay có như vậy. Trình Tử bàn rằng: **đó là để giữ lấy mùa của Trời., vì đạo Trời mà còn, thì Nhân lý mới vững. Bởi thế, đạo Trời cũng gọi là Vương đạo** ( Xem Ân Công năm thứ ba ).

Năm thứ hai Hoàn Công, Xuân Thu lại viết: **Đông thập nguyệt**: mùa Đông tháng mười. Cốc Lương truyện hỏi không có việc nào lại chép mùa? Lý do là không để sót mùa. **Lối biên niên của Xuân Thu bốn mùa có đủ thì mới thành năm.**

Cốc Lương viết như thế là vì ý thức chưa rõ là nền tảng đặt trên thời gian.

**Ai đã đọc “ Chữ Thời ” đều biết rằng triết học đã sa đoạ vì đánh mất thời gian, đó là bước sa đoạ trầm trọng. Ai hiểu được như thế mới hiểu giá trị Kinh Xuân Thu khi đặt nền tảng trên Chữ Thời.**

2 .- Bây giờ bàn đến điểm thứ hai là **tại sao lại gọi là Xuân Thu mà không gọi là Hạ Đông ?** Tất cả cái sâu xa phải tìm trong câu hỏi đó. Chính nó sẽ nói lên cái tiêu chuẩn của Việt Nho, một nền đạo lý đã có lâu đời tự Phục Hy, Thần Nông . . .

**Trong Kinh Thi ở thiên Nghiêu Điển khi nói đến các mùa đã chú trọng đến Nhật trung, tức lúc ngày đêm dài bằng nhau.** Như vậy là có ý tưởng dành hai mùa Xuân Thu cho con Người hơn hết vì theo Việt Nho thì người là gì, nếu không à “ **Thiên Địa chi đức, quỷ thần chi hội** ”.

Chúng ta chỉ cần nhìn phớt qua đồ biểu bốn mùa thì sẽ nhận ra Thiên Địa giao nhau quân bình hơn hết trong hai mùa Xuân Thu. Hạ thì ngày quá dài quy cho Địa, Đông thì ngày quá ngắn nên quy cho Thiên. Còn quân bình nhất là hai mùa Xuân Thu quy cho Người được định nghĩa là “ **Thiên Địa chi giao** ” để nói lên tính chất Nhân chủ hay là phần trội hơn quy cho con Người.

Như đã bàn ở quyển Nhân Bản: Trong bốn nét của Chữ Nhân ( 仁 ) thì Trời một Đất một, còn cho con Người hai. Câu ấy không phải là một tán tụng trống rỗng nhưng được hiện thực bằng bốn mùa trong năm:

**Trời mùa Đông, Đất mùa Hạ, còn Người là hai mùa Xuân Thu tức hai mùa Trời Đất ( ngày đêm ) giao nhau cân bằng. Vì đó mà sách biên niên gọi là Xuân Thu.**

Và tuy Xuân Thu chỉ ghi chép việc của vua, nhưng theo quan điểm Việt Nho, vua phải là người lý tưởng, tức là người đã hiện thực đến cao độ nhân tính, vì thế tuy chỉ nói có việc vua, mà ý nghĩa sâu xa là nói về con Người, mà Kinh Thư quen gọi là “Nhất Nhân”. Đây là một nét đặc trưng về nền văn hoá Việt Nho khác hơn các nơi khác.

Bên Âu Á vì là thần quyền, nên chú trọng trục Chí (axe solstial) tức trục Thiên Địa, nên lễ mặt trời mừng vào Đông Chí (cuối tháng Decembre). Về sau Kitô giáo thích nghi Noel vào ngày 25 tháng Decembre. Còn Hạ Chí là lễ Saint Jean d'été xưa kia mừng vào ngày 20 tháng 6 (?).

Bên Đông thì lại mừng lễ vào hai mùa Xuân Thu” **Xuân tế Đế, Thu tế Thương**”, tức là đi theo con Người. Còn hình thức đại chúng là hai Tết Xuân và Trung Thu cũng là trục Quân phân (axe equinoxial) biểu thị Nhân quyền. Cũng vì ý tưởng Nhân quyền đó, mà Lạc thư hoán vị cho hai số 2, 4.

Ở Hà Đồ thì trục ngang là 3, 4, nhưng Lạc Thư đổi ra 3, 2 và 3, 2 là số của Đông Nam cũng là số quân bình so với trục thiên Địa 1, 4.

Vì vậy mà câu “Tham thiên lưỡng Địa nhi ý số” được chọn biểu thị cho Nhân đạo.

Chính vì thế mà Việt Nho đề cao lịch nhà Hạ, cũng chính là Quy lịch tức là Việt lịch vì khởi đầu năm ở cung Dần (mùa Xuân), “Nhân sinh ư Dần”, tức là đề cao khía cạnh Nhân chủ, theo câu trong Tả truyện “Phù dân thần chi chủ dã”: “người Dân là chủ, Thần là khách”. Ngược lại khi Thần là chủ thì mừng lễ vào Đông Chí “Thiên sinh ư Tý”, (mùa Đông.)

Đó là ý chính của hai chữ Xuân Thu mà Khổng Tử đã lãnh hội được trong cái đại Đạo của cổ nhân, và đã truyền miệng lại cho môn sinh, về sau được ghi vào sách truyện nhất là “Xuân Thu tả truyện” quen gọi là Tả truyện. Đó là một bản văn phong phú nhất và cũng sống động nhất, giúp cho hậu thế hiểu được thâm ý của kinh Xuân Thu, mà trong lúc sinh tiền hoàn cảnh không cho phép nói lên cách công khai, vì đó ta có thể căn cứ vào Tả truyện để tìm chứng tích cho những điều suy luận trên.

#### d.- Ý tưởng then chốt của Tả truyện

Xuân Thu có cái tên bí ẩn, thì đến Tả truyện giảng rộng Xuân Thu cũng lại có tên bí ẩn không kém, đó là chữ Tả. Chữ đó có phải là tên tác giả Tả Khâu Minh Chăng? Đó là vấn đề được đặt ra và chưa được giải quyết, vì rất có thể chữ Tả chỉ phe yếu, phe dân, bởi dân thuộc bên tả (xem bài “Vấn đề Chiêu Mục trong Việt lý”).

Hoặc nữa cả hai là một, lúc đó Tả Khâu Minh là phát ngôn viên của dân (những kẻ ở bên tả) để làm sáng tỏ (minh) cái đạo của Khổng Khâu. Ta có quyền nói như thế vì nội dung quyển sách nhằm đề cao Dân quyền, cũng là Nhân quyền; điều gì hợp với Nhân quyền là cát, điều chống Nhân quyền là hung, theo câu ngạn ngữ “Việc may để bên tả, việc hung để bên hữu”: “Kiết sự thượng tả, hung sự thượng hữu”. Vậy mà với con Người thì hung sự nên tảng là bị nô lệ hoá, còn kiết sự trên hết là được giải phóng khỏi ách nô lệ.

Có bao nhiêu ách thì có bấy nhiêu hung sự, và cần có bấy nhiêu cuộc giải phóng: mỗi hành động giải phóng là một kiết sự. Tâm thức con Người tiến từ Bái vật qua Ý hệ đến Tâm linh, và chỉ ở phần Tâm linh mới đạt Nhân chủ tức tự lập, tự quyền, tự chủ.

Vì thế mà ở hai đợt trước thường có những thế lực tìm cách nô lệ hoá con Người, bởi chưa là Nhân chủ, nhưng còn thuộc bái vật dị đoan (Thiên) cũng như thuộc quyền lực của Vương triều (Địa).

Chúng ta xem Tả truyện chiến đấu để giải thoát con Người như thế nào?

1.- Trước hết **đổi với loại nô lệ thuộc bá vật là óc dị đoan giết người**, thì có những vụ như Hà Bá cưới vợ ( xem Việt lý chương XIII ). **Tục chôn người sống theo người chết** ( Tân Phong, bài Hoàng Diệu ) đều phát xuất từ phía Tây ( Tartar ) truyền vào nên thấy nhiều ở mạn Tây Bắc. Có khi **các dị đoan đó dùng đến quyền uy của mẹ cha**, nhưng cũng không tiến được. Chẳng hạn khi Vũ Tử gần chết, truyền cho con chôn nàng hầu theo mình, nhưng khi Vũ Tử chết rồi còn lấy chồng cho nàng hầu. Sau được hồn người cha nàng hầu linh ứng giúp thắng trận ( Tả sách VII năm 15 câu 5 ). Khi Tống Công dùng máu Tăng Tử để tế thần xã đất Thứ Thu, đã bị Mã Tử Ngư trách nặng lời: “ **Tế tự là toàn vị người. Dân là gì nếu không là chủ của Thần . Dùng người ( mà tế ) thì Thần nào dám hưởng ( dám ăn thịt chủ )** ”.

Dân Thần chi chủ đó là chủ đề chính của sách Tả truyện, nên ta gặp được rất nhiều tích minh họa chủ đề đó, thí dụ lời sau đây : “ **Dân là chủ của Thần, vì thế Thánh nhân xưa lo xong việc dân mới lo đến việc Thần** ”. . Và thế nào là có đạo ? Là Trung với Dân , Tín với Quỷ Thần ? Trên chỉ nghĩ lợi cho Dân là trung. Việc thờ phụng theo đúng lễ là Tín ” ( Hoàng Công năm VI . Phụ lục Tả truyện. 11, 191 ). Trước nạn nguy vong mà nước Quắc không chịu nghe lời người hiền lại giở trò cúng quảy. Sử Ngân nói : “ Đât Quắc suy vong đến nơi rồi. Tôi nghe nói : **Nước hưng thì nghe Dân, nước sắp suy thì nghe Thần** ” ( Trang Công 32 tr. 454 ). Còn biết bao nhiêu tích khác tương tự, tất cả chứng tỏ một tinh thần Nhân bản cao độ mà đó Legge tìm được ở đâu trong sách vở Tây phương.

2 .- **Xiềng xích nô lệ loại hai, thuộc Vương triều còn khó giải thoát hơn và càng khó nhận ra công trạng hơn, vì vấn đề rất tế nhị ở chỗ uy quyền cũng rất cần thiết cho sự sống còn của một nước, nên không thể đã phá uy quyền kiêu thanh đàm tắc trách, nhưng phải làm thế nào để vừa duy trì được uy quyền quốc gia, mà đồng thời uy quyền đó không đàn áp con Người.**

Với điểm đầu là **óc tôn quân**, có thể đi tới đã phá Vương quyền nhưng đó là thanh đàm thôi. Trong thực tế thì không thể không có một chính quyền nào đó: không vua chuyên chế thì lại chủ tịch nhân dân kiểu Cộng sản. Để tránh những thái cực như vậy, Nho giáo tranh đấu cho một thứ Quân chủ lập hiến. Nói một thứ tức là trong danh hiệu nhưng là trong thực chất, nghĩa là làm thế nào để cho người tài đức trong nước được tham dự vào việc cai trị.

Vậy Tả truyện đã đi vào lối này, như có thể nhận xét trong một số điểm sau: **Trước hết là Tả truyện đề cao vai trò người hiền như một bảo khí, ai có được người hiền theo phò thì thành tựu nghiệp bá, không thì thất bại.**

Mê săn bắn, mê tửu sắc chưa phải là hại cho nước, hại cho nước là không biết người hiền, hoặc biết mà không dùng, hay dùng mà còn cho tiểu nhân xen vào.

**Tề Hoàn Công chỉ thành tựu vì nhờ Quán Trọng, Sở Trang Vương nhờ Lý Bá Hề, Việt Vương Câu Tiễn nhờ Phạm Lãi và Văn Chung. . .**

Tóm lại sự thành công của ngũ Bá đều là nhờ có những người hiền tài phụ giúp. Thế mà tất cả những hiền tài đó xuất hiện tự dân gian: kẻ thì đang làm ruộng, người thì đang chăn trâu, câu cá . . . Hậu quả tất nhiên của việc đó là Vương công đều phải có đức từ tốn, biết coi trọng dân ( **sử dân như thừa đại lễ** ), biết nghe theo lời người hiền. Vì thế mà Tấn Văn Công cũng có tên là Trùng Nhĩ ( hai tai : ý nói chịu nghe theo lời bần ), được kể như vai chính trong Tả truyện. Tề Hoàn Công chỉ là mở đầu, còn các bá khác chỉ là hậu hết, còn nổi nhất là Tấn Văn Công. Chử Văn nói lên đức tính của trùng nhĩ, biết lắng tai nghe Trời, nghe Đất, nghe Người. Trong thực tế

là biết đề cao người nhân nghĩa, rồi tới những người giúp mình bằng ân huệ, sau mới đến người chiến đấu . . . ( Dances 79 ).

**Vì thế công lớn nhất của các bậc vương hầu là biết cử hiền, công lớn hơn nữa là kéo được những bậc hiền tài đến với mình. Uy tín cao nhất là biết khám phá ra những bậc hiền tài ẩn dật trong dân chúng.**

Tất cả giá trị của Tấn Văn Công là xoay quanh điểm biết người biết của vậy ( Dances 83 ).

**Vì thế ta cũng ta cũng có thể nhìn cuộc cách mạng của Xuân Thu tả thị dưới hình thức : chuyển trọng tâm từ đất sang đức. Chế độ phong kiến căn cứ trọn vẹn trên hoa lợi đất đai, sự quan trọng của một nước tính trên số xe số đất. Nay với Tả truyện thì chuyển sang đức độ “ Hữu đức tức hữu thổ ”, đó là cách ngôn nước Sở, do đó đẩy cuộc cách mạng đến chỗ đề cao cá nhân.**

Đây là bước rất khó, vì thuở ban đầu tâm thức con người còn bị chìm đắm trong đoàn thể: một người có tội cả họ phải chịu, chưa được trách nhiệm cá nhân. Vậy mà Xuân Thu Tả truyện đã tới. Cửu Quý giới thiệu Khước Khuyết với Tấn Văn Công. Công hỏi nếu cha phạm tội có dùng con không ? Đáp: Con có tội bị vua Thuấn giết chết mà Thuấn vẫn dùng con là ông Vũ. Quản Trọng là kẻ thù của Hoàn Công, mà Hoàn Công vẫn dùng. Thiên Khang Cáo có câu: “ Cha không từ, con không kính, anh không hoà, em không thuận, không có liên luy với nhau ” Kinh Thi có câu: “ Hái rau phong, hái rau phi, đừng có lấy cuống ”, xin nhà vua cứ dùng ( Hy Công năm 33 . II 282 ).

**Trở lên là đại ý chính của Kinh Xuân Thu Tả truyện: rõ ràng là chiến đấu cho Nhan chủ, cho Tự do con Người đang bị ách tranh bá đồ vương của vương triều dày xéo. Vì thế người xưa đã đặt Tả truyện vào hàng nhất của Tứ đại kỳ thư: Tả truyện, Nam Hoa Kinh, Ly Tao, Sử Ký. Nhớ lại truyện con kỳ lân xuất hiện nhưng bị què chân tả phải chăng đó là huyền thoại chỉ về sách Tả truyện không được vương triều thừa nhận lấy cớ là mạo thư, và sau này có được thừa nhận đi nữa thì cũng đã quá muộn, nên thâm ý sâu xa của nó cũng chẳng được ai nhìn thấy, nên kể là bị chôn vùi với Kinh Nhạc, biểu thị cho tinh thần Việt Nho. Huyền sử kêu là Cửu Đỉnh bị chìm mất, và cho tới nay vẫn chưa tìm được một ông Đại Vũ nào để vớt được Cửu Đỉnh đã chìm, nghĩa là biết trị quốc theo tinh thần Nhân chủ của sách Xuân Thu, sách Tả truyện đã bị Hán Nho dìm lấp .” ( Hết trích )**

### **Phần Triết & Văn**

( Phần này nhằm đặt đúng vị trí Cơ cấu, để thấy được vai trò quan trọng của Triết, cũng nói đến nền Văn hoá nào không nằm trong quỹ đạo của Triết thì lung tung rời rạc, như Văn học nước nhà hiện nay. Vậy cần phải giúp cho nền Văn học Dân tộc trở lại với Triết, và cũng để nhận diện một số nét đặc trưng của Việt văn. )

### **Kinh Đức bình triết**

( Cơ cấu Việt Nho: Kinh Đức bình triết. Tr. 169 – 201. Kim Định )

## 1.- Những mục tiêu phương tiện

“ Đến đây kể là chúng ta đã đạt được cái đích khiêm tốn là nhận diện nội dung tinh thần của cơ cấu và áp dụng phần nào vào việc tìm hiểu huyền sử Việt Nho, nhờ đó chúng ta đã dọi được ít tia sáng vào cõi mông lung truyện tích nước nhà. Hy vọng rồi đây sẽ có nhiều tác giả khác với những khám phá khác về ý nghĩa các truyện tích sẽ mang lại cho văn học nước nhà một sắc thái mới. Tuy nhiên có một điều cần được nhấn mạnh: là những khám phá đó dù có nhiều đến đâu tự nó chưa phải là đủ, vì chúng mới chỉ là mục đích phương tiện chứ chưa là chỗ cùng cực.

**Cái đó phải là Kinh Đức tức là đi thẳng vào bầu linh lực, mà cho được Kinh Đức tức là đi thẳng vào bầu linh lực, mà cho được Kinh Đức thì phải biết nắm vững được triết, gọi là Bình Triết, chứ không bình cơ cấu, không bình thần thoại hay là bình văn chương. Tất cả bấy nhiêu chưa là triết để .**

Nói theo 4 nấc thang: Dụng, Từ, Ý, Cơ ( đã bàn trong Quốc học ), thì văn chương mới ở đợt Từ, có thêm nhiều thì cũng mới là Ý. Thần thoại cũng chỉ là một loại ý, nó cần sau những thời quá duy lý giúp cho tìm lại được tinh thần của toàn bộ. Tuy nhiên ý nghĩa nó tìm ra cũng mới là tiêu biểu tức là còn quá lý trí chưa đủ làm nên bầu khí thuận lợi cho lộ nguyên hình của thực tại. Đến như cơ cấu cũng vậy tuy có giúp nhìn kỹ lưỡng hơn vào cõi u linh của tâm hồn nhưng cũng chưa đạt. Vì khi đạt thì sẽ bao trùm khắp hết, thí dụ bao trùm cả sử hàng ngang biến cố, điều đó hầu hết cơ cấu chưa tới. Bởi vậy cần phải đi xa hơn nếu không thì một là dậm chân trên văn chương rỗng, hai là lẫn lộn với ý hệ hoặc tư tưởng biểu tượng tuy có hay cũng còn quá nhiều khách – quan tính dễ lẫn át sinh khí của toàn diện.

**Muốn toàn diện phải huy động mọi cơ năng Ý, Tình, Chí, không đạt điều đó mà đòi huy động thì lại rơi vào chứng bệnh sinh luân lý ( moralisme ) ưa giảng giải kiểu bà già. Muốn thoát bấy nhiêu ( ý hệ hay luân lý ) chỉ còn cách là tiến lên đợt triết.**

Nhưng trước khi bước vào triết chúng ta nên dừng lại ở đợt tiếp cận với triết, đó là cơ cấu. Cần xem vị trí cơ cấu ở đâu để có được một ý niệm bớt mung lung hơn.

## 2.- Đặt vị trí cho Cơ cấu

**Mục đích cơ cấu là cố đạt đến những luật tắc phổ biến nhất, thường hằng nhất của lý trí đồng nhiên con người ( les lois universelles et constantes de l'esprit invariant de l'homme ) và như vậy là nó vượt qua đợt ngôn từ cũng như ý tưởng là những cái còn nằm trong vòng ý thức cá nhân. Cần phải vượt sang qua để đi vào vùng tiềm thức thường được biểu lộ qua thần thoại, qua những tác động tuy vô thức mà vẫn vâng theo những luật lệ bất biến.**

**Như trên đã nói cơ cấu chính là con đường của triết lý Việt Nho, vì Việt Nho cũng nhằm vượt qua đợt Từ ( từ đạt nhi dĩ hĩ ) đợt Ý ( không chú trọng luận lý ) để đạt đến đợt Đức cũng gọi là linh lực. Linh lực thường được biểu lộ bằng động tác mà không cần đến hình ảnh nữa, nên chỉ còn lại tác động tinh tuyền.**

Vì thế mà Levi-Strauss gọi là đợt Zéro nghĩa là trống trơn, không còn Từ, Ý, Tượng . Nói khác càng lặn sâu vào trong tâm hồn, con người càng không thấy cần đến biểu tượng, nên càng có may mắn hóp thẳng vào suối linh lực. Vì thế mà ông mong mọi đạt tới đợt Zéro này. Và khi tới rồi thì xin xoá hết mọi việc đi trước ( văn chương, ý hệ, tiêu biểu, thần thoại ) để đi vào đợt thẩm mỹ câm lặng ( l'esthétique silencieux ) được đại biểu bằng nhạc.

**Lấy đại để mà bàn thì đó cũng là chỗ nhắm của triết lý Việt Nho trong câu “ Kinh đức bình triết ”, vì Kinh là đi thẳng đến, còn Đức là bầu linh lực.**



Đi thẳng nghĩa là không đi qua từ ngữ hay ý hệ hoặc thần thoại, vì tất cả còn là biểu tượng, một loại sản phẩm của ý ( lý trí ) còn là trung gian, nên vẫn hàm tàng nguy cơ lưu giữ con người lại trong việc ngắm nhìn, nói năng, suy tưởng, tưởng tượng. Cần tránh những trung gian đó để háng trọn được nguồn linh lực trào ra. Vì thế mà cần dùng những gì uyển chuyển linh động như nghệ thuật chẳng hạn. Trong Nghệ thuật thì vô hình vô dạng hơn hết là Nhạc. Bởi thế mà những nền triết lý đi đến cơ cấu chú trọng nhiều nhất tới nhạc như Việt Nho xưa đã vẫn chủ trương, mà nay Levi-Strauss cũng lưu ý. Ngoài ra Việt Nho còn chú trọng đến một số nghệ thuật khác như lễ nhạc. . . tất cả đều nhằm tác động vào toàn thân tâm con người:

**Thi tác động vào Tình cảm**

**Lễ tác động vào Thân tâm**

**Nhạc là hoà đồng với Thiên Địa: “ Nhạc dữ thiên địa đồng hoà ”.**

**Tuy nhiên mặc dù Nhạc là cao nhất trong thang Nghệ thuật nhưng cũng chưa bằng Triết, ít ra trong việc soi sáng để minh nhiên hoá. Sự cảm hoá do Nhạc nặng về Tình, chưa thể đạt quân bình Tình Ý được như Triết. Vì thế mới nói : “ Muốn kinh Đức thì phải bình Triết ”.**

Triết là gì ?

### 3 .- Vị trí của Triết

Chúng ta có thể chia Tâm trạng con người làm 4 đợt đại loại như sau:

Trước hết là “ **đồ nhân** ” . Tây phương kêu là “ người dưới phỏ ” đó là những người sống theo lương tri. Lương tri đây không hiểu theo nghĩa trí-lương – tri của Vương Dương Minh hay của Mạnh Tử mà chỉ hiểu theo nghĩa công cảm ( sens commun ) tức là cảm nghĩ như hầu hết mọi người cảm nghĩ như thế. Nói kiểu xã hội học thì đó là sống theo, chiều kích xã hội ( la dimension sociale ) tức làm như mọi người . Cái gì người ta cho là tốt thì “ là ” tốt, cho là xấu thì “ là ” xấu. Tiêu chuẩn đó thuộc công cảm. Như vậy thì **công cảm còn thấp hơn lương tâm**. Bởi xét về tri thức thì lương tâm cũng ở đợt này, nhưng về mặt luân lý thì lương tâm có chiều sâu hơn. **Người theo Lương tri** có thể lúc ở một mình xử đối khác lúc ở trước mặt tha nhân, còn **người theo Lương tâm** thì dù ở một mình cũng cố giữ điều phải giữ. Tuy nhiên dù lương tâm hay lương tri chưa có gì là cao đủ để gọi là triết. Họ cố giữ cho hết cỡ cũng mới là **Thiện nhân**. Muốn có chút Triết thì phải từ đợt hai trở lên gọi là **Tín nhân**, ( có 6 bậc về người quân tử : **Thiện, Tín, Mỹ, Đại, Thánh, Thần** ) **phải biết bước từ Thiện nhân tới Tín nhân vì đó chính là bước tự công cảm đi sang Triết lý** .

Nói khác từ bỏ đợt “ người ta ” không có suy nghĩ tư riêng mà chỉ tuân theo ý nghĩ người khác, của thiên hạ ( của dư luận, của tôn giáo, của thói quen ) để bước **lên đợt Triết là khởi đầu suy nghĩ : tự mình gánh lấy trách nhiệm mãi từ đợt tối cao là quyết định tốt xấu thiện ác . . . mà Nietzsche kêu là dựng nên bằng giá trị** .

Đến đây chúng ta chạm vào một thực thể mới mà chưa có tên gọi xác định tức là Triết lý hay Triết học. Tuy danh từ chỉ là một ước lệ nên gọi thế nào cũng được, nhưng trong vấn đề này sự không đồng danh bao trùm một quan niệm dị biệt, vì thế tưởng cũng cần bàn tới.

### 4 .- Triết lý hay Triết học

**Theo Việt Nho thì bên trên Thiện nhân còn có 5 đợt khác là Tín, Mỹ, Đại, Thánh, Thần.**

Và nếu theo đúng định nghĩa Triết thì phải tới đợt Thần mới là Hiền triết, nhưng chúng ta đã dễ dãi gọi là Triết từ đợt hai là Tín nhân. Tuy dễ dãi như vậy nhưng không nên quên đi thực thể đa

tạp. Vậy cần tìm cho mỗi khía cạnh một tên gọi. Nói chung **bên trên Thiện hơn là đến triết**, nhưng đi vào chi tiết thì Thiện hơn chưa đạt Triết mà mới là tỏ dấu mong ước đạt được Triết. Sự mong ước đó được biểu lộ đầu tiên bằng sự học hỏi kinh nghiệm của các triết gia đã xuất hiện trong lịch sử **để xem họ đi vào triết như thế nào, gặp những vấn đề gì, giải đáp ra sao. Ai là thầy của họ, ai là môn đồ . . .**, tất cả bấy nhiêu làm nên một khoa học giống như một thứ sử học và vì thế ta sẽ gọi đó là Triết học. Nhưng danh từ này còn quá chung không đủ cho thực tại rất phiến toái vì có người đạt, có người không, người đạt nhiều kẻ đạt ít. Hãy căn cứ vào 3 cơ năng **Ý, Tình, Chí** mà nói thì có đến 3 cách vượt lên tùy đặt quan trọng trên Tình hay Ý, hoặc trên cả hai là Chí. Nếu căn cứ trên Ý hay Lý trí, thì chú trọng đến biết, nếu chú ý tới Tình thì là liễu hiểu ( compréhension ) tức chú ý tới toàn bộ, tới sự đào luyện tính khí, tính tình. Còn biết là học cho biết sự kiện, như nhà chuyên môn. Có thể biết mà không hiểu như rất nhiều nhà bác học, ngược lại có thể hiểu mà không biết hay biết ít, như rất nhiều ông già bà cả ở thôn quê. Nước Nam ta được nhiều người ngoại quốc xưng tụng là có nhiều triết hơn, thì chữ **triết hơn đây thuộc về hiểu, còn những người đi học triết thì thuộc về biết**. Nếu ta ước định với nhau mà gọi đó là Triết học, triết học gia, thì **ta sẽ dành tiếng triết lý cho những người có thể biết nhiều hay ít nhưng có hiểu, theo nghĩa liễu hiểu**. Vì có liễu hiểu nên có tác động theo sau, bởi thế khi nói triết lý thì tự nhiên ta nghĩ đến làm đến sống. Nhưng làm và sống ở đây được hướng dẫn do minh triết chứ không do công cảm hay lương tri. Như thế hết mọi người sống đều do lương tri do công cảm, trong đó có một ít, rất ít người thêm ánh sáng triết lý. Như vậy xưng Triết lý trên Triết học là căn cứ theo 4 đợt học theo sách Luận Ngữ là : học, thích, lập, quyền , mà ta có thể ghép:

**Triết học** với việc **Học** đợt I  
**Triết lý** với hai đợt **Thích và Lập**  
**Minh triết** với đợt **Quyền** ( biến ) .

Một số tác giả chỉ chia ra có 2 là Triết lý để chỉ chung cho mọi người : ai đã sống cũng đều có triết lý; còn triết học là một khoa học có phương pháp, có hệ thống và lịch sử . . . Chúng tôi cho lối chia như thế quá đơn sơ không đủ để chỉ định nhiều cấp bậc trong Triết như 3 cấp: **học, học – hành và học – hành đạt**.

Đó là 3 cấp rất khác nhau cần phải có tên khác nhau. Tiến bộ là ở chỗ đó: con người càng tiến bộ càng nhận ra nhiều dị biệt trong một thực thể mới đầu tưởng là đơn giản, và mỗi khi nhận xét ra được một khía cạnh mới thì đặt thêm tên gọi. Hãy đưa ra một thí dụ giả tưởng là người cổ sơ mới chỉ biết có núi và gọi là núi, nhưng càng ngày càng tiến thì càng nhận ra có núi, có đồi, có non, rồi núi đá vôi, núi thạch nham. . . cũng vậy thoát xem tưởng chỉ có triết học, nhưng xét kỹ thì có nhiều cấp bậc: người xưa chia ra 4 đợt như vừa nói, chúng tôi tạm rút lại 3 bằng **đôn thích và lập lại làm một và gọi là Triết lý**. Chữ Lý có nghĩa là chỗ ở và dặm đường, cả hai gọi ý **đi** ( thích ) và **ở** ( lập ). **Cả hai chữ đó tối quan trọng trong Triết lý nhân sinh**. Chữ đi nói lên tính cách sinh động cùng nghĩa với đạo; còn chữ ở theo nghĩa của triết hiện đại ( của Holderling chẳng hạn ) là đem hết tâm hồn để vào cái gì. “ Đem hết tâm hồn ” là nói lên cái gì toàn bộ. Còn triết học thì chỉ cần đem hết lý trí vào là đủ: nghĩa là có thể học về triết như một tri thức lạnh lùng không gây ảnh hưởng nào vào đời sống chi cả .

Nhận danh từ này nọ kia khác chỉ là truyện ước định nên rất thông dong, miễn là tiếng đó chưa được dùng để chỉ thực thể khác và cũng chưa bị phé thải. Đó là điều kiện thiếu cho chữ Triết lý

dùng để chỉ mọi lối sống. Trước hết vì đối với triết Việt ( cả Hán lẫn Việt ) thì đã nói đến Triết là phải hiểu cái gì cao siêu. Khen ai là triết non là đề cao lắm rồi.

Vì thế phải định nghĩa **Triết là Triệt: Triệt thượng cũng như Triệt hạ . . .**

**Triệt hạ** là người ăn ở khôn ngoan như công cảm chấp nhận. Còn **triệt thượng** là khi người đó hiểu sâu xa tại sao lại ăn ở như vậy, và nếu đôi khi không thi hành đúng như Đạo lý mà phải quyền biến thì đó là Hoà nhi, mà trong bụng lại Bất đồng. Người đồ non là người ăn ở khôn ngoan, nhưng thiếu phần bất đồng này tức thiếu triết Thượng, nên khi họ làm như mọi người là đồng hồ lưu tục tức sống theo đàn cừ, với hồn khóm. Triết lý thì lại theo tinh thần độc lập “ bất ý ”: hai đàng khác nhau hẳn, không thể chỉ bằng một ngữ thuật chung và đây là bất tiện thứ nhất. Sau là lối gọi đó có thể kèm theo sự khinh miệt Văn hoá Đông phương cho là Đông phương không có Triết học.

Câu nói đó rất quen tai trong thời Pháp thuộc, nhưng đến khi dành lại độc lập thì tỏ ra bất tiện vì ngàng trở không cho đưa Triết Đông vào chương trình giáo dục. Vậy để tránh mang tiếng vọng ngoại thì có thể chủ trương rằng: **Tuy Đông phương không có Triết học chứ cũng có Triết lý, vì hễ ai đã sống là đều có một Triết lý.**

Kiểu nói đó duy trì được chủ trương Đông phương không có Triết học, mà vẫn để cho chương trình giáo dục dạy Triết Đông dưới danh hiệu Triết lý hay Đạo học. Đó là thái độ nhân nhượng để đáp ứng tình yêu nước hoặc sự hạnh diện quốc gia, chứ thâm tâm thì không tin Đông phương có Triết học chi cả. Vì quả thực Đông phương không có như thế. Lý do ? Thừa là tại:

### 5.- Đông Tây đôi ngả

**Đông khác Tây nên cũng không có Triết theo lối Tây. Vậy nếu đã suy tôn Triết Tây làm mẫu duy nhất cho mọi nền Triết thì quả là Đông phương thiếu Triết. Nhưng vấn đề được đặt ra là có thực Triết Tây là nền Triết học mà bất cứ Triết nào cũng phải tuân theo nếu muốn xứng danh Triết ? Đó là điều mà hầu hết thế hệ trước đã làm theo bằng cách đồng hóa ý - hệ nhiều khi cả khoa học với Triết .**

Nhưng hiện nay thì cả hai điểm đều đang bị đá kích:

**Điểm nhất là ý- hệ thì bị ví với cái lưới mắt quá thưa, không bắt được thực tại tế vi, con người quá phức tạp và vi tế, không dễ gì đóng rọ vào hệ thống. Còn việc đưa khoa học vào Triết là biểu lộ những thợ triết quèn không thấy được giá trị Triết mới phải đi mượn uy tín của khoa học, không ngờ rằng làm thế la hạ giá Triết. Không khác chi bà Chúa đi mượn áo của đoàn hầu. Vì triết là cái nhìn tổng quan trùm khắp, còn khoa học đi đến từng đối tượng bé nhỏ và cần xác định. Không hiểu được như thế mà lạm bàn tùm lum sang bên khoa học thì chỉ là làm việc rỗng tuếch. Hễ triết nào đã phải dựa vào khoa học thì đây là thứ triết ăn mày.**

Giáo sư Dufrenne đã nặng lời lên án lối vay mượn vô duyên đó, vì nó chỉ làm ra được một thứ Triết học giả tạo với cái thượng tầng ý hệ nguy nga, nhưng giả tưởng trừu tượng. Chính vì mấy cái lầm kịch xù đó ( **lầm tri thức với liễu hiểu, lầm ý hệ đã là Triết, lầm khoa học bên trên triết . . .** ) đã khiến cho những người như Levi- Strauss phải thất vọng về triết, vì nó làm khô héo tâm hồn. Xem như vậy thì hai điều vắng bóng khiến người ta nghĩ Đông phương không có Triết học lại là những điều hại cho Triết chân thực, mà Việt Nho đã may mắn tránh được. Không Tử dặn môn sinh:

“ **Quân tử bất khí** ” : người muốn làm quân tử nghĩa là muốn làm Triết nhơn không nên để lòng bị trói buộc vào một môn chuyên môn, vì nó sẽ làm ú trệ tâm hồn, méo mó lý trí không vươn lên được tới cái nhìn bao la cần thiết cho triết nhơn. Chính là vì thế khi người ngoại quốc nói trong **đám thôn dân Việt Nam có nhiều Triết nhơn** thì là câu nói có nền tảng, nó không khác câu nhận xét chung của ông Columella rằng: “ **đời sống đồng áng cùng họ máu với mình triết : la vie rurale est consanguine à la sagesse** ” ( Civ. VIII 149 ).

Sở dĩ như vậy là người nông dân vừa không bị ngụy tạo ( *sophistiqué* ) bởi những Ý hệ, lại được tiếp cận với đời sống Thiên nhiên, nếu được hướng dẫn xa xa bằng một nền Minh triết như trường hợp người thôn dân Việt Nam thì bảo rằng có nhiều Triết nhân giữa họ có lạ chi đâu.

Ít người trong chúng ta nhận ra điều đó vì không biết nhìn qua cái nghèo nàn, trơ trụi của họ, nên khó thấy được cái mặt Triết nhân của cụ già thôn quê mà ông Paul Mus đã cho in trên bìa quyển Sociologie d'une guerre và sánh với khuôn mặt của Esope, còn bộ diện đứa cháu là của một ông hoàng. Đó cũng là lý do giải nghĩa tại sao lại có **những nét hăm trên khuôn mặt của nhiều Tiến sĩ Triết học** : là tại không biết vượt Thông thái kênh coi đặng hoà mình vào Chủ đạo. Vì thế điều quan trọng hơn hết cho người đi học Triết là phải có một cái nhìn toàn cảnh về Triết để khi lặn lội vào rừng chữ nghĩa sách vở có chỗ để lâu lâu hướng về, để bỏ Triết học sang Triết lý hầu đạt Minh triết . Chính bởi vậy mà khi đi vào Triết Đông nếu có cơ duyên gặp sách hay thầy giỏi thì sẽ cảm thấy một sự thích thú sâu xa biến đổi cả một đời người làm cho cuộc sống được thanh thoát, khiến cho cái học trở nên đầy thích thú. Và đó phải là hướng tiến tới của nền Văn hoá nước nhà . Để đẩy mạnh hướng đi này chúng ta sẽ gọi đó là hướng Văn – Triết . Đó là một hướng tiến sẽ hết sức mê mông mở ra cho mọi tài năng đủ loại : Thi, Ca, Nhạc, Kịch. . . và do đó sẽ mang muôn sắc thái không thể xác định và cũng không nên xác định .

Vì thế trong chương sau chúng tôi chỉ dựa trên quan sát thử đưa ra một số nét đã xuất hiện hầu giúp cho có một hai ý niệm sơ sài thế nào là Văn – Triết . “ . . .

## Phần Sử

### I.- Huyền Sử

*Huyền sử là Sử của Huyền thoại. Huyền thoại có hai loại: Thần thoại và Nhân thoại. Thần thoại thì Thần làm Chủ con Người, Nhân thoại thì con Người làm Chủ vận hệ mình.*

*Huyền sử của Việt Nam thuộc loại Nhân thoại.*

*Việt Nam có nhóm Huyền thoại về nền tảng Văn hoá, có nhóm Huyền thoại về sinh hoạt của Dân tộc*

### I.- Đại cương

“ Huyền sử là sử của những huyền thoại hay bộ Huyền thoại của dân tộc. “ Huyền sử là tự truyện của một dân tộc, bao nhiêu những kinh nghiệm tích lũy từ không biết bao nhiêu đời Tiên

Tổ kết tinh lại. Xuyên qua đó thường được kể lại bằng những nét lung linh của sử mệnh của dân tộc, nên đó quả là những di bảo thiêng liêng chứa chấp những giá trị thâm sâu nằm giáp miền tiềm thức.

**Có thể nói tác giả đã dựng nên những Huyền thoại cũng chính là Tiềm thức cộng đồng của tất cả Tiên Tổ đã góp phần vào việc kiến tạo dân nước.**

Nói đến Tiềm thức là nói đến sự vượt biên cương Lý trí phân minh, nên trở thành âm u.

**Vì thế những niên đại, những địa danh cũng như các Nhân vật phải được hiểu một cách co giãn, chập chờn, vì đó chỉ là những mảnh vụn của Lịch sử được Huyền sử dùng như tiêu biểu để nói lên những Tư tưởng hướng dẫn cuộc Sống của Dân tộc, nên mang tên này hay tên khác, xảy ra nơi nọ hay nơi kia đều không quan trọng.**

Huyền sử thuộc vòng trong tiềm ẩn không nhằm ghi chép sự kiện hay biến cố ngoại diện như Sử ký, mà cốt nhằm **phác họa những hình ảnh Văn hoá, những mẫu mực chung của lối sống, nghĩ, cảm, là những dạng thức có liên hệ mật thiết với hoàn cảnh nơi ấy, nên khi nào, con cháu muốn tìm ra những làn sóng ngầm của lịch sử dân tộc cũng như cái nhìn soi rọi vào đời sống hiện đại để tìm ra những mẫu mực căn bản thì cần phải mở một cuộc hội thoại thắm thiết với những di bảo nọ.**

Việc đó có thể gọi theo tiếng nói ngày nay là làm Triết lý. Như thế Triết lý ở đây là một cuộc đào sâu kinh nghiệm sống của Tiên Tổ để lấy chất liệu tạo dựng những dạng thức canh tân hợp cảm quan thời đại”.

( *Kim Định : Kinh Hùng khái triết: Thanh niên xuất bản, trang 13 – 14* )

## II.- Ý kiến của học giả ngoại quốc về Huyền sử

“ Bộ huyền thoại của một dân tộc là là đạo sống của dân tộc đó. Nếu mất huyền thoại thì thì bất cứ một dân tộc nào, kể cả những dân tộc văn minh nhất cũng sẽ sụp đổ khủng khiếp ”.

( *Karl Jung* )

“ Bộ huyền thoại của một dân tộc không phải là những chuyện hoang đường, mà là những chuyện gần chân lý nhất, hơn nữa bộ huyền thoại là gia sản quý báu nhất vì tính chất thiêng liêng điển hình và mang lại ý nghĩa sống ”.

( *Mircea Eliade* )

“ Không có bộ huyền thoại thì không thể thành một dân tộc được. Dân tộc nào không có bộ huyền thoại không thể được coi là có văn hoá hay văn minh gì hết, vì bộ huyền thoại là những câu chuyện diễn tả tinh thần của dân tộc ở mức độ cao nhất và cũng là di sản thiêng liêng của dân tộc đó ”.

( *Laurens Van Der post* )

“ Mất bộ huyền thoại là mất mạch nối vào nguồn quá khứ tổ tiên và mất luôn căn bản cho việc xây dựng tiền đồ dân tộc. Dân nào mất bộ huyền thoại, dân tộc đó quả thực bị coi như không còn nữa ”.

( *Wallace Cliff* )

“ Sử mệnh nói lên sứ mệnh của một dân tộc nhất định phải thi hành trong một hoàn cảnh nhất định nào đó. Sứ mệnh vì thế đã được thích nghi với hoàn cảnh, với khu vực và thường được các

bậc hiền triết của mỗi dân tộc thấy trực thị rồi diễn đạt qua những trang huyền sử. Huyền sử cũng là lịch sử nhưng rộng hơn nhiều vì bao cả dĩ vãng lẫn tương lai, nên có tính cách siêu thời gian “. ( *Kim Định* )

### III.- Những trang Huyền sử Việt

*Đa số những huyền thoại đa số đều được tìm thấy trong : “ Lĩnh Nam chích quái ” của Trần thế Pháp, bản dịch của Lê Hữu Mục, và một ít trong cuốn Kinh Việt của tác giả Nam Thiên. Những chuyện này cũng đã được phổ biến và lưu truyền trong dân gian ( ngày nay nhiều người còn ghi nhớ ) qua thời gian dài, tất nhiên phải có nhiều tiểu dị .*

#### 1.- Nhóm mang Cơ cấu của nền Văn hoá

##### Sách Ước, Gậy Thần, Đàn Kinh

( *Cơ cấu Việt Nho: Sách Ước. . . Tr. 216 – 227. Kim Định* )

##### a.- Gậy Thần

“ Khi trở về nghiên cứu văn hóa nước nhà, chúng ta có thể lấy làm lạ lâu lâu lại nghe nói tới Sách Ước, gậy Thần, rồi tìm không thấy đâu bàn đến cách triết đề hay nói lên ý nghĩa thâm sâu, mà chỉ thấy xuất hiện trong bầu khí âm u của cõi tiên phi phạm. Sau khi nghiên cứu so đo, chúng tôi mới nhận ra đó cũng là một điển chương quý báu của tiền nhân giới lại, và vì thế hôm nay ghi lại đây một hai kết quả trong việc tìm hiểu. Xin hãy khởi đầu bằng việc duyệt qua một số truyện có liên hệ tới hai báu vật trên, trước hết là gậy Thần được thấy xuất hiện nhiều lần trong tay Tiên, hoặc Tiên cho để làm phép, như :

**Công chúa Tiên Dung** dùng gậy mà biến ra thành quách. . . cũng như gậy trở vào xác chết làm cho sống lại.

**Ngọc Tâm** trong truyện con muỗi ( Văn học II. Tr. 95 ) gặp được Tiên để xin cứu sống cho vợ. . . thì Tiên cũng chống gậy trúc.

**Từ Thức** cũng chống gậy trúc trên đường gặp Tiên.

**Tú Uyên** cũng gặp ông già chống gậy.

Thần lúa hay là **Thần Nông** đi đâu cũng chống gậy ( Văn học I. Tr.73 ).

**Cây tre** được nhận làm tiêu biểu cho người lý tưởng.

Nhưng có lẽ không đâu có phép thần thông qua cái gậy được biểu lộ rõ cho bằng câu truyện Ra đề sau: “ Thuở ấy, người miền Thượng đang sống ở theo Duyên hải. Ngày kia, có một con cá voi bơi sát bờ, trên lưng cá rộng lớn như bãi cỏ mọc lên một cây xoài. Nhiều heo rừng đến ăn trái xoài rụng bở gốc cây. Một thằng bé đi đến thấy trái ăn ngon, trèo lên cây, không biết là đang ở trên lưng con cá khổng lồ. Cá voi bỗng chuyển mình bơi ra biển khơi, mang theo thằng bé cùng bầy heo rừng. Thằng bé vẫn ở trên cây xoài, ăn trái cây mà sống và làm rơi quả xuống nuôi bầy heo rừng. Cá voi mẹ làm mọc thêm nhiều cây xoài nữa ở trên lưng để nuôi sống người và thú đi theo nó. Thằng bé lấy chiếc mền đã mang theo mắc làm võng trên cành cây xoài, rồi ở luôn trên đó, nổi trôi trên mặt biển, sống bằng trái cây. Một hôm nó thấy một cây song mọc lên trên lưng cá voi, bèn nhỏ lấy làm một chiếc gậy. . . Từ đó, phép tắc thần thông của cá voi đã truyền qua cho đứa bé. Con cá voi nghĩ rằng đứa bé có nhiệm vụ cứu giúp loài người khôn khổ trên mặt đất nên mới truyền phép thần thông cho. Đứa bé ngủ mơ nghe cá voi nói với nó rằng: Giờ đây mày đã thành người anh hùng có quyền phép nhiệm màu rồi, mày hãy bước xuống nước,

nước sẽ đặc lại dưới chân mày đi, mày lên mặt đất mà trừ diệt hết thầy những kẻ oai quyền độc ác, chỉ một mình mày là hùng mạnh lớn lao. . . . Thằng bé ở trên cây tuột xuống biển, đi đến đâu nước cũng đến đấy. Nó lạnh lùng bước đi, tất cả bầy heo theo như một lũ chó ( vì thế nên từ đó loài heo, mà thủy tổ là heo rừng, cứ chiều tối nghe tiếng gọi là kéo nhau về nhà ). Bây giờ ở trên mặt đất Quạ, Rắn, Kên Kên và Cọp là lũ quyền thế độc ác vô cùng làm chủ loài người. Chúng buộc phải đem mạng người dâng cho chúng ăn thịt, nếu không thì chúng phá hại cả các làng. Đến ngày đã định vào đêm trăng rằm dân các làng phải tụ họp để dâng sinh vật cho chúng ngự ở trên cao. Mỗi gia đình phải đem đứa con đầu lòng, không hạn kê tuổi, miễn là khỏe mạnh cho ngon miệng các giống quyền thế. Những trai trẻ bị hy sinh, mặc áo quần tốt đẹp sắc sỡ, người ta ép chúng uống rượu say rồi đem quay để cho lũ quái ác khoái trá trước khi ăn. Đúng lúc sắp dâng lễ vật cho lũ quái ác thì thằng bé cá voi đặt chân lên mặt đất, ngay chỗ đang sửa soạn quay sống đám trai trẻ. Nó liền cất tiếng bảo mọi người: “ Các người việc gì mà chịu hy sinh đám trai trẻ khô ngô như thế kia? Đây đây ( nó trở vào bầy lũ heo rừng đi theo ) là một bầy heo, hãy làm một cái chuồng để nhốt chúng lại, các người học cách nuôi heo rồi dùng heo mà tế thay cho người ta “. Đám đông ngạc nhiên sững sờ. Thằng bé cá voi nói lớn: “ Đem tôi ra mà cúng thay cho đám trẻ khô ngô này! “. Lũ quái ác gạt đi: “ Chúng tao không muốn ăn thịt mày vì mày gây lắm, lũ trẻ kia béo tốt mới thích miệng chúng tao “. “ Thằng bé cá voi mình gây tro xương sau cuộc phiêu lưu ngoài biển khơi, nó cầm một miếng chần tung về phía Tù trưởng Quạ: tức khắc đôi cánh mọc ngay lên mình, Quạ vội vàng bay trốn. Tù trưởng Kên Kên cũng bị thằng bé làm cho mọc cánh, bay trốn luôn theo Quạ. Thằng bé thổi khói thuốc ở ống điếu vào Tù trưởng Cọp, lông mọc đầy khắp cả người, cọp xấu hổ lùi mất vào rừng. Còn lại Tù trưởng Rắn. Thằng bé dẫm lên làm cho nó mất cả tay cả chân, phải bò mà trốn. Dân chúng được giải thoát khỏi ách các tù trưởng độc ác, đồng thanh hoan hô thằng bé thân đồng, yêu cầu nó lên cầm đầu. Thằng bé không nhận, sống chung với mọi người như anh em. Nó không muốn lấy vợ và gọi đàn bà là “ Bà Nội “. Có xảy ra việc gì khó khăn thì một mình nó đi dàn xếp là xong. Mọi người được sống một cuộc đời êm thấm. “ ( Trích trong Văn học )

“ Đọc xong truyện trên ta nhận ra gây Thần chính là nền Minh triết nông nghiệp, giúp cho con Người đạt độ Tâm linh, và nhờ đó cứu gỡ khỏi những nanh vuốt của thời Bái vật và Ý hệ. Trong truyện nhắc tới Bái vật ở chỗ “ Quạ, Kên Kên, Cọp là lũ quyền thế độc ác vô cùng làm chủ loài người “. Đó là lúc con người còn bị các thế lực ngoại tại sai sử, và con người trở nên hùng mạnh có quyền phép nhiệm màu, khả dĩ trừ diệt hết thầy những kẻ oai quyền độc ác “ từ lúc “ có được cây gây. Từ đó phép tắc thần thông của cá voi đã được truyền qua cho đứa bé. Quyền phép cá voi là những khả năng thuộc lý trí kỹ thuật, nếu ở lì lại thì ra Ý hệ, còn nếu vượt lên đọt Tâm linh thì nó thăng hoa lên cùng. Đó là đại để ý nghĩa câu truyện: Cũng nói lên quá trình tiến hóa của dân tộc. Bây giờ chúng ta đọc một câu truyện khác có tính cách tổng hợp văn minh Mẹ ( gây Thần ) với văn minh Bố ( sách Ước ) “.

### **b.- Sách Ước, gây Thần**

“ Sách Ước là sách huyền diệu có sức màu ban cho người gặp được quyền ước gì được nấy, giống cái đèn của Aladin. Tìm về nguồn gốc chúng, ta chỉ gặp thấy có nói đến sách Ước có lẽ là câu truyện Thần núi Tân Viên sau đây: “ Thần xưa kia là một đứa con bị bỏ rơi giữa rừng được một người tiều phu gặp đem về nuôi, đặt tên là Kỳ Mạng. Sở dĩ Thần có tên này là vì trước khi gặp cha nuôi đứa bé mới lọt lòng đã được dê rừng cho bú, chim chóc ấp ủ cho khỏi chết. Kỳ

Mạng chóng lớn khôn, theo nghề cha nuôi ngày ngày vác rìu vào rừng đốn củi. Một hôm Kỳ Mạng đốn một cây đại thụ. Cây to lớn quá chặt từ sáng tới chiều mà vẫn chưa hạ nổi. Bỏ dở ra về, đến sáng hôm sau trở vào rừng, Kỳ Mạng hết sức ngạc nhiên thấy những vết chặt đã dính liền lại khắp thân cây. Kỳ Mạng lại xách rìu chặt nữa, suốt ngày rang hết sức không xong, đến ngày thứ hai trở lại cũng thấy cây vẫn nguyên vẹn như chưa hề đụng tới. Không nản chí, Kỳ Mạng lại ra công chặt nữa, quyết hạ cho kỳ được, rồi đến tối ở lại nấp gần cây rình xem sự thế. Vào khoảng nửa đêm, Kỳ Mạng thấy một bà lão hiện ra, tay cầm gậy chỉ vào cây, đi một vòng quanh cây, tự nhiên những vết chặt lại liền như cũ, Kỳ Mạng nhảy ra khỏi chỗ nấp, tức giận hỏi bà lão sao lại phá công việc làm ăn của mình.

Bà lão nói: “ Ta là Thần Thái Bạch, ta không muốn cho cây này bị chặt, vì ta cứ nghỉ ngơi trên cây “. Không chặt cây thì tôi lấy gì mà nuôi sống ? **Bà thần đưa cho Kỳ mạng cái gậy rồi biến mất.** Được chiếc gậy Thần, đời sống của cha con Kỳ Mạng từ đây có phần dễ chịu lắm, và chàng đem vật ra cứu giúp những người bệnh tật ốm đau. Một hôm Kỳ Mạng đi chơi gặp xác một con rắn nước bị trẻ chăn trâu đập chết vớt ở bờ sông, mới dùng gậy Thần chỉ cho con rắn sống lại, bò xuống nước. Vài ngày sau có một người lại tới tự xưng là Tiểu Long Hầu, đem nhiều châu báu tạ ơn Kỳ Mạng đã cứu sống hôm rồi, nhân lúc đi chơi bị trẻ đánh chết. Thần Tiểu Long lại mời Kỳ Mạng xuống chơi dưới thủy phủ. Kỳ Mạng nhận lời theo con Long Quân rẽ nước xuống biển chơi, được Long Quân mời ở lại 3 hôm, bày yến tiệc tiếp đãi nồng hậu và dẫn chàng đi xem khắp thế giới dưới nước.

Khi về **Kỳ Mạng lại được Long Quân biểu cho một cuốn sách Ước**, có thể nhờ sách mà cầu ước chuyện gì cũng đều được thực hiện cả. Kỳ Mạng sung sướng đem sách về trần.

**Cuốn sách Ước chỉ gồm có 3 tờ bằng da cá, ngoài bọc vỏ rùa, 3 trang sách mỗi trang chứa một tính chất: Kim, Mộc, Hỏa. . ., chỉ thiếu một trang về Thủy mà Long Quân đã giữ lại.**

Kỳ Mạng mới bắt đầu thử xem linh nghiệm ra sao, mở sách ra, đặt tay vào trang Hỏa khấn khứa, được nghe thấy sấm sét giữa lúc trời quang mây tạnh. Tức thì chỉ trong nháy mắt trên trời vùn vụt dày đặc, rồi chớp sáng, sấm sét nổi lên rung chuyển cả bầu trời. Kỳ Mạng mỉm cười đắc ý, đặt tay vào trang Mộc, ước ao thấy một rừng cây đi. Tức thì những cây ở trước mặt chàng tự nhiên bóng tiến bước lên như một đạo quân. Kỳ Mạng gấp sách lại, thấy mình từ đây uy quyền, sức mạnh không còn ai sánh kịp. Rồi từ đây lang thang đó đây, giúp đời. **Cuối cùng chán cảnh trần tục, Kỳ Mạng lên núi Tản Viên ở luôn tại đấy.** Với cuốn sách Ước, chàng dựng lên những lâu đài cung điện nguy nga giữa chốn rừng hoang vu. Từ đó tiếng đồn đi rằng núi Tản Viên do một vị thần pháp thuật thần thông cai quản “ ( Văn Học )

### c.- Giải nghĩa

“ Câu truyện trên cung cấp cho ta nền tảng giải nghĩa cả sách Ước lẫn gậy Thần, cả hai không là chi khác hơn là hai khía cạnh của Kinh Dịch.

Vì **sách Ước giống Kinh Dịch** ở chỗ không có chữ: Những chữ hiện nay chỉ là hệ từ thêm vào sau.

Còn **gậy Thần chẳng qua là những con số của Kinh Dịch** trong đó số 5 là quan trọng. Gậy Thần làm bằng cây trúc có 9 đốt chia hai đầu sinh tử ( Âm Dương ), ai biết cầm trúng đốt 5 mà xoay thì tử sinh biến hoá: chết có thể làm cho sống lại v. v. . .

**Xem thế đủ biết đó là những con số của Lạc Thư, của Hồng Phạm. Sách Việt sử lược bảo Hùng vương biết dùng ảo thuật thì có nghĩa là biết ứng dụng nền Minh triết Lạc Thư: đem**



**đạo ( tròn ) Tản vào đời sống ( vuông ) đó là Tản Viên, tức tròn vuông xoắn xuýt, trời đất tổng hợp.**

Gậy Thần đi với Mẹ với nông nghiệp, nên gậy ra được nhiều ơn ích thiết thực, còn sách Ước là do Bó , Lạc Long quân tuy cũng có thần thông nhưng mang nhiều tính vu nghiễn như khi Kỳ Mạng đặt tay vào trang Hòa khẩn được nghe thấy sấm sét giữa lúc trời quang mây tạnh tức thì có sấm sét nổi lên rung cả bầu trời, để tay vào trang Mộc, thì thấy cả một rừng cây đi. . . , đó toàn là những kiểu nói bóng về khả năng biến hoá của Kinh Dịch, nhưng về sau vì bị hiểu theo lối vu nghiễn, nên không ơn ích cho đời sống như gậy Thần. **Gậy Thần biểu thị Minh triết nông nghiệp, nên mỗi lần chặt cây là biểu thị chôi bỏ nền Minh triết đó.**

#### **d.- Ý nghĩa gậy Thần**

**“ Vây gậy Thần không chi khác hơn là nền Minh triết nông nghiệp.** Khi người nào đạt độ Minh triết đó thì không cần đến tôn giáo vu nghiễn nữa, còn khi chỉ có triết học duy niệm như trong văn minh Cha thì không đủ thỏa mãn Tâm linh nên cần đến vu nghiễn, như phần nào đã thấy xảy ra trong Hán Nho có pha nhiều chất tai dị. Đã là Minh triết thì nó biểu lộ ra trong nét Nhất quán tức như sợi dây xoắn qua hai bờ Âm Dương, mà không Duy bên nào. Nói bóng là gậy Thần. Gậy là để xô qua, Thần là khắp hết, tức đem đạo ( tròn ) tản ra mọi việc ( vuông ). Vây trong nền văn hoá Việt Nam ta thấy cái gì cũng Lưỡng nhất tính kể từ vật tổ trở đi là Tiên Rồng cho đến thể chế, làng nước, mẹ cha, cách tính tuổi, cách đặt tên. . . , và vì thế tiếng nước ta rất nhiều danh từ đi đôi: Mặt trời, chiếu chẵn, non nước, bàng bạc, mênh mông. . . Tưởng không ngôn ngữ nào trên thế giới diễn đạt nét gấp đôi rõ như vậy, tiếng ngoài rõ rệt, tiếng trong mờ mờ. Lối nói lại đặt chữ Kỳ tức lấy mình làm trung tâm: Ta nói xe chạy ngoài đường là quy chiếu vào mình tức con đường ở ngoài mình. Đó là hậu quả Tam tài, lấy con người làm trung tâm “ Trời che Đất chở ta thông thả “ và do đó hiện thực được sứ mạng của mình ( Kỳ Mạng ), tức là của con người đại ngã Tâm linh mà các nền văn minh khác chưa đâu thực hiện nổi ( xin xem Nhân chủ ) “

#### **d.- Sách Ước gậy Thần với Dịch Kinh**

**“ Như trên đã nói cả hai là một, một trong nội dung cũng như trong lối bày tỏ. Nội dung của nền Minh triết hòa Âm Dương, còn trình bày là những gạch, đó là những gậy và chỉ có vậy chứ không có chữ, y như sách Ước không có chữ mà chỉ có những trang Thủy, Hỏa, Mộc, Kim. . . tức Ngũ hành: nghĩa là gồm hết mọi sự nên nói bóng là Ước gì được nấy. Như thế cả hai là một, nhưng tên gọi khác nhau, có lẽ vì đó là lối biến hóa nên thay đổi tên, để nói lên cái sức biến thông cần thiết phải có khi dùng tới, tức là phải đạt độ quyền biến (đợt thứ 4 sau Học, Thích, Lập ). Nếu không thì Dịch chẳng là cái chi cả, như sau này đã bị Hán Nho chiếm đoạt đánh mất tinh hoa, nên chỉ còn có chất “ bát quái “ mà không biết đến “ Cửu trù “, có sách biến mà thiếu sách hóa. Có số phá mà không biết số hoá. Sách Ước thiếu hai trang nhất là Thủy và Thổ, cho nên từ đây Kinh Dịch trở thành đề tài tán dóc bằng biểu tượng đồ thị trong hơn 20 thế kỷ vừa qua. Có thể vì thế mà tiền nhân đã đặt ra tên khác để chỉ phần tinh hoa của Dịch đã được thiết lập từ đời Phục Hy. Lúc ấy chưa có chữ mà chỉ có gạch liền gạch đứt để cái nhiệm màu của nó trong con người nên gọi là Kỳ Nhơn, Kỳ Dịch, y như cái hay của cây đàn Kinh nằm trọn vẹn trong người biết gảy đàn vậy. Thế nhưng ” Kỳ Nhơn “ quá hiếm, nên thánh hiền thêm vào ít lời ( Hệ từ ) để giúp**

hiều người hơn năm được then chốt, không may về sau nó rơi vào tay Hán học lấy Hệ từ làm trọng hơn cái tinh hoa.

Vì thế mà người ta cứ tưởng Kinh Dịch là của riêng Tàu. Tin như thế cho đúng chữ nghĩa Hệ từ, nhưng xét về cấu tổ uyên nguyên thì là làm hư Kinh Dịch, biến nó thành sách có chữ, có nghĩa mà hết là một điển chương.

Vì thế chúng ta cần xét tới như một điển chương tức một dấu hiệu tác động. Và chính trong ý đó mà tôi gọi Kinh Dịch là của Lạc Việt, tức Dịch đã xuất hiện như một điển chương ngày tự đời khuyết sử của Việt Nho và nước Việt đã thấm nhuần trong nền Minh triết của nó hơn là người Tàu ( tức có Lưỡng nhất tính phong phú hơn người Tàu ), nên bảo Dịch là của người Việt là theo ý đó. Người Việt đã thâm hóa nó và khi gọi là sách ước, khi là gậy Thần, khi là cột Trụ Trời. Đó là thứ cột chỉ có sức chống đỡ trời khi được vun tưới bởi con người. Nếu để cột hư thì trời sụp làm chết cả muôn loài như kể trong tân hoại Radê. ( Văn học I. 166 ).

Đó là một niềm tin chung, nên ta thấy trong truyện người đàn bà Việt chặt cây Cam xe của Chiêm Thành làm cho nước đó sụp, vì người Chiêm Thành đã không biết gìn giữ cột Trụ Trời. Đây là biểu lộ niềm tin chung phát xuất từ tiềm thức cộng đồng của Viêm Việt cổ đại. Biết đâu rằng chính vì đang vận hành trong bầu khí đó mà có truyện Mã Viện trồng cột với câu: “ **Đồng Trụ chiết Giao Chi diệt** “ Mã Viện hiểu theo vòng ngoài ý thức là nếu cây cột ông ấy dựng mà đổ thì nước Việt Nam sẽ mất, nhưng ý sâu trong tiềm thức cộng đồng thì là lời Trời sai Mã Viện nhắc nhở cho người Việt rằng ngày nào họ không còn chăm sóc cho cây Trụ Trời nữa thì Giao Chi diệt, tức hai nét Trời Đất giao thoa, mà dân nước đi vào thứ Duy đây phân hóa. Có lẽ vì thế mà Tô tiên đã đặt lệ trồng “Cây Nêu “ ngày Tết để trong giờ trọng đại nhắc nhở tới bốn phận chăm sóc cây Trụ Trời . Đây là những truyện không có thực, nhưng lại nói lên một sự thực lớn lao, to bằng cái chiến tranh huynh đệ tương tàn đã làm sụp đổ Việt Nam tự ngày cây Trụ Trời Việt Nho bị đốn ngã, làm cho Trời Đất hết giao hòa. Làm thế nào? Thưa cần đến cây đàn Kinh.”

#### e.- Cây đàn Kinh

“ Nếu hỏi trên hoàn cầu có cây đàn nào giàu chất triết nhất thì phải thưa là cây đàn bầu hay độc huyền. Huyền có nghĩa là dây cũng có nghĩa là huyền bí, huyền nhiệm, nhiệm màu. Có rất nhiều lý do để gọi như vậy:

**Trước hết chỉ có một dây mà làm nảy ra đủ mọi cung trong âm giai.**

**Thứ đến lạ lùng hơn nữa là cung nào cũng là cung hòa.**

Các đàn khác chỉ có tiếng đơn ( Soni ), một hai cung là hòa ( harmonique ): một mình đàn Kinh thì cung nào cũng là hòa. Nói khác đi nó là âm thanh thứ ba phát sinh ra bởi “ **Tiếng Sống** “ và “ **Tiếng Chết** “. ( \* ) **Khi đánh thì dùng cái nạy gẩy vào dây, đó là “ Tiếng Sống “, nhưng đồng thời cạnh bàn tay lại đè xuống dây, đó là “ Tiếng Chết “, cả hai tiếng phát ra một trật làm nên tiếng thứ ba “ không Sống , “không Chết “ mà là “ Tiếng Hòa “.**

**Thứ ba đây không phải là hòa thường mà là hoà cùng cực ở chỗ không tìm ra được kẻ hở, như trong các đàn khác, ở dương cầm thí dụ tự Do đến Re là một quãng cách có thể chia ra 9 hoặc 27 coma, nên nếu không kẹp cung vào để làm nên một âm thanh hòa thí dụ Do Mi Sol thì vẫn còn quãng cách giữa Do - Mi và Mi - Sol. Đàn này ở đàn huyền dù một coma cũng không thể có, vì tự đó lướt êm sang Re.**

Thứ bốn nhờ cung nào cũng là âm hòa nên có thể diễn tả cả một bản nhạc toàn bằng âm hòa trọn vẹn. Đức tính hòa hợp là tính chất thâm sâu của triết lý Việt Nho có thể hàm ngụ trong những Huyền thoại về quả bầu trăm hạt hay cái Bọc trăm trứng Âu Cơ. Đó là tính chất Tổng Hợp hay là Cơ cấu. Nhớ lại Cơ Cấu là Tổng Hợp. Càng có lý do nghĩ như vậy nên đàn bầu có nơi gọi là đàn Kinh, vì Kinh có nghĩa là sợi dây xâu tất cả yếu tố lẻ tẻ lại làm thành một nét Nhất quán hay là Mạch lạc nội tại, mà đó là dấu hiệu của Minh triết.

Cái Bọc Âu Cơ cũng là nền Minh triết tổng hợp và được biểu lộ ra bằng những điển chương đầy chất tổng hợp. Vì thế mà đàn bầu quả là một trong những điển chương của nền MINH TRIẾT VIỆT NHO nằm trong sự hoà hợp giữa Âm và Dương: **Đạo không phải nhất Âm, Đạo cũng không phải là nhất Dương. Nhưng là cả Âm lẫn Dương hòa hợp: Nhất Âm nhất Dương vị chi Đạo.**

**Tiếng Đàn chính cũng là tiếng Đạo vậy.**

Và như thế còn một điểm cuối cùng cần được nhấn mạnh, đó là vai trò quan yếu của con người: mọi yếu tố khác như bị xoá nhòa đi để cho vai trò Người nổi bật. Vì rằng hay hay dở dở là ở nơi Người. Với các đàn khác thì Người không biết động tới ít ra cũng làm phát sinh được âm thanh chẳng hạn trên piano người nào cũng có thể kéo ra một âm giai. Còn với đàn Kinh mà không biết thì chẳng kéo ra được gì ngoài mấy tiếng phèng phèng vô duyên. Trái lại nếu giỏi thì làm nảy sinh ra những tiếng tuyệt vời u linh man mác. **Vì thế có thể nói đàn bầu biểu lộ linh hồn người gảy hơn bất cứ cây đàn nào khác, nên có thể nói nó là cây đàn người hơn hết, cũng như biểu lộ nền Triết lý Nhân bản Tâm linh là một triết lý Người hơn bất cứ nền triết lý nào trên thế giới. Vậy mà cây đàn này lại là của Việt Nam, vì thế ta có thể coi là một di sản nhiệm màu và mong mỏi cho nó vẫn âm vang mãi mãi dưới bầu trời của Việt tộc. Và đây là Sứ mạng của Văn Triết, của Văn hoá Việt Nam. Hiện nay nền Văn hoá này đang như con thuyền không lái xoay quanh tứ phía đầy hiểm nguy. Nếu các nhà làm Văn hoá biết dùng Triết Việt làm kim chỉ Nam thì rồi nó sẽ trở nên cây đàn bầu kinh nghiệm: quy tụ tất cả vào Thống nhất.”**

## **2.- Nhóm thuộc sinh hoạt của Dân tộc**

*( Xem 5 Điển chương Việt trong cuốn Văn Hiến Việt Nam của Việt Nhân trên vietnamvanhien.net.index. )*

*Xem 15 Huyền thoại thuộc Kinh Hùng, Lĩnh Nam Chích quái, Việt Điện u linh.*

## II.- Phần Lịch sử

*Lịch sử là những biến cố của Dân tộc được xảy ra trong Không gian và Thời gian nhất định, nó phản ánh tình trạng Hưng Vong của Sinh hoạt Dân tộc, nên Lịch sử được xem là tấm gương mập mờ phản chiếu Huyền sử của Dân tộc: “ The outward world is the dim reflexion of the inward world ; Hữu Trung tất hình ư Ngoại”*

### Phần Văn

#### Văn Chương ngoại Triết

##### 1.- Văn hoá vô hồn

**Chữ vô hồn cũng có thể gọi là vô đạo hiểu là thiếu nguyên lý nền tảng và thiết thực làm kim chỉ Nam, nên mắc vào rất nhiều mâu thuẫn trầm trọng :** chẳng hạn chính Platon là ông Tổ triết học lại đứng lên chống tự do, bắt mọi người phải theo tôn giáo của nhà nước, ai không tuân thì hạ ngục, nếu còn bất kháng thì bị thủ tiêu . . . Đến nỗi sử gia cho đó thực là bản cáo trạng chửi vào mặt Socrate mà xưa kia Platon đã tôn thờ làm thầy ( Véritable acte d’ accusation contre Socrate . Civ . VI . p. 87 ).

**Bởi chừng sứ mạng của Triết phải là giải phóng con người nay lại bắt con người làm nô lệ cho quyền uy, cũng như luôn luôn bảo vệ chế độ nô lệ. Đây là một sự phản bội triết.**

Chính chúa trùm triết đã đổi lập trường như vậy, hướng hồ các môn đệ về sau: vì Triết thiếu nguyên lý vững nên chính Triết gia quay ra chống triết. Bởi vậy có thể nói chẳng khoa nào đi được với triết vì triết tự mâu thuẫn: lúc bênh Socrate lúc đá kích. Sau này các Triết gia cũng thế, thí dụ đối với Cộng sản thì nhiều Triết học gia lúc tung hô, lúc khác lại thóa mạ, không phải trong chiến thuật mà ngay trong chiến lược thì như vậy làm sao có chủ đạo thống nhất, nên đã không có một triết nào là không phải sửa sai ngay từ trong nền tảng: bảo sự vật không có mà lại theo lối có, bảo vật chất chẳng ra gì mà lại cứ chao vát vật chất.

**Đề cao vô sản mà cuối cùng lại phải theo lối tư bản . . . vân vân cùng khắp. Triết học còn chưa đạt Triết lý hướng nữa là văn chương, làm gì có Triết, cái mà các học giả quen gọi là triết của nhà văn này nọ kia khác chẳng qua là những ý kiến những tư tưởng nhân sinh, ai cũng có hết nhưng ở đợt tản mác, còn lâu mới quy tụ để đạt trình độ Triết. Không cứ văn chương nhưng là tất cả nền văn hoá Tây Âu đều thiếu Triết tức là thiếu sự liên hệ sâu xa với một nền Minh triết có uy tín được nhiều người thừa nhận và cố gắng hiện thực. Vì thiếu Triết nên Văn chương Tây Âu mang theo một số nét đặc trưng như đa ngôn, ưa chạy vòng ngoài, đá kích lung tung.**

Đó là những điểm đáng lẽ phải tránh thì lại đang được nhiều học giả chạy theo nên cần bàn rộng.

##### 2.- Đa ngôn

**Đa ngôn phải hiểu là văn học xoay quanh từ ngữ quá nhiều, do sự thiếu chủ đạo hay thiếu cái nhìn toàn cảnh, không thấy được những chân trời man mác tâm linh, nên dừng lại ở**

**đợt từ ngữ vun tưới đến độ tôn thờ lời. Trên hết là lời.** Từ đó chương trình giáo dục đổ dồn chú ý vào lời:

**Luật lời ( ngữ luật )**  
**Ý lời ( luận lý )**  
**Thuật lời ( khoa hùng biện )**  
*( Xem Cửa Không chương IV )*

**Đến nỗi nhiều sử gia cho rằng chính sự tôn thờ lời đã làm mất Hy Lạp. Người Roma ban đầu đã tỏ ra khôn hơn khi không học tiếng mẹ đẻ ( La tinh ) và công nhận rằng: “ Vì không học La tinh nên mới có đủ giờ đi chinh phục thế giới để kiến tạo một đế quốc mênh mông ”.** Nhưng rồi đế quốc đó sẽ sụp đổ lúc người Roma rơi vào vết xe Hy Lạp thờ lời, chú ý quá nhiều vào lời.

Năm 425 khi Hoàng đế Théodose lập đại học đầu tiên ở Constantinople tất cả có 33 giáo sư, thì:

**Ngữ luật đã chiếm 28**  
**Còn lại cho luật 2**  
**Và triết học 1 .**

**Chính vì thế đế quốc Roma chỉ có thống nhất kinh tế và chính trị, thiếu điềm cần hơn hết là thống nhất văn hoá ( Civ. X . 159 ). Văn chương La Mã thì hoàn bị, quyển XII của Quintillien phê bình văn học khó có thể hay hơn, nhưng về triết thì quá tầm thường, không một triết gia nào đạt độ tâm linh.**

Người nay nhận ra rằng quyển “ Ý Vàng ” của Marc Aurèle đọc kỹ lại thực ra chỉ là ý chỉ son đẹt, cầu an ( pensées d'or chỉ là pensées de plomb ) Sénèque cho là thứ văn “ đưa người đọc vào cửa nào rồi cũng sẽ lại đưa ra cửa ấy ” ( Civ. VIII.217 ).

**Cuối cùng hầu khắp các Triết học gia đều bắt tay với Tôn giáo tức là bắt tay với yếu tố chia rẽ. Đế quốc Roma sụp đổ phần lớn vì vấn đề thần học: “ Đấng Kitô có một bản tính hay hai bản tính, ba ngôi hay một ngôi . . . Civ. X . 148 ] .**

Thế rồi dòng đã suốt thời Trung cổ và dẫn tới ngày nay **hiều chương trình giáo dục vẫn xoay quanh lời**, quanh những cái tế vi về ngữ luật, phân tích ngữ luật, phân tích lý luận ( analyse grammaticale, analyse logique ), giống đực giống cái, số ít, số nhiều . . . là thành cái mà ngày nay **hiều học giả nhận ra là không những vô ích, còn tổ làm thành ác mộng cho tuổi thanh niên** “ qui fait le cauchemare de la jeunesse de l' Occident ” ( Civ.III. 167 ). Hiện nay họ đang cố dùng phương pháp cơ cấu để thái bớt những cái “ cần thiết giả tạo ” nọ .

### **3.- Quá nặng tiểu thuyết**

Tiểu thuyết trung thực có sức giúp cho người đọc biết quan sát nhân tình thế sự, tôi không hề phủ nhận giá trị của nó. Một quyển sách mà thiếu nhận xét thì là quyển sách vô duyên. Nhưng phải nói thêm ngay rằng thiếu hiểu biết thì lại là quyển sách tản mát rỗng tuếch. Cần phải có cả nhận xét lẫn sâu sắc mới là toàn vẹn.

**Một quyển sách hay hay một nền văn học cũng thế. Muốn sâu sắc thì phải có triết học, triết lý, tâm lý như nét Đọc. Muốn nhận xét ý nhị phải biết sử ký, xã hội học làm nét Ngang. Đó là những khoa giúp người học biết thâm lượm những kinh nghiệm hằng ngày, nghĩa là có**

xảy ra thực sự trong xã hội loài người, để cho cái học không đi vào duy trì tọng. Việc thu lượm sự kiện quan sát này sẽ được tiếp tục trong văn hoá hậu trường bằng tiểu thuyết. Nhờ tiểu thuyết mà hai nét Kinh ( triết ) và Sử càng trở nên sống động. Một nền giáo dục muốn toàn vẹn cần chú ý đến cả hai mặt Đọc Ngang nọ cách cân bằng. Vì thế nền giáo dục của Việt Nho xưa đã đi theo lối “ xôi Kinh nấu Sử ”. Xôi Kinh là để “ liễu hiểu ”, nấu Sử là để biết “ quan sát con người trong xương trong thịt, sống thật trong những mối nhân luân với những hoàn cảnh xã hội cụ thể ”.

Vì thế tuy là cổ xưa mà giá trị vẫn tồn trường. Triết lý đã không bị cái nạn thiếu cảm – thức lịch sử như triết học Tây Âu.

Trái ngược với nền giáo dục Tây Âu mặc dầu tiến bộ về khoa học mà về thành nhân thì chính họ phải cho là tội tệ ( lamentable ). Bởi chương trình giáo dục chỉ có tiểu thuyết mà thiếu sử và nhất là thiếu triết nên gây ra nông nổi. Về triết thì thực ra không thiếu nhưng là thứ triết học quá chuyên biệt, hóc búa, trừu tượng khiến con người sống thực không sao nhá nổi: như thế có Kinh đâu mà sôi. Còn Sử thì xưa kia không có trong chương trình ( xem bài Sử mệnh trong Chử Thời ) lấy chi mà nấu.

Thiếu Kinh để sôi, thiếu Sử để nấu thì nền giáo dục tất trở nên băng quơ, không đủ làm thoả mãn tâm trí, cho nên mọi người đổ xô vào tiểu thuyết, bởi ngoài tiểu thuyết ra còn chi nữa đâu để mà đọc. Vì thế mà tiểu thuyết đã được tâng bốc lên quá cỡ khiến cho phát triển cùng cực và như thế dễ sa vào quá đáng.

Tiểu thuyết đồng nghĩa với tao xạ, tức là xa lìa thực tại. Ta có thể nhận thấy rõ thực tại nước nhà là đang sống trong tả tơi bần hàn thế mà thiếu chi những sách mang nặng tính chất quý tộc, cá nhân, hưởng thụ trong thừa mứa: “ nhà văn phải là kẻ viễn mơ sống rong chơi trong cuộc đời ”, đang khi đất nước tan hoang, muôn vàn đồng bào đang gục ngã. Đòi thực dân cố đã phá “ tự trị xã thôn ” để dễ bề đồng hoá thì tiểu thuyết cũng ùa theo đã phá xã thôn thế mà chương cứ bắt học cả từng trăm quyển tiểu thuyết, khiến đầu óc trẻ em bị nén dầy, còn đầu tâm trí thanh thản mà tâm tư. Cái đó rất tai hại gây nên óc hưởng thụ và hư hại một đức tính tối quan trọng để trở nên người là sự tập trung tư tưởng. Thiếu nó làm sao đi sâu, mà không sâu làm sao có to, có đại, có vĩ nhân.

Giáo dục thay vì nhằm đào tạo nên người lại vô tình đào tạo ra toàn hạng sinh viết. Đầu óc chẳng sản ra được cái chi đáng viết, cũng viết. Voltaire đã phải nặng lời gọi bọn đó là giống chó má sủa bậy cắn quàng và co quắp ( Canaille écrivant cabalant et convulsionner ) rồi hề nâng nhau lên tận mây xanh nhưng tựu trung là những con bò cái ngu dại : “ Ces gens impuissants entre tous, des vaches écrivant sont portés aux nuées , de simple brutes célébrées ”.

Chính vì lý do rất nghiêm trọng đó nên các nền văn hoá cổ xưa đều coi thường tiểu thuyết ( Civ. X. 336 ).

Viễn Đông chỉ cho tiểu thuyết nảy nở từ lúc còn tiếp cận với Mông Cổ nghĩa là với văn minh du mục chạy rong thiếu chiều sâu. Tuy nhiên tiểu thuyết đã không gây tai hại cho Việt Nho như bên Tây Âu vì giáo dục vẫn dành chỗ quan trọng cho Kinh cho Sử . **Tiểu thuyết chỉ vận hành ở văn hoá hậu trường, và đó là trúng chỗ.**

Cần phải biết đặt vị trí mỗi khoa như vậy, đừng đề cao văn chương tiểu thuyết quá đáng như nay đến nỗi lấn át hết chỗ lẽ ra phải dành cho cái gì nền tảng đi sâu.

**Cần nhấn mạnh rằng tiểu thuyết không phải là khoa đào sâu, nên người xưa không cho là nghệ thuật cao đẳng, mà chỉ là nghệ thuật bì phu, là văn chương nhẹ cần cho những người**

**không thể ngồi lâu:** vì thế nó phát xuất nhiều nhất do tâm trạng du mục nay đây mai đó ( nhớ lại bên Tàu tiểu thuyết chỉ phát triển mạnh tự đời Nguyên đầy chất du mục ), nên không thể so sánh với những nghệ thuật và văn học phát nguyên từ nông nghiệp quen ngồi lâu nên có thể đào sâu đi vào chỗ tế vi, vì thế nên bao giờ cũng tải đạo, còn du mục thì không, vì không đào sâu đủ thì làm sao đạt đạo để mà tải . Từ đó Văn chỉ nhằm giải trí, làm vui, chọc cười, chọc khóc, vậy là hết rồi đằng sau không còn gì nữa.

Đó là một nhận xét có vẻ mới cho nay, nhưng người xưa thì đều ý thức như vậy, cho nên bên Đông cũng như bên Tây nhiều người viết tiểu thuyết mà không dám ký tên như trường hợp Lope de Vega và cũng vì vậy mà có vấn đề cho là những tuồng của Shakespeare do một nhà quý tộc Anh viết, nhưng vì giữ thể diện không dám ký tên. Đây không có ý phán đoán về vấn đề nọ mà chỉ có ý ghi nhận đã có vấn đề như thế, vì có tâm trạng khinh tiểu thuyết tuồng kịch.

**Dẫu sao thì chương trình giáo dục dành quá nhiều chỗ cho tiểu thuyết như nay cũng là chạy theo Tây,** nơi mà giáo dục xưa kia dành độc quyền cho quý tộc, dân gian không được tham dự cả trong việc đi học, lẫn trong việc hình thành kinh sách ( không hề có bộ nạp ngôn, không có sử cho dân chúng ) nên đã báo thù bằng đề cao tiểu thuyết.

**Sự đề cao này gây ra hai cái hại, một là làm cho cùn nhụt nơi người đọc khả năng tập trung tư tưởng nhất là vào những vấn đề trừu tượng tổng quát, như vậy là làm mất mũi nhọn đâm vào sâu khiến nhiều người vì đọc quá nhiều tiểu thuyết nên đọc không nổi mấy sách viết sâu một chút. Có thể nói chương trình giáo dục nay đã tê liệt hoá cái vòi ong hút nhụy ngọt để biến tất cả thành những con bướm đậu đây bỏ đấy. Cái hại thứ hai là tiểu thuyết nhiều khi lấy truyện trong những môi trường thác loạn ( có vậy mới lắm truyện và truyện mới éo le kỳ lạ . . . ) khiến người đọc bị tẩm nhiễm trong bầu khí bệnh hoạn lâu ngày có hại cho sự lành mạnh của tâm hồn của phán đoán.**

Tôi thật không dám vợ đũa cả nắm, nhưng có lẽ là điều không may cho tôi đã tiếp cận với vài người chuyên về tiểu thuyết đọc nhiều viết nhiều, đều thấy rất bì phu, hầu như không biết quan sát; còn tâm hồn mất cả bao dung đại độ: hầu như tinh anh đã phát xuất hết ra câu văn hay rồi. Một lần nữa tôi không tin rằng mọi người viết tiểu thuyết đều thế, chỉ tại tôi chưa may mắn gặp mà thôi. **Nhưng dẫu sao chương trình giáo dục nên dành tiểu thuyết cho hậu trường là hợp lý. Và đó là một bước cách mạng cần thực hiện trong nền học vấn của nước nhà hiện nay.**

#### 4.-Văn học Tây Âu

**Bây giờ nói đến Văn học thì hầu hết cũng phỏng theo Văn học Pháp là nền Văn học chưa đạt Nhân chủ, còn đang quanh quẩn ở Địa chủ và Thiên chủ.**

**Địa chủ** là lối Văn học khách quan tuân theo những thuyết có họ với Cộng sản: Hạ tầng chỉ huy Thượng tầng, hoặc nói như Taine Văn chương là sản phẩm của địa phương. Do đó tìm hiểu được thổ ngữ và thời đại của tác giả thì đã cho là nắm được then chốt. Luận án không chú trọng nhiều vào ngay chính tác phẩm, cái liên hệ nằm ngằm giữa tác phẩm và các tác giả, mà lại đặt nặng trên việc tìm nguồn gốc vay mượn ở đâu, những hoàn cảnh nào, những chi tiết sinh thành, những sự kiện chi phối: établir des faits des sources littéraires, des circonstances des détails génétiques. Đó là những điểm nói lên Địa chủ, tức con người không là chi cả, mà chỉ là sản phẩm của những yếu tố ngoài. Vậy là giản lược tác giả vào một tác vụ thảo mộc: hẳn viết ra chẳng qua là dưới sự điều động của những yếu tố kia, chứ con người tự lực tự cường của hẳn không được kể tới. Đây là một quan điểm văn học hẹp hòi, và vì được các đại học công nhận

nên cũng kể là chính thức hay là của đại học ( universitaire ). Quan niệm này hiện nay đang bị công kích bởi những quan niệm không chính thức tìm giải nghĩa văn học theo ý hệ, có thể gọi là tổng quát. Đây có thể là một quan niệm tốt nhằm bổ túc cho quan niệm phân tích của đại học nói trên. Tuy nhiên lại mắc phải trở ngại khó có thể vượt qua được, đó là theo ý hệ nào.

Hiện nay bên Pháp ít ra có 4 ý hệ : Mác Xít, Tâm phân, Hiện tượng, Cơ cấu . . . . Trong đó không một ý hệ nào nắm được lẽo lái, thành ra mới là tứ tung, chưa có một hướng để tới. Ví thiếu hướng nên tiếp tục quay cuồng phân hoá gây nên một thứ Văn học vô hồn, dành dồn sức vào những cái bác học bì phu vô tích, cùng lắm chỉ gây được thích thú nghề nghiệp cho mấy giáo sư Văn học, chứ không tài nào gây nổi được Tinh thần trách nhiệm cao độ của sứ mạng là một thứ thích thú bao la làm sáng khoái tất cả những người đi học nào có đủ khả năng thu nhận.

Trở lên là đại để mấy nét chính của Văn học Tây Âu hiện đang đè nặng trên nền Văn học Việt Nam. Bao lâu chưa thoát được mấy cái quá đáng thì không sao có thể lập được nền Văn hóa độc lập đặt trên Nhân chủ có khả năng bảo vệ và làm phát triển Nhân phẩm Nhân cách của người đi học.

#### 5.- Đả kích lung tung

Đó là hệ quả tất nhiên của nền văn học tản mát chi li vô hướng. Một khi đã không nhìn ra cái toàn diện thì hễ mở miệng phê phán liền vấp ngã vào một sai lầm sơ hở nào đó, không sao thoát khỏi. Sau đây lấy thí dụ về Nho giáo đã bị giới tân học đả kích lối 1930 đó là một phong trào nổi lên vào quãng năm 1930 trở đi: hầu hết trí thức đều đả kích Nho coi đó như cái đà cản trở việc xây dựng một nền quốc học tăng tiến. Bởi vì Nho là của người Tàu cũng như là cổ hủ nếu không san phẳng thì làm thế nào xây đắp mới. Vì thế mà có sự thành khẩn đả kích.

Tuy nhiên đó là một sự thành khẩn hời hợt hầu hết là chuyện hơi nhau những câu nói thiếu nền tảng hoặc thiếu phân tích

**Thiếu nền tảng** như đặt vào miệng Khổng Tử ( hay đổ cho Nho giáo ) câu nói của một hai cá nhân. Chẳng hạn câu của Thái Tử Phù Tô “ Quân sử thần tử, thần bất tử bất trung “ vẫn được lôi ra làm cứ đả kích. Có thể nói như vậy về rất nhiều câu khác như Tam tông của Đông Trạng Thư, trung thần bất sự nhị quân của Hán Nho. . .

**Còn thiếu phân tích** thì thí dụ **Trương Tử** dồn chân tướng của Nho giáo vào 5 điểm là:

- 1.- Tôn trọng quyền đàn ông, đàn áp quyền đàn bà.
- 2.- Tôn trọng quyền chồng đàn áp quyền vợ.
- 3.- Tôn trọng quyền cha, đàn áp quyền con.
- 4.- Tôn trọng quyền vua đàn áp quyền dân.
- 5.- Tôn trọng lý tính, toả chiết Tình cảm.

**Ai đã đi sâu vào Nho giáo đều nhận ra đó là 5 điểm của Hán Nho.**



Một thí dụ khác trong bài đầu Kinh Thi tả nam nữ nhớ nhau đêm nằm trần trọc giờ mình 4 kiểu ( xem bài “ Hung ư Thi “ ở cửa Không ). Vậy mà Trương Tửu giải nghĩa là bà Hậu Phi ngóng tìm hầu thiếp cho chồng đến “ mất ăn mất ngủ ”. Viết sai hẳn đi như vậy mà cứ được sao chép. Chỉ một ít thí dụ như vậy tỏ rằng **sự chống đối Nho giáo đều căn cứ trên những cái hiểu lầm được truyền tụng, sao đi chép lại mà không một phen đi tận nền tảng.** Rồi sau đó không sao chép Tây Âu thì lại dấn chân trên Văn chương bình dân cách nông cạn và cầu thả, quên đi rằng Việt với Nho là một, văn chương Việt xây trên cùng một Cơ cấu với Nho, nên bỏ Nho cũng là bỏ Việt, thứ Việt sâu thăm thăm ( *Xin nhớ rằng tôi đang đứng trên cơ cấu mà bàn. . .* )

## 6.- Những nét đặc trưng của Việt văn

### a.- Cần tìm điểm phát xuất

Những nét đặc trưng của Việt văn rất nhiều, khó lòng lên số hết và thực ra cũng không cần. Điều cần là **chọn một số nét căn bản và tìm ra chỗ móc nối với những Nguyên lý uyên nguyên, đặng dùng như nền tảng quy tụ những nét căn bản nọ.** Đây là làm việc theo Cơ cấu. Nói đến phương pháp Cơ cấu là phải nói đến Nguyên lý uyên nguyên làm điểm phát xuất cũng như phải có đối chiếu với các nền Văn minh khác.

Chính nhờ hai điểm nọ mà những suy luận những câu quyết đoán tránh được đến mức tối đa cách hồ đồ mỗi khi đan cử nét này nọ kia như là đặc trưng. Theo đó thì một nét kể như đặc trưng phải được đặt trên nguyên lý nền tảng, lại được kiện chứng bằng đối chiếu với một số văn minh khác không có như vậy.

Thí dụ **tiếng dân** ( ca dao ) **dựa trên nền Nhân chủ phát nguyên nhân tự Tam tài**, mà ở các văn minh khác không có. Khi đã thiết định được như vậy thì lúc ấy có thể dùng điểm nọ làm tiêu chuẩn để lựa chọn các sách cổ điển xưa, cũng như sau này tìm sách từ bốn phương có khả năng làm giàu di sản thiêng liêng của mình. Nhờ lối đó phạm vi Việt văn trở nên rất rộng và lý thú mà không xô bồ thác loạn.

Về dĩ vãng nó sẽ bao gồm những sách Cổ Điển cùng một tinh thần Nhân chủ với Kinh Điển chẳng hạn “ Tứ đại kỳ thư ” của Trung Hoa tuy viết bằng Nho, mà tinh thần Việt lại rất phong phú.

Nếu đem Tam Quốc, Thủy Hử, Hồng Lâu Mộng, Tây Sương Ký vào chương trình Việt thì số sách cổ điển tăng lên nhiều.

Rồi tương lai cũng có **tiêu điểm chọn sách trên thế giới đúng hướng**, mà không đưa vào bừa bãi những sách hoàn toàn du hí, hưởng thụ theo óc quý tộc Tây Âu. Nhờ vậy việc phong phú hoá nền Việt văn có nền tảng vững chãi mà vẫn rộng mênh mông. Chính vì những lý do trên, nên trong bài này chúng tôi **thử đưa ra một số nét đặc trưng theo hai tiêu chuẩn trên: đặt trên nguyên lý và tỷ giáo.**

### b.- Dân gian tính

**Nét đặc trưng đầu tiên phải kể tới là dân gian tính, vì văn chương do dân phát xuất.**

Điểm này đã được bàn trong Việt Lý, chương Tiếng dân cũng như trong Tinh Hoa Ngũ Điển trong hai chương Kinh Thi và Thư ( xem phần Kinh Điển ở trên ).

Ở đây chỉ nhắc sơ qua để nói lên nguyên lý **nền tảng của nó là Tam tài**, một nguyên lý sâu thăm đặt nền cho Nhân chủ, ngoài thuyết Tam tài ra khó lòng đặt nền Nhân chủ. Vì thế

chúng ta có thể nói **Nhân chủ là nét độc đáo tối hậu của Việt Nho, mà hậu quả đầu tiên và rõ nhất là nền Dân chủ** ( đã bàn trong Tinh Hoa Ngũ Điển ở chương trên ).

**Từ Nhân chủ nảy sinh ra óc công thể:** mọi người như nhau về quyền lợi và nghĩa vụ, ai cũng như ai. Điều đó được biểu thị bằng cái bọc 100 trứng: con nào cũng lớn mạnh phương phi, có nghĩa là ai cũng như ai, nên những công tác nền móng nào cũng do công thể, trong đó phải kể trước tiên đến việc suy tư, nói, làm, vắn tắt là toàn dân viết sách. Khởi đầu bằng **ca dao tục ngữ mà Việt Nho gọi là quốc phong**, nghĩa là ngọn gió của cả nước chứ không của riêng một người. Như thế là tạm xong phần nhất đặt việc sáng tác công cộng trên nền nhân chủ mà then chốt là thuyết Tam tài.

Bây giờ đến **phần Tỹ giáo** thì chỉ việc đem đối chiếu với một hai nền Văn minh lớn khác như Âu Á sẽ thấy tác giả “ Kinh Sách ” ở đây không phải là dân gian nữa mà là Tăng lữ. Còn bên Tây Âu là Quý tộc hay Tư tế ( đã bàn trong Tinh Hoa Ngũ Điển ).

Như vậy cả hai đều đại diện cho Thiên hay Địa tức cho tôn giáo hay quý quyền mà không cho Người, nên không có Nhân chủ, do đó không có Kinh Điển mà chỉ có Kinh Thánh hay là Cổ Điển.

**Triết – sử gia Vico đã nhận định rằng Văn học dân gian chỉ đến sau trên những nấc thang cuối cùng của tiến trình biến hoá: đầu tiên là Thần quyền với Kinh Thánh, rồi đến Quý quyền giấu sách anh hùng ca, sau cùng mới đến Văn chương dân gian.**

Vico nhận xét đúng nhưng không nhìn ra được lý do vì ông không được thừa hưởng nền Nhân chủ như bên Việt Nho. Chỉ có trong nền Nhân chủ thì kinh nghiệm bản thân cũng như của Tiên nhân ( kết tinh lại trong ca dao, quốc phong, . . . ) mới được coi trọng hơn ảnh hưởng trăng sao ( Maspéro 158 có biết nhận xét điều này ) cũng như các sách Thần khải Địa khải. Cả hai nơi Âu cũng như Án vì Triết còn yếu quá nên chưa đạt giai đoạn ba này.

Bởi thế đến nay muốn xa lìa ảnh hưởng Thần quyền thì lại chuyển liền sang Đại chúng tính tức là Đám đông xô bồ chỉ được tổ chức tự Ngoại ( pháp luật, công an, mật vụ ) chứ không có tinh thần Nội khởi của một dân tộc ( xem đầu quyền Hiến Chương Giáo Dục ) có Truyền thống, có sách Dân tộc, có Huyền sử tức cái gì có Góc Ngọn, nguồn cơn liên tục, kết tinh của một nền Minh triết dài lâu như Granet nhận xét về Việt Nho ( P. C . 26 ). Cần suy nghĩ rất nghiêm chỉnh về điểm đầu tiên này: Bởi thoát nhìn tưởng như cái chi tâm thường, nhưng thực ra là dấu của bước tiến cao độ và làm nảy sinh ra tất cả các nét đặc trưng khác. các nét khác xa hay gần có thể coi như hệ luận của nét **nền tảng đầu tiên là dân gian** ( Dân gian do Nhân chủ, Nhân chủ do Tam tài )

### c.- Phác thực tính

Đây là hệ luận của Dân – gian- tính, vì dân gian thường bao giờ cũng *Chất phác và Thiết thực*. Chất phác là có sao nói vậy, không lèo lá bôi bác kiểu quý tộc. Còn thiết thực là không nói những chuyện trừu tượng như quý tộc La Hy hay nói về thế giới về bên kia mồ hay hư vô như tăng lữ, nhưng là nói về việc ăn làm, giao tế hàng ngày, ở đây và bây giờ. Vì thế mà học đi với hành, tránh cái học để mà học, kiểu du hí, bác học kênh coi, xa lìa thực tại. Người thời mới đã được đào luyện trong cái học trừu tượng cao bay khó lòng thưởng thức nổi cái đơn sơ chân thực của văn chương Việt Nho, vì cho là sà sà mặt đất, đã không ngần ngại thải bỏ Việt Nho để nhét đầy chương trình những nền triết học lý niệm và trừu tượng của bọn quý tộc Tây phương: Platon, Aristote, Kant, . . . cho đến những cái suy luận

quần quanh ngày nay. Marc Aurèle cảm ơn trời đất vì đã không phải học logique, nhờ thế mà lương tri ông còn lành mạnh. Các đàn em Việt Nam nay chẳng được hưởng cái ơn đó vì đàn anh họ đã quá say Tây, nên các em phải học những cái làm cho các em càng ngày càng xa bà con cô bác sống ở thôn quê, tiếp cận với những thực tế rất cụ thể. Một ngày nào đó các em sẽ buồn lòng nhận ra rằng những điều chương trình đang bắt các em nhồi nhét vào đầu óc, đã bị Tây Âu thời mới cho là cù lần tự khuya rồi, và thực ra rất đại dột, thế mà các em vẫn phải học để rồi sau này khi phải đối mặt với cuộc đời thì chẳng biết dựa trên nguyên lý nào mà xoay xử. Các em bỗng thấy mình nghèo nàn đến độ hể hà xa sách, thì không còn biết nói được cái chi, dù chỉ là một thí dụ cổ gượng đưa ra cũng đầy đờ dẩn. Đứng trước các ông già bà cả các em chẳng còn thấy chi để nói, không lẽ đem thuyết cuộc đời nôn mửa ra bàn hay là hữu thể với thời gian ra mà nói! Chương trình giáo dục đã đưa các em xa đời thực tại quá lắm, là vì lớp nắm quyền hành hiện nay đã được đào tạo trong bầu văn hoá do trường giả và tôn giáo sáng nghĩ ra, nó khác một trời một vực với văn hoá của dân gian, tức cũng là của con người sống thực, con người to lớn không để cho Thiên Địa ăn nạt. Vì thế cũng nên bàn riêng nét đó là:

#### d.- Con Người to lớn

Hãy đọc câu ca dao sau :

**Ngọc Hoàng ngồi tựa ngai vàng  
Thấy con uống rượu hai hàng lệ rơi  
Tưởng đâu con uống con chơi  
Ai dè con uống con rơi xuống sinh.**

Câu ca dao tiết ra bầu khí Nhân hoàng: con Người giao thiệp với Trời rất tử tế, nhận Trời làm cha, nhưng vẫn giữ độc lập. Giá phải nơi khác thì trời đã làm sét đánh cái rết, đằng này Trời chả biết làm gì hơn là khóc. Và xem chừng lúc con rơi xuống sinh rồi cũng chẳng vớt lên nổi, lòi khấn ra thấm nước mắt: Thấy con uống rượu hai hàng lệ rơi. Văn mà như thế thực là độc lập. Nếu muốn truy căn thì sẽ nhận ra vị trí con người trên cấp tối hậu, tức là nếu **Trời là vua, Đất là vua thì Người cũng là vua. Đã là vua là Nhân hoàng, thì văn chương không có nói đến tội.** Nếu có là do óc Hán Nho hay tôn giáo về sau, chứ với nền nhân chủ Việt Nho thì không, vì tội là bề dưới với bề trên: dưới càng thấp thì tội càng nhiều, càng tiến lên thì tội ít đi, và sẽ không còn nói đến tội nữa ở cấp “**Tề Thiên Đại Thánh**”.

Về điểm này rất tế vi nên văn hoá của ta chịu ảnh hưởng nặng của thanh giáo cũng như của luân lý Tây Âu mang quá nặng mặc cảm tội lỗi, đánh mất vẻ hồn nhiên tự lập . . .

#### e.- Thái hoà

Tuy vậy mà vua không nông cuồng đến chỗ chối bỏ Thượng Đế hay là dây loạn, nhưng **giữ cung cách Thái hoà là hoà Trời hoà Đất trong mối “**Thiên Nhân tương dữ : Trời che Đất chở Ta thông thả**.”**

Đây là nét đặc trưng của văn minh nông nghiệp, văn minh “đi cày, đi cấy, không những lấy công, mà còn trông nhiều bề“, để cho việc mình làm trở thành cộng tác với cái toàn thể. Vì thế “trông Trời trông Đất trông mây” trở thành nét đặc trưng biểu lộ trong Quốc phong thành thể tỷ, húng ngoài thể phú.

**Phú là nói tuột điều mình nghĩ ra**, không gửi gắm vào cái chi cả, không che đậy: đằng sau điều nói ra là hết, cùng lắm là do điều viết mà đoán ra khung cảnh hoặc tâm trạng người nói. Thí dụ bài cát đàm hay quyền nhĩ trong Quốc phong.

**Còn Tỷ bao hàm ý nghĩa khác với điều nói ra, có thể gọi là nói bóng gióng như ngụ ngôn**: tức ý nghĩa không ở trong lời nói ra nhưng từ một việc nhỏ nào đó vươn lên việc to. Nói đến con châu chấu đẻ nhiều mà lại nghĩ đến dòng dõi đông đúc. Nói đến chuột phá ruộng đồng, mà lại nghĩ đến quân xâm lăng hay vương quyền chiếm đoạt.

**Hứng cũng là một thứ Tỷ nhưng nhắc đi nhắc lại như điệp khúc, thí dụ nói về vật hay cây rồi nói đến điều mình nghĩ, điều chú ý nói ra thường ở câu dưới ( nghi kỳ sự thường tại hạ cư ); còn Tỷ thì ngoài câu ( Sở chỉ chỉ sự thường tại ngôn ngoại ). Như vậy Hứng cũng là một thứ Tỷ nhưng Hứng nói thẳng điều mình nghĩ, còn Tỷ thì dấu, nhưng dấu hở và cả hai hay đi đôi .**

**Các nhà chú giải chỉ thường được bàn đến vậy là cùng mà không nhận ra rằng đó là những lối “ Trông Trời trông Đất ” dưới muôn vàn hình thái dị biệt nhưng tựu trung nói đến mối tình thâm sâu giữa Trời, Đất, Người, khiến cho văn hoá Việt Nho gây trong tâm trạng người học cái gì ám cúng mát diu.**

Rất nhiều tâm hồn đang bị dần vặt vì văn học, vì triết học Tây Âu đến khi bắt gặp bộ triết lý An Vi cảm thấy lòng diu lại rồi dần dần thấy thanh thoát, an nhiên tự tại là do cái lý sâu xa nọ, nó không còn để mình trong vũ trụ của Thiên hay Địa, song để mình trong thế giới của riêng mình, nhưng vẫn có liên hệ với Thiên với Địa.

**Do đó mà Việt Nho trong thơ văn chú ý rất nhiều đến cái toàn thể, toàn cảnh thường được phác họa trong mấy nét lớn lao:**

**Dừng chân đứng lại trời non nước  
Một mảnh tình riêng ta với ta.**

**Ít khi dừng lại ở những cái tỉ mỉ, những hiện tượng. Do đó thơ văn không cần dài. Chỉ phác họa một hai nét chấm phá làm đà cho mình vươn lên. Hay ở chỗ chấm phá lơ thơ để bao trùm toàn cảnh nên vẫn mà hoá dài, dài trong âm vang vào cõi Trời Đất. Vì thế mà ta thấy chỉ một bài thơ 4 hay 8 câu đã làm rung động tâm hồn các cụ xưa hơn những áng văn tràng giang đại hải.**

**Điều đó phát xuất từ cái nhìn bao trùm Thiên, Địa, Nhân .**

**Thế hệ mới vì được đào luyện trong bầu khí Văn hoá rậm lời, đã làm quen với những anh hùng ca từng vụn câu như Odyssee, Eliade, Mahabharrata với những cuốn tiểu thuyết dày cộm, nên không thưởng thức nổi cái hay cô đọng của Việt Nho nữa.**

Nhưng nếu muốn xét Việt văn đúng bầu khí của nó thì cần phải xem toàn bích mới thấy được cái cao siêu như ông Granet đã nhận xét về Kinh Dịch đọc từng câu có vẻ tà tà, nhưng cái hứng của toàn thể thật lạ lùng ( P. C. 16 ). **Chính nhờ lối đó mà một số học giả sành điệu đã biết nhận xét “ cái hay, cái tao nhã nằm trong chỗ biểu lộ tế vi ngắn ngủi thoáng qua ” và họ cho đây là một di sản mà Viễn Đông đã cống hiến nhân loại hiện đại: “ L’extrême – Orient a donné au monde moderne ces formes poétiques toutes de délicatesse don’t le charme réside dans l’expression subtile et brève d’une impression fugitive . Civ. III. 357 ”.**

### g.- Vui sống

Ta biết cái gì vật nào chặt nhỏ ra là chết, để nguyên toàn bộ là sống. Vì thế mà nét đặc trưng toàn thể làm nảy sinh ra một số nét đặc trưng liên hệ tới sống, tới sinh:

Sinh thú  
Vui sống  
Sống mạnh.

Vì thế ghét sự chém giết, nhưng thiên về những cảnh thái bình, an vui, yêu thương. Giàu về hí hước, trào lộng, ít về bi kịch, thảm sầu. Khác văn chương Bát khổ của Thiên trúc hay những áng văn thê lương oán trách ( lamentations ) kiểu Tây Âu, một lối văn “ chưa sống đã lo chết ”, Heidegger nói “ con người sinh ra để cho được chết ”. Có người bảo quyển **Cung Oán Ngâm Khúc** “ là tinh hoa của Việt Nam. Lâm. Đó là hậu quả của ngoại lai. Chính Việt Nho thì chấp nhận trọn vẹn cuộc sống với mọi chiều kích của nó: cả vui cả buồn nhưng sinh thú được đề cao hơn là khổ đau. Đó là hậu quả tất nhiên của “ **sinh sinh chi vị dịch** ”, và do đó ghét chiến tranh, coi là việc cực chẳng đã để tự vệ. Vì thế quan văn bao giờ cũng được suy tôn hơn quan võ. Cũng như văn chương không sản xuất những anh hùng ca thường giàu chất chiến tranh đánh phá.

### h.- Truyền sinh

Nếu đã vui sống, đã đề cao nguyên lý sinh sinh thì tất nhiên việc truyền sinh phải được coi trọng. Chính vì thế mà khi nhiều Văn minh gọi cơ quan sinh dục là sự xấu xa hoặc là của tội thì Việt Nho lại gọi là Ngọc Hành, và Văn chương dân gian nói về việc Nam Nữ hợp thân cũng như về việc gạ hỏi cưới xin một cách rất hồn nhiên thành thực, không một vết mặt cảm tội lỗi chi cả:

Gái chưa chồng trông mong đi chợ  
Trai chưa vợ lơ lửng đứng đường

Cô kia “ học triết ” một mình  
Cho tôi học với chung tình làm đôi.  
Cô còn học nữa hay thôi?  
Cho anh học với làm đôi vợ chồng.

Cô kia cắt cỏ bên sông  
Có muốn ăn nhãn thì lòng sang đây  
Sang đây anh nắm cổ tay  
Anh hỏi câu này có lấy anh chăng ?

Đôi ta như thể con ong  
Con quần con quýt con trong con ngoài.  
Đêm khuya khêu ngọn đèn loan  
Nhờ chàng quân tử thờ than mấy lời  
Mong chàng chẳng thấy chàng ơi  
Thiếp tôi trần trọc vội dòi chân ra.  
Nhác trông giăng đã xé tà  
Đêm hôm khuya khoắt con gà đã gáy sang canh

Mong anh mà chẳng thấy anh  
 Thiếp tôi buồn bã khêu quanh ngọn đèn.  
 Hỏi cô gánh nước quang mây  
 Cho anh một gáo tưới cây ngô đồng.

Em tham giàu lấy thằng bé tí ti  
 Đêm nằm sờ mó quần quanh cho đỡ buồn  
 Buồn tình em bé thằng bé nó lên  
 Nó còn bé mọn đã nên cơm cháo gì !

Thôi ! xin chám tròn, kể ra không bao giờ hết. Vì câu nào cũng hay, hay cái hồn nhiên, vô tội, thành thực như kiểu Kinh Thi, Quốc phong, nhưng khác hơn ở chỗ không bị giải nghĩa phản yêu đương, nên ca dao có một sức hút kỳ lạ, đã đọc là hết muốn ngừng.

### i.- Sinh hoá

**Tuy nhiên đó không phải là cái sống để mà sống, nhưng sống để mà hoá mà vươn lên tới đợt tâm linh: trút bỏ dần những cái chật hẹp của cá thể. Và vì thế mà vẫn không chú ý đến cá nhân mà chú trọng nhiều tới điển hình, vì điển hình là con đường nối dài của huyền sử. Ở huyền sử là phạm vi sơ nguyên tượng. Còn điển hình là những sơ nguyên tượng đã nhập thể nhiều hơn, mặc dầu chưa đạt đợt cá thể.**

Thí dụ những nhân vật trong Tam Quốc, Thủy Hử chỉ là những điển hình, tức không có ý như vậy trong thực tại, mà ý chính của Tam Quốc là nói lên tinh thần phương Nam đánh ngự Bắc. Thủy Hử nói lên cuộc chống Vương triều của dân gian. Còn Đông Chu Liệt Quốc nói lên thời tan rã của Việt Nho. . . , nên chỉ còn những mảnh vụn, những điển hình thoáng hiện thoáng biến trong một vũ trụ đang vỡ lở.

Xem dưới khía cạnh đó chúng ta sẽ thấy mấy sách cổ điển trên sáng giá rất nhiều, chúng trở nên một thứ tài liệu vô thức đang cố ghi lại cách phóng khoáng tất cả dòng truyền thống tâm linh của một Nhân chủ đang bị uy hiếp. Về điểm đó thì sau này chưa có sách nào bì kịp.

**Vì thế mà thải bỏ mấy sách cổ điển là nghèo nàn hoá Việt Nho, đánh mất mớ cầu nối dân gian không đi học với dân gian có học. Người đi học thì sôi Kinh nấu Sứ. Sôi Kinh là Thi, Thư, Lễ, Xuân Thu, Dịch. Nấu Sứ là Nam Sứ, Tả truyện rồi Bắc Sứ. Còn dân không đi học thì nghe kể chuyện Đông Chu, Tam Quốc hay Thủy Hử . . . , kết quả hai bên cùng thờ chung một bầu khí của sinh hoá.**

Dùng ngay đời sống hàng ngày đầy cam go bất trắc, với những thực tế phụ phàng để cố hiện thực những điển hình tức là những mẫu gần gũi hơn để từ đó tiến đến các mẫu xa hơn là những sơ nguyên tượng, để từ đây bước vào vòng tâm linh bất khả ngôn, nên cũng hết tượng, dầu la sơ nguyên. Nhờ vậy mà lịch sử Trung Quốc sống động hơn bất cứ lịch sử nước nào dầu là dân vô học nhưng nhờ Tam Quốc, Thủy Hử . . . , mà biết rõ về Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi, Tào Tháo. . . , cũng như thâm nhuần triết lý nhân sinh của dân nước hơn đâu hết. ( Ước mong văn hoá nước nhà sản xuất được những tác phẩm cân xứng ).

**Xem thế đủ biết tính chất hợp thời của Việt Nho, văn hoá của Liên Hiệp Quốc đã khuyến cáo văn chương nên chú trọng sự làm đẹp đời sống hơn là tô chuốt câu văn. Như thế là Tây Âu cũng đã bắt đầu nhận ra văn hay không còn chỉ ở trong những câu đẹp, những ý tưởng**

**ngộ nghĩnh nhưng trên hết là nhằm tô thắm đời người và đó là ý hướng nền tảng của Việt Nho.**

Nói thế có thể gây ngạc nhiên cho nhiều người là vì Việt Nho coi như không hẳn nhằm như thế: đó là vì nó đi theo lối nhằm mà không nhằm, không nhằm mà nhằm. Hay nói phân tích ra **ba yếu tố như trong quyển Pensée Chinoise . P. VII:**

**Một là Việt Nho luôn hướng đến Văn hoá**

**Hai là nối kết Người với Vũ trụ**

**Ba là không đả kích mà nói lên cái Toàn thể cái Thứ lớp.**

Chính ba yếu tố đó đưa đến tinh thần phục vụ đời sống cách sâu xa. **Vì thế Việt Nho đã cố duy trì đường lối của mình xuyên qua bao cuộc lạc hướng trải dài ra trong lịch sử. Trong quyển Tinh Hoa Ngũ Điển chúng tôi đã bàn đến 4 lần lạc hướng và 4 lần trở về nguồn gọi là phục cổ tức là phục hồi cái tinh thần thiết thực cụ thể của Việt Nho.**

Hiện văn học cũng như văn hoá nước nhà đang chạy theo lối văn hoá du hí, trưởng giả, quý tộc, vụ nghiễn của Tây Âu. Cần phải làm một cuộc về nguồn nghiêm túc để văn hoá cũng như giáo dục giúp đắc lực vào cuộc sống mạnh của dân tộc. Vì thế chương sau sẽ bàn đến điển chương tiết yếu đi liền văn chương. Bởi vì việt văn có đặc tính văn thì không phải vì nghèo nàn nhưng vẫn đề có thì giờ làm, để cho hành đi với học, chứ có học để mà học đâu .

**Vì thế mà sau Việt văn thì đến việc - Văn, sau Kinh Điển thì đến Điển Chương tức bàn về những biểu tượng đại tượng của một số hành tung, thể chế . . .**

Tất cả những điển chương của nền triết Việt đều nói lên tinh thần thiết thực cụ thể của nông nghiệp, cũng là tính chất tổng hợp của nó như được biểu lộ cách hiển nhiên qua cái Đình, cái Đàn bầu, cách Âm thực, miếng Trầu.

Còn Điển chương cuối cùng có liên hệ tới Kinh Dịch nên chúng ta sẽ bàn trong chương về sách Ước Gây Thân.” ( *Hết trích* )

( *Về Điển chương triết Việt, xin xem Cơ cấu Việt Nho chương XVII và XVIII* )



*Phượng minh triều dương : Chim Phượng hót chào mặt trời mới mọc.*

## II.- Vài lời thưa cùng

## các bạn Nam Nữ Sinh viên

*Thưa các Anh Chị Em Sinh viên trong nước,*

*Các bạn thân mến, khởi từ Tâm tư của người bạn vong niên thuộc dòng giống Tiên Rồng, chúng tôi hân hạnh được thưa với các bạn đôi lời theo Tinh / Nghĩa Đồng bào:*

*Ngót nghét đã gần 70 năm, tôi đã là Sinh viên như Anh Chị Em hiện nay, do thời thế đẩy đưa mà tôi đã là sinh viên của cả ba miền Bắc, Trung Nam, nên tôi xin được làm bạn vong niên với các bạn cả nước.*

*Cách đây 25 năm tôi bắt đầu tự học hỏi toàn thời gian về công trình Việt Nho và Triết lý An vi của GS. Kim Định. Càng đi vào công trình thì tôi cảm thấy bị ngập chìm vào trong đó, vì công trình rộng lớn và sâu xa quá, nó bao trùm cả Đông, Tây, Kim, Cổ.*

*Lại nữa, nền Văn hoá của Tổ Tiên mình là nền Văn hóa toàn dùng Biểu tượng về Đồ hình cùng Đồ hình và Số độ, có lẽ vào giai đoạn đó Tổ Tiên chúng ta chưa có đủ Ngôn từ để diễn tả, nên phải dùng đến các Hình tượng cụ thể của Giác quan được xem như Bàn nhún ( spring board ) để giúp vươn lên lãnh vực Trừu tượng thuộc nguồn Tinh hay nguồn Tâm linh, đây là lãnh vực chỉ có thể Hội ý bằng Tinh cảm qua lối Quy tư vào Nội Tâm ( Tinh ) để cảm nghiệm ( qua Feeling ) rồi Thể nghiệm ( experience ) vấn đề, còn chúng ta ngày nay lại quen với lối Suy tư theo Lý trí, ( Đông ) đây là hai lối sinh hoạt ngược chiều thuộc Tâm < Quy tư > / Trí < Suy tư > .*

*Tâm / Trí tuy là đối cực ( opposite term ), nhưng có thể Lương nhất ( Dual unit → 1 ) hay Giao hòa theo Dịch lý, nên phải tìm cách làm sao cho hai lối Quy Tư / Suy tư ngược nhau được Lương nhất như Tinh / Nghĩa Vợ / chồng theo tiêu chuẩn Âm / Dương hoà. Đây là quá trình Thăng hoa cuộc sống từ Cụ thể vươn lên Trừu tượng, từ Lượng vươn lên tới Phẩm để đạt Giá trị Nhân phẩm.*

*Đối với Vật chất thì Lượng càng nhiều càng quý, còn về Tinh thần thì Phẩm càng ít mới được Tinh ròng, theo nhà Phật khi có đạt tới Chân Không thì mới diệu hữu, theo Lão giáo là Miên Lân hư, theo Nho thì là Đạo Trống ( Rỗng : Vô )*

*Có chỗ khác nhau giữa hai lối Sinh hoạt Tổ Tiên và Chúng ta :*

*Vào thời Tổ Tiên chúng ta vì Lý trí chưa được phát triển, nên phần Trực giác còn mạnh hơn. Còn chúng ta ngày nay Lý trí đã phát triển, quen với lối suy luận hơn, nhưng xem ra phần Trực giác để Trực thị vấn đề lại kém hơn.*

*Lý do là mức độ sinh hoạt theo nhịp Tinh / Động của hai thể hệ cách quãng quá xa nên khác nhau. Tinh thuộc lãnh vực Tâm linh, Động thuộc phạm vi Khoa học. Nhưng:*



**Tĩnh / Động → I ( Dual unit ): Thái cực.**

Hai nữa, chúng ta cần chịu khó đi tìm lối sống của Tổ tiên xưa để xem có “ **phần Tinh hoa < chung >** “ nào giúp chúng ta “ **sống Chung** “ một cách sung mãn hơn, hòa vui với nhau ,chứ không phải chỉ tìm những thứ mình thích, nếu gặp điều không thích thì đấu đá nhau, mà mình vẫn cứ tìm cho rõ nguồn con Trắng / Đen rõ ràng , chứ đừng để cho “ **nửa đường đứt gánh tương tư** “ .

**Điều làm cho chúng ta quan tâm**, là ngày nay chúng ta đang gặp phải **Nạn đói của Quốc gia Dân tộc** chẳng khác gì với **Nạn đói của Cha ông chúng ta xa xưa**, thế mà Cha ông chúng ta đã vượt qua được suốt trường kỳ lịch sử gần 5 ngàn năm, còn chúng ta ngày nay tự nhận là Văn minh hơn, thế mà sao con Người và Xã hội chúng ta ngày nay xuống cấp đến thế !

Qua một số tin tức vừa đây, một phụ nữ trong nhiều phụ nữ được sinh ra sau 1975, **đã vì khát vọng Tự do và nhu cầu Công lý cho cuộc sống chung, do Lương tâm thôi thúc** đã đứng lên đấu tranh bất khuất, chống Bất công Xã hội, đã bị tổng giam nhiều năm, vừa bị trục xuất ra nước ngoài, và cũng sau thời gian gần đó, **một vài đại Trí thức sau 70 năm rông** đã say Giác nồng, nay **tuy đã Thức nhưng xem ra vẫn còn chưa Tỉnh hẳn, do nhiều lý do bất khả kháng ?**.

Đây là một ‘ **Dấu hỏi Lớn** ‘ cho tất cả chúng ta, nhất là cho các Anh Chị Em.

Mặt khác, có mấy triệu con dân Việt tỵ nạn ra nước ngoài, tuy cũng gặp nhiều khó khăn, thế mà ở đâu họ cũng rất nổi bật trong mọi lãnh vực, đó là nhờ Môi trường sống Xã hội nơi đất nước người ta đã cung cấp cho họ Cơ hội và Phương tiện thuận lợi làm phát triển toàn diện con Người.

Các Ban Sinh viên Nam nữ trong nước đâu có kém thông minh gì hơn, đây là Vấn đề mà chính “ các Bạn là mầm non, là tương lai chính của Dân tộc “ đang trực diện, thiết tưởng công trình của GS. Kim Định sẽ cống hiến cho chúng ta **một Chính lược Hoà về con Người, về tinh thần Bất khuất của Dân tộc, cùng phương cách đem Đạo lý Nhân sinh vào Đời để phục vụ đắc lực mọi người**.

Vấn đề cấp thiết của chúng ta là phải hoàn thành cho được **Bộ sách Văn hóa Dân tộc như là cái La bàn giúp con thuyền Dân tộc trên đại dương sóng gió cập bến an bình hạnh phúc** .

Cha ông chúng ta đã bảo: **Phú chi Giáo chi: Làm cho Dân no ấm** và phải giáo dục để cho **mọi công dân đều có Tư cách và Khả năng**, đây là nền tảng phồn vinh vững bền cho một Quốc gia, với lớp Công dân này thì công việc **xây dựng nước** được phồn vinh và **bảo vệ nước** được vững bền tất sẽ đạt mục tiêu, chứ nay Vận mệnh Đất nước chúng ta đang bị đe dọa trầm trọng!

**Có được lớp người như thế thì rồi ra mọi sự từ không sẽ có hết, không có lớp người đó, thì vận sự đâu đã có rồi cũng phá nát cho thành không!**

Thời đại “ **Muru mánh Gian tham ,Tham Dĩa bỏ Mâm, Khôn Độc Đại Đàn, ăn Trên ngò Trốc** “ cần phải được chấm dứt.

Mến chúc tất cả Các Bạn luôn được khỏe vui, có “ **Một thể xác khỏe mạnh trong một Tâm hồn mình mẫn** “ với kỳ vọng **các thể hệ chúng ta tiếp tục gỏi đầu nhau nỗ lực tìm cho ra được Sinh lộ của Dân tộc để Sinh tồn và Phát triển!**

**Muốn Dân Tộc được sinh tồn thì phải có Nội lực Dân tộc để chống với nạn “ Dĩ cường lãng Nhược “ gần xa.**

**Muốn phát triển Quốc gia thì ngoài Yếu tố tiên quyết là đào tạo cho được con Người Nhân chủ cùng Chủ đạo Hòa giúp Đoàn kết Dân tộc, còn biết cách tổ chức các Cơ chế xã hội sao có thể đem Công lý vào Đời sống Xã hội để mưu phúc lợi cho toàn Dân.**

Thiết nghĩ chỉ có ba vấn đề chính yếu:

**1.- Vấn đề con Người Nhân chủ ( Con Người biết cách làm Chủ Vận hệ mình, Gia đình mình và Đất nước mình ) với triết lý Nhân sinh có khả năng đáp ứng được nhu yếu thâm sâu của con Người nơi mọi Người.**

**2.- Tinh thần Đoàn kết của Dân tộc được nối kết mọi người với nhau theo Tiêu chuẩn Nhân / Nghĩa hay Từ bi / Trí tuệ hay Bác ái / Công bằng.**

Cả ba Giá trị trên tuy danh xưng có khác nhưng Bản chất đều Hòa . Đây là giá trị từ nguồn Tâm linh thuộc lãnh vực **Tĩnh, nên thường hằng bất biến, không có Cũ Mới gì hết.** Các Giá trị trên đã bị lạm dụng, đã bị ô nhiễm do có Ngôn mà không có Hành, nay cần được hấp nóng lại mới có tác dụng trong đường ăn lối ở. ( Nếu quý vị nào có tìm ra được giá trị nào thay thế khác như Quyền Công hữu < Đạo đức mới của CS > thì xin đem ra giúp đời.)

**3.- Cách đem Đạo Lý Nhân sinh vào Đời ( hay đem Công lý vào Cơ chế Xã hội theo tinh thần Dịch lý ) để mưu phúc lợi cho mọi người.**

Kỳ vọng thay!

Chúng tôi vững tin vào nhiệt tâm và khả năng của các Bạn .

Thân mến chào quý Bạn,

Việt Nhân

---

### III.- Thư Góp Ý về Bìa cuốn Sách

#### “ Cơ Cấu Việt Nho “

( [nghiepdoansinhvien@gmail.com](mailto:nghiepdoansinhvien@gmail.com) )

Thân chào quý Anh Chị Em

*Chung tôi rất vui mừng khi biết được Hội nhà Văn đã in ra sách của GS Kim Định để tìm Sinh lộ cho Dân tộc, các bạn đã đem biếu tặng cuốn **Cơ cấu Việt Nho** cho nhiều người, cuốn đó là nền tảng ( Cơ cấu ) của nền Văn hoá Việt. Tôi xin cảm ơn và xin phép được góp vài ý :*

*Trước hết, tôi xin giới thiệu Bút hiệu của tôi là Việt Nhân, (: công dân Việt tìm hiểu về Văn hoá Việt ), hiện ở nước ngoài, tôi cũng có tìm hiểu về Văn hoá Việt Nam theo Công trình của Giáo sư Kim Định về **Việt Nho và Triết lý An Vi**, trong đó cuốn **Cơ cấu** ( Structure ) **Việt Nho là Nền tảng quan trọng**.*

#### VIỆT NHO

*Nền tảng của Việt Nho và Triết lý An vi là **Cơ cấu Ngũ hành**, nền tảng của Cơ cấu Ngũ hành là ở **Đồ hình và Số độ** được cấu tạo bởi **trục Tung và trục Hoành giao nhau** ( cũng gọi là **Thập tự nhai** ) có **Tâm đối xứng là Hành Thổ**.*

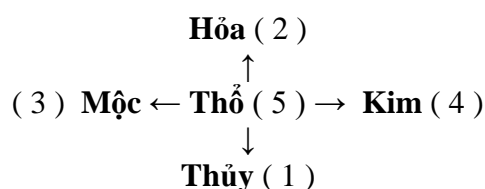
*Đồ hình cho Cơ cấu,*

*Số độ cho Nội dung.*

*Trục Tung ( Dọc )*



*Hình Thập tự nhai*



## Đồ hình và Số độ Ngũ hành

Thổ được định nghĩa là “ **Hành vô Hành, Địa vô Địa**” nghĩa là tuy gọi là Hành ( agent chứ không là element ) nhưng Thổ chẳng phải Hành như 4 hành kia , tuy là Địa ( Thổ ) nhưng cũng chẳng phải là Địa, nghĩa là Thổ không phải là Đất, nhưng **Thổ đóng vai trò quan trọng trong Ngũ hành, Thổ là Tâm đối xứng của Trục Tung ( Time ) và trục Hoàn ( Space ), hành Thổ ( tương tự như Black Hole ) giúp cho Time và Space trở thành Time – Space – continuum của Einstein.**

( Xem SPACE.com. *Warping Time and Space* )

**Thổ ở Trung cung đóng vai trò Tâm đối xứng đóng vai trò điều phối sự tương tác của các cặp Đối cực sao cho đạt thế Quân bình động, làm động cơ luôn Tiến bộ và Ổn định trong Vũ trụ, chứ không thể đem ra ngoài để cho có đủ 5 góc của Ngũ sao!**

Hỏa

↑

**Thổ**

↓

Thủy

### **Đối xứng trên Trục Tung**

Mộc ← **Thổ** → Kim

### **Đối xứng trên trục Hoàn**

Nhờ Vai trò điều hợp của Thổ giúp hai cặp Đối cực: Thủy / hỏa, Mộc / kim “ **tương thôi** “ với nhau, nghĩa là tìm cách Hòa giải với nhau ( Cò kè bớt Một thêm Hai ) sao cho đạt trạng thái **Quân bình động** hầu được luôn Tiến bộ và Ổn định, đó là cuộc Hoà giải Lưỡng lợi, không bên nào hoàn toàn Hơn, bên nào hoàn toàn Thiệt, Nho bảo là : “ **Chấp kỷ lưỡng đoan**” và “ **doãn chấp quyết trung** “. Khi hai bên đạt trạng thái Quân bình động thì gọi là **Âm / Dương Hòa** , tuy là Tạm thời ở những Không điểm và Thời điểm khác nhau, nhưng luôn luôn Hòa, nhờ vậy mới Tiến bộ .

Đối với các cặp đối cực của Dịch thì Thổ đóng vai trò Điều phối viên của Đối cực hay là chất xúc tác giúp các **cặp đối cực** tương tác với nhau để Biến hoá trong trạng thái Quân bình động ( dynamic equilibrium ) hay tương tự như chất xúc tác ( catalyst ) trong Hoá học làm khởi động và **điều hòa phản ứng Thuận / Nghịch** , nếu không có chất xúc tác kích hoạt, thì phản ứng không xảy ra, cũng vậy, khi thiếu Thổ thì Ngũ hành chỉ là ngũ tố ( element ) không tương tác với nhau được, vì thiếu động lực xúc tác; đối với Vũ trụ thì Thổ là Dynamic force ( số 5 ) mà

Einstein cho là  $E = mc^2$  ( Nguồn Năng lượng Tình Yêu hay Nguồn Tâm linh sáng tạo ra Vũ trụ ).

**Đây là nền tảng của Dịch lý ( Việt )**

Đối với Tổ Tiên Việt thì Ngũ hành là tạo Hoá Lư ( Lò Cừ ) hay nguồn Sinh sinh Hóa Hóa của Vũ trụ.

#### **4 Hành xung quanh:**

**Thủy** ( Vạn Vật chi nguyên ): **Biểu tượng** cho **Vật chất**.

**Hỏa** ( Năng lượng ): **Biểu tượng** cho **Tinh thần**.

**Mộc** ( Cây cối ) : **Biểu tượng** cho **Sinh vật**.

**Kim** ( Kim khí ); **Biểu tượng** cho **Khoáng chất**.

**Bốn hành: Thủy, Hỏa, Mộc, Kim : Biểu tượng** cho **Thế giới Hiện tượng** nhờ sự biến hóa của 2 cặp Đối cực Thủy / Hỏa; Mộc / Kim.

**Thổ** (  $E = mc^2 \rightsquigarrow$  Black Hole ) là **nguồn Năng lực sáng tạo ra Vũ trụ, giúp điều phối các cặp đối cực Biến hóa.** ( Xem SPACE.com. Warping Time and Space )

Các cặp đối cực:

**Thủy / Hỏa, Mộc / Kim** là Biểu tượng cho **Hữu**,

Còn **Thổ** Biểu tượng cho **Vô**.

**Vô / Hữu** chính là **Thái cực Âm / Dương**.

**Vì vậy nếu đem hành Thổ ra trần một Góc để Ngũ hành trở thành Ngôi sao 5 cánh là phá đổ hết tất cả nền móng của Việt Nho và Triết lý An Vi.**

Thiếu Thổ đóng Vai trò Tâm Đối xứng là thiếu Động lực điều phối cuộc Biến hoá, Vũ trụ sẽ bị Tiêu diệt vì mọi Biến hóa đều bị ngưng trệ. Làm việc này chẳng khác nào khi ăn quả Cam thì ăn Vỏ bỏ Ruột!

( Lấy một ví dụ đơn giản cho dễ hiểu: Vợ /Chồng là **cặp đối cực ngược nhau**, ( opposite term ) muốn kết hợp thành **Một Thể Xác một Tâm Hồn** ( Dual unit:  $2 \rightarrow 1$  ) thì phải dựa theo **Tiêu chuẩn Nhân / Nghĩa**: Có **Nhân** là **Yêu thương nhau** thì mới tìm đến ăn ở với nhau, khi ăn ở với nhau thì phải hành xử theo **Nghĩa** tức là **Lễ phải Người phải Ta** mà hòa với nhau hàng ngày đặng **Thuận Vợ thuận Chồng** mới sống yên vui với nhau được . Trong trường hợp này **Thổ** là **nguồn của Tính / Nghĩa** .

**Khi thiếu Động lực Tinh Nghĩa ( tức là Thổ ) thì Vợ chồng Ly tan hay gia đình biến thành Tổ nóng hay Tổ lạnh. )**

Việt Nho được tạo thành toàn bằng các Biểu tượng:

Một mặt, các **Biểu tượng về Đồ hình** từ Thái cực tới Lương nghi, Tứ tượng, Bát quái tới 64 quẻ. Đây là Biểu tượng bằng Đồ Hình của nền Văn hoá vô ngôn, sau chót mới có Hệ từ.

Đây là các **Biểu tượng của Dịch** gồm các cặp đối cực được xếp theo thứ tự lớp lang, nên mang theo tinh thần Triết lý An vi.

### **Hán Nho của Tàu chỉ chú trọng vào Dịch lý với 64 quẻ để Bóc phê**

Mặt khác, các **Biểu tượng về Đồ hình và Số độ kết hợp** là Biểu tượng cho Cơ cấu và Nội dung Việt Nho: Từ Đồ hình và Số độ Ngũ hành, tới Vòng trong vòng ngoài, Việt Tinh cương, Lạc Thư, Hà Đồ, Đồ Thư hợp nhất, Cửu trù, Hồng phạm.

Đây là biểu tượng cho Cơ cấu và Nội dung của Nho: Việt Nho mang Tinh thần Triết lý An vi.

### **Đây là phần Việt Nho dặt nặng hơn về Triết lý Nhân sinh**

Các Kinh điển đều từ Cơ cấu và Nội dung mà ra.

## **TRIẾT LÝ AN VI**

Triết lý An vi có nền tảng là cặp Đối cực theo Dịch lý, là Triết lý của Hoà giải, của Hoà hợp ( Philosophy of reconciliation , hay Philosophy of Harmony ) trong trạng thái Tiến bộ và Ổn định ( Quân bình động: Dynamic equilibrium ) giống như Phản ứng Thuận / Nghịch trong Hoá học , nhờ “ **Chấp kỳ lưỡng đoan: đối phương chấp nhận nhau ( chứ không Mâu thuẫn thống nhất để loại trừ đối phương )** “ và **Doãn chấp quyết Trung: Tìm sự thoả thuận đâu đây giữa hai Bên theo Tiêu chuẩn Nhân / Nghĩa hay Nhân ái và Lý công chính, đây là giải pháp lưỡng lợi ( win – win solution )** .

Triết lý An vi là nguồn Động lực tạo nên Trạng thái Hoà của nền Văn hoá Dân tộc.

Triết lý An vi cũng là Triết lý Hoà giải.

## **TÓM LẠI**

Việt Nho là Cơ thể của Triết Lý An vi

Triết lý an Vi là Linh hồn của Việt Nho

**Việt Nho & Triết lý An vi : Nền Văn hóa Thái hòa Việt**

**Cần soạn cho được Bộ Sách Dân tộc gồm 4 Pho:**

### **I.- KINH**

**Văn hoá Việt đặc biệt có hai Dòng:**

**I.- Dòng Văn gia thì có Kinh Điển với Lục Kinh**

- 1.- Kinh Thi:** Kinh Dân viết Sách ( Ca dao, Tục ngữ )
- 2.- Kinh Thư:** Kinh Dân làm Chủ
- 3.- Kinh Dịch:** Kinh về thuật Quyền Biến
- 4.- Kinh Lễ:** Khi Người ở với Người
- 5.- Kinh Xuân Thu:** Kinh Đem Đạo lý Nhân sinh vào Đời
- 6.- Kinh Nhạc:** Kinh Hòa: Bà Chúa của Nghệ thuật

**II.- Dòng Chất gia thì có Ca dao Tục ngữ: Văn chương Truyền khẩu**

**Tuy hai Dòng, nhưng nền Văn hóa: Văn gia / Chất gia **Viết được thống nhất nơi Thái cực.****

### **II.- TRIẾT**

- 1.- Triết Đông ( Vô vi )**
- 2.- Triết Tây ( Hữu vi )**
- 3.- Triết lý An vi = Triết Đông ( Vô vi ) / Triết Tây ( Hữu vi ) lưỡng nhất.**

( Xem cuốn **Trùng phùng Đạo nội** . Kim Định )

### **III.- SỬ**

#### **1.- Huyền sử**

*Dân tộc nào cũng bắt đầu chọn **Vật Tổ** thăng hoa thành **Vật Biểu** qua Huyền thoại để kết tinh **Tinh thần Dân tộc** mà lập **Quốc** . Hoa kỳ có **Vật Tổ** là chim Ưng qua **Vật biểu** **Great Seal of USA**, Pháp có Gà cổ, Đức có Gấu, Tàu có Rồng, Riêng Việt Nam có **cặp Chim Rắn** thăng hoa thành **Tiên / Rồng**, đó là cặp đối cực của **Dịch lý Việt**, được tổng quát thành Âm Dương của **Dịch**.*

## 2.- Lịch sử

*Lịch sử là Sử của những Biến cố Phế hưng hay Thăng Trầm qua trường kỳ Lịch sử. Đó là sự thể hiện của tinh thần Dân tộc qua Huyền thoại nơi xã hội.*

## IV.- VĂN

### 1.- Cổ Văn ( Kinh, Truyện )

### 2.- Kim Văn ( Văn dĩ tải Đạo lý Nhân sinh )

*Việt Nho là nền Văn hoá được kết cấu theo khuôn mẫu Thái cực, ( Nhất nguyên lưỡng cực, ( xem The end of science ) tức là các Tiểu Thái cực được sắp xếp theo cách đối xứng như khung Ngũ hành để duy trì sự Biến hoá trong trạng thái ổn định. ( Tìm xem Bảng Nguyệt lệnh )*

### Hình Bìa của cuốn Cơ cấu Việt Nho

*Tiếc thay! Cái Hình ngoài Bìa của cuốn Việt Nho mà quý Vị có nhã ý biếu tặng có Hình thức không mang theo Cơ cấu của Việt Nho cũng như Nội dung thiếu vắng tinh thần Triết lý An vi tức là sự Biến dịch theo Dịch lý để vừa Tiến bộ vừa luôn ổn định, nên đã đánh mất “ Vi Ngôn Đại Nghĩa “ tức là thiếu vắng Đông lực “ Đại Đạo Âm Dương hoà “ , nên đã dẫm vào lốt chân của Hán Nho bá đạo. ( Dịch của Tàu chỉ có Độc cực Rỗng ! )*

*Chúng tôi chẳng dám khuyên bảo điều gì, nhưng theo Thiển Ý thì quý Vị nên đính chính cách nào đó lại cái Hình bìa cuốn Cơ cấu Việt Nho để khỏi gây ngộ nhận, chứ Nội dung của Việt Nho đã có Cơ cấu bảo vệ.*

*Việt Nho không thể bị thất truyền như Khổng giáo, vì đức Khổng chỉ mới thuật được cái Khảm của bức tranh tức là Nội dung của Văn hóa phương Nam mà chưa có cái Khung ( Tức là Cơ cấu Văn hóa ) để bảo vệ cái Khảm ( Nội dung ) của bức tranh Văn hóa.*

*Đàng này Văn hóa Việt đã có bộ Cơ cấu: 2 – 3, 5 vững chãi rồi, không thể xuyên tạc được như Hán Nho:*

*Số 2: Vũ trụ quan động*

*Số 3: Nhân sinh quan Nhân chủ*

*Số 5: Tâm linh: Nguồn Sống & nguồn Sáng ( Trục Thủy / Hỏa )*



**Nhờ Cơ cấu xuất phát từ Thái cực, nên Việt Nho và Triết lý An vi có khả năng làm một cuộc Tổng hợp Đông, Tây, Kim, Cổ với viễn tượng Thế giới Hoà Bình.**

( Xin xem cuốn “ **Khi Đông / Tây giao hội** “ của Việt Nhân )

### LỜI KẾT

Đọc qua các bài trên, có lẽ không ít Vị cho rằng những thứ đó là những giá trị đã lạc hậu, đã lỗi thời, tìm tòi gì cho tốn công vô ích, ngày nay nhân loại đã Văn minh hơn đã có chế độ Dân chủ với Nhân Quyền và Tự do rồi, cứ thế mà sống theo thời đại, nhưng nên nhớ người Tây phương có Văn hoá Tây phương phù hợp với sinh hoạt Dân chủ của họ, còn Nhân dân chúng ta chưa quen, nên cũng gặp rất nhiều trở ngại, đành rằng chúng ta có thể học thêm lấy những tinh hoa “ Thích hợp “ mà canh tân mình, giúp nước.

Nhìn lại nền Văn hóa nước nhà, chúng ta thấy có Giá trị đặc biệt mà chưa có nền Văn hoá nào trên thế giới có được, đó là “ **Truyền thống Thân tộc** “ bắt nguồn từ **Nguyên Lý Mẹ của Huyền Tổ mẫu Âu Cơ** của nền Văn hoá , được gói gắm nơi Ca dao Tục ngữ, giúp ai ai cũng hiểu, dễ nhớ, lại có cách dễ làm, mọi dân Việt Nam đều đã có làm, nhưng nay đã xem thường nên đã quên dần mới sa đọa..

Qua **Truyền thống Thân Tộc** thì mọi người trong nước, dầu là Thượng hay Kinh, dầu ở Bắc, Trung, Nam, dầu quen hay lạ, hễ gặp , **hễ mở miệng ra gọi nhau là Bác, Chú, Thím , Cô, Dì, Dượng, Con, Cháu . .** một cách rất thân tình, còn **Cha Mẹ** thì gọi là **Song thân**, không có nghiêm phụ như Tàu, **bản chất Văn hoá Việt là Thân thân** với Khoan hoà nhu thuận, **Bản chất Văn hoá Tàu là Tôn tôn: Tôn Quân làm Thiên Tử, chuyên dùng bạo lực để bành trướng.**

Theo Văn hoá Dân tộc thì **mọi người ở trong Nước Việt Nam đều là Đồng bào, không coi ai là kẻ thù mà chỉ có kẻ Tót người Xấu, chúng ta chỉ chống loại người có Tư tưởng Tham tàn và hành động Cường bạo mà thôi.**

Đây là Kinh Thư, Kinh Dân viết sách của Chắt gia về **Tình / Nghĩa Đồng bào**, đây là những viên Ngọc quý, sao nỡ bỏ đi mà gọi nhau là Đồng hương ? !

Nào là **Tính Đồng bào** ( lòng yêu thương đùm bọc nhau ) với những viên Ngọc quý như:

Anh Em như thể Tay Chân

Chị ngã Em Nâng

Môi hờ Răng lạnh

Lá Lành đùm lá Rách, lá Rách bọc lá Tả toi

Máu chảy *Ruột mềm*  
 Tay đứt *Ruột xót*  
 Nhiều điều phủ lấy *giá gương*  
 Người trong một nước phải thương nhau cùng

Bầu ơi! **Thương** lấy **Bí** cùng  
 Tuy rắng khác **giống** nhưng chung một **Giàn**

Anh Em cốt nhục **Đồng bào**  
 Nữ Tâm sao lại hại nhau cho đành

Một cây làm cẳng nên non  
 Ba cây chụm lại thành hòn núi cao.

Vui ca lên! **Thượng** và **Kinh**  
 Người trong Nước Anh với Em  
 Em với Anh cùng Họ hàng ( bis )  
 Khua Chiêng lên, đập Cồng lên  
 Tiếng Cồng qua mái tranh  
 Qua lũy tre vào rừng già ( bis )

( *Bài hát vui* )

....

Nào là **Nghĩa Đồng bào** hay lẽ sống *Công bằng* để hòa với nhau:

Có Đi có Lại, mới Toại Lòng nhau

Cục Đắt ném Đi, Hòn Chì ném Lại

Ở cho Phải phải, Phân phân.

Cây Đa cây Thần, Thần cây Cây Đa

Ở Đồi Khôn / Dại chia Đồi

...

**Tất cả các câu trên đều được đượm Tinh thần Dịch Lý trong cuộc Sống, cuộc sống Hòa theo mẫu mực Âm / Dương hoà, để ý mà xem mỗi câu trên đều là các cặp Đối cực của Dịch và để ý vào cách cư xử với nhau theo Tiêu chuẩn Tình Nghĩa nhập thần để sống Hoà với nhau.**

“ Trai mà chi, Gái mà chi!

“ Sao cho Ăn / Ở Nhân / Nghì ( Nghĩa ) mới nên.”

Hãy nhìn lại các câu trên ta thấy toàn cặp Đối cực theo Dịch lý:

Anh / Em  $\sim$  Tay/ Chân

( $\sim$ : dấu Tương đương với )

Chị / Em  $\sim$  Ngả / nâng

Môi / Răng  $\sim$  Hở / Lạnh

Lá lành / Lá Rách  $\sim$  Đùm / Bọc

Máu / Ruột  $\sim$  Chảy / Mềm

Tay / Ruột  $\sim$  Đứt/ Xót

Có Đi / Có Lại  $\rightarrow$  Toại Lòng

Cục Đắt / Hòn Chì , Ném Đi / Ném lại

Phải phải / Phân phân

Thần / Cây Đa  $\leftrightarrow$  Cây Đa / Thần ( Sống theo mối Liên hệ hai chiều )

Khôn / Dại =  $\frac{1}{2}$

*Phải chăng cuộc sống thể hiện **Tình thần Dịch lý** theo mẫu mực **Âm / Dương Hoà** đã ngấm vào tận xương tuỷ của Nhân dân Việt Nam? Thử hỏi Dịch Tàu có được phổ cập như vậy không ?*

*Nhân / Nghĩa hay Tình / Nghĩa Đồng bào là cặp Đũa Thần, sao nữ đem vất đi, mà bên ba khắp chốn rước Hận Thù Giai cấp đấu tranh, kiên định lập Trường Giai cấp Vô sản, coi nhau là kẻ thù, mà Tàn Dân hại Nước, lý do là đã Lạc Hồn Dân tộc, Dân của con Rồng Cháu Tiên có chiều dài Lịch sử gần 5 ngàn năm, đâu có là chuyện hoang đường, chỉ hoang đường với những ai coi thường Biểu tượng Tiên Rồng để sống buông thả mà thôi.!*

*Nên nhớ, đây là nền Văn hoá có Tính cách Tự Nội ( Nội khởi ), mình có tự ý làm, mọi người có tự tu luyện mới có được, không thể vọng Ngoại mà có, cây đũa Thần không bao giờ có ở nơi xa mà uống công tìm !*

*Phải chăng đây là Tình thân Đoàn kết Dân tộc, là Viên đá tảng Quốc gia Dân tộc mà chúng ta đã quên bằng lâu ngày, trong khi đó cứ loay hoay khắp chốn mà rờ phải của Độc ngoại xâm !*

*Xin nhắc lại: Huyền thoại Tiên Rồng chỉ là Biểu tượng về Nhân phẩm cũng như Tinh thần Dân tộc, đâu phải chuyện hoang đường, vì;*

**“ Cháu Tiên phải là kẻ Thông tuệ, cao cả.  
Con Rồng tất không thể là con Người Yếu hèn :**

**“Là Cháu Tiên thì phải cao cả:**

**Cao cả là khi con Người Biết lấy Đạo Lý ( Nhân sinh ) làm Luật, lấy Nhân ái làm cách Xử thế, lấy Tinh thần ( Công chính) làm trọng, và khi đó con đường Tâm linh trở nên một đường lối tối ưu quan trọng đi tới Lòng Nhân ái là Gốc của con Người.”**

**“Là Con Rồng tất không thể Yếu hèn:**

**Yếu hèn là khi Nhân loại dơ Quả Đấm lên làm Luật, lấy Miếng Ăn làm lẽ Sống duy nhất, lấy Đấu tranh Đâm chém làm Vinh quang, nhưng những thứ này tạo ra Bất công, gây khổ đau cho con Người và làm rối loạn Xã hội “.**

( Những Dị biệt Triết lý Đông Tây. Kim Định )

*Sống trên đời thì cuộc sống Hoà với nhau là khó khăn nhất vì phải có Thân Hùng Tâm Dũng mới đạt, còn lối sống vác gươm giác hùa nhau đi chém giết, cướp bóc nhau để làm kẻ anh hùng thì xem ra có phần dễ hơn, nên Tổ tiên chúng ta đã có Câu: **Khảng khái tùng Vương dĩ, thung dung tự Nghĩa nan:** Hăng hái theo Vua, theo đảng đánh Đông dẹp Bắc, chém giết nhau thì dễ, còn cứ thung dung mà sống Công chính để Hoà với nhau suốt đời mới khó, đó là lối sống khác nhau giữa Người Quân tử với kẻ Phàm phu.*

*Điều này giúp chúng ta nhận ra cuộc sống Hoà của các Tôn giáo và Văn hoá Cha ông là đỉnh cao của cuộc sống Nhân loại.*

*Luật Trời rất công minh, Gieo thứ gì thì Gặt quả nấy ( Luật Giá Sắc ), Cá nhân hay Quốc gia Dân tộc không thể thoát được, vì lưới Trời tưởng là thưa, nhưng không thứ gì có thể lọt qua ( Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu ), Trời cho mọi người đều có quyền Tự do Lựa chọn, Lựa chọn là quyền Thiên liêng, nhưng “ chọn thứ nào thì Trời trao của đó “.*

**Tùy thích mà Lựa chọn:**

**Chung Sống Hoà theo Nhân / Nghĩa mà yên vui với nhau, hay cứ:**

**Theo thói : Khôn Độc Đại Đàn, Tham Dĩa bỏ Mâm mà Chém giết, Cướp bóc nhau làm một Nhóm anh hùng để cùng đìm nhau vào trong Hỏa ngục?**

**Mỗi người đều có hai trách nhiệm; Một cho trách nhiệm cá nhân, Một cho trách nhiệm Liên đới với mọi người trong xã hội và môi trường, nên mỗi người phải chu toàn cả hai mới trọn Đạo làm Người. Hầu như chúng ta đang quên về trách nhiệm Liên đới!**

**Do đó mà Tổ Tiên chúng ta đã cảnh báo: Vi Nhân nan hĩ: Làm Người khó thay !**



*Chúng tôi đã có design hình bìa của một số Sách của chúng tôi. ( Xin trình quý Vị ở Hình Bìa dưới đây.*



VHTH\_8of8\_BookCover (1).pdf

*Xin mở Hình Bìa cuốn Sách của Chúng tôi .*

Trong Ngũ hành thì các Số độ trong hai hành:

**Mộc** ( **Đông**: màu Xanh, **Lục**: số 3 )

**Hỏa** ( **Nam**: màu Đỏ: số 2 )

và **Thổ**: nền màu Vàng, tương trưng cho **Thổ** ( số 5 ).

2-3, 5 là **Cơ cấu của nền Văn hoá Đông Nam** của Dân tộc:

**Số 2** là cặp đối cực của Dịch lý: **Vũ trụ quan Đông**

**Số 3** là **Tam tài** là môi trường sống của con **Người Nhân chủ**: **Nhân sinh quan Nhân chủ**

**Số 5**: **Tâm linh** : là nguồn **động lực sinh sinh hoá của Vũ trụ** ( **Thổ** : 5 ),

Trục Tung < Tâm linh > : **Thủy** là **nguồn Sống** ( **Vật chất** ) và **Hỏa** là **nguồn Sáng** ( **Tinh thần**: Nhân/ Nghĩa )

**Thổ** là nguồn **động lực giúp tạo nên cảnh Thái hòa của nền Văn hóa Thái hòa Việt giúp cho** : **Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hòa.**

Thân kính,

Việt Nhân

[nvietnhan27@yahoo.com](mailto:nvietnhan27@yahoo.com)

Xin quý Vị xem thêm 2 cuốn:

1.-**Dịch Tàu, Dịch Việt, Văn hoá Việt, Văn hoá Tàu** để nhận rõ sự **Đồng Dị** giữa hai nền Văn hoá, nhất là **Dịch Việt khác Dịch Tàu.**

2.- **Khi Đông Tây giao hội** để nhận rõ **Việt Nho** và **Triết lý An vi** là một **Tổng hợp Đông, Tây, Kim, Cổ**, vì được bắt nguồn từ **Thái cực.**

Xin kèm theo Danh sách 14 tác phẩm của Việt Nhân và Nguyễn Quang trên [vietnamvanhien.net.index](http://vietnamvanhien.net.index). để quý Vị tùy nghi:

**Bộ Sách Văn Hoá Thái Hòa Việt Tộc (14 tác phẩm):**

(bấm vào từng tác phẩm để đọc tiếp)

- 1- [Văn Hoá Đông Nam - Việt Nhân](#)
- 2- [Văn Hiến Việt Nam - Việt Nhân](#)
- 3- [Đạo Lý Xử Thế - Nguyễn Quang](#)
- 4- [Việt Nho Trong Lòng Dân Tộc Việt Nam - Việt Nhân](#)
- 5- [Hội Nhập Văn Hóa Á Âu - Việt Nhân](#)
- 6- [Đạo Lý Xử Thế II - Nguyễn Quang](#)
- 7- [Sơ Thảo Về Vấn Đề Giáo Dục - Việt Nhân](#)
- 8- [Tìm Về Cội Nguồn Văn Hoá Dân Tộc - Việt Nhân](#)
- 9- [Khi Đông/Tây Giao Hội - Việt Nhân](#)
- 10- [Dịch Tàu, Dịch Việt - Văn Hóa Việt, Văn Hóa Tàu - Việt Nhân](#)
- 11- [Tìm Về Hồn Thiêng Sông / Núi - Hầu Chân Hưng Tình / Nghĩa Đồng Bào - Việt Nhân](#)
- 12- [Triết Lý An Vi Và Việt Nho Với Quốc Kế Dân Sinh - Việt Nhân](#)
- 13- [Việt Nho Và Triết Lý An Vi Với Lộ Đồ: Tu, Tề, Trị, Bình - Việt Nhân](#)
- 14- [Tìm Về Cội Nguồn Sử Việt - Nhân Chân ... "Nhiễm Khuẩn" Hân Thù "Giai Cấp Đấu Tranh" - Nguyễn Quang](#)

### *Xin chú ý*

14 cuốn sách đều được đăng trên mạng đều có hai dạng: Một theo DOC, một theo pdf.

Để cho tiện khi đọc, quý Vị nên chọn dạng DOC, mỗi cuốn đều có Mục lục với Chương, Mục, mỗi Mục đều có Tiểu mục để giúp cho các Anh Chị Em giới trẻ dễ nắm vấn đề. Khi mở ra, Quý vị lần tới Mục lục đầu cuốn, muốn đọc Mục nào thì nhìn vào trang Mục lục, chọn Bài nào Mục nào thì chia arrow con chuột vào Mục đó hay số trang liên hệ, một mặt nhấn vào Ctrl key, mặt khác nhấp right mouse con chuột thì nó mở ra ngay, nên rất tiện cho việc tra cứu, không phải lần từng trang như trong dạng pdf.

Hy vọng sẽ giúp Quý vị được phần nào.

### **Tham khảo**

## **THE END OF SCIENCE**

( Cứu cánh của Khoa học )

( **The Dancing Wu - Li ( Physics ) Masters.**

## Chapter 1. P. 281- 285 )

Chúng tôi dùng Thí nghiệm Khoa học dưới đây để xác minh những Biểu tượng Xưa của Á Đông cũng như của Việt Nam như **Hình Thái cực Âm / Dương** mà chúng ta tưởng là quê mùa , nhưng thực sự lại rất phù hợp với Khoa học hiện đại.

Cấu trúc Việt Nho và Triết lý An Vi đều là những Biểu tượng của những Tiểu Thái cực kết nên **Đồ hình và Số độ Ngũ hành**, những Biểu tượng này rất phù hợp với khoa học Lượng tử ngày nay. **Huyền Thoại Tiên / Rồng của Mẹ Âu Cơ và Cha Lạc Long cũng là hình ảnh của một Tiểu Thái cực .**

Thái cực hay Tiểu Thái cực đều là **Nhất nguyên Lương cực** hay là **cặp Đối cực Lương nhất** .

( Xem thí nghiệm Two particle system of miscellaneous spin và Two particle system of zero spin ) dưới đây:

The vital aspect of the enlightened state is the experience of an all pervading unity. **“This “ and “ that “ no longer are separate entities. They are different forms of the same thing.** ( Vạn vật đồng nhất thể, Vạn vật tương liên, Đa / Nhất lưỡng hợp ) **Everything is a manifestation** ( Tuồng ảo hóa đã bày ra đó của nhà Phật ). It is possible to answer the question. Manifestation of what? **Because the “what “ is** ( Cái đang là hay Nhiên như ) that which is beyond word, beyond concept, beyond form, beyond even space and time. Everything is a manifestation of that which is That which is .( như nhiên hay cái đang là của nhà Phật ), is Beyond these words lies the experience, the experience. The experience of that which is.

The forms through which that which is manifests itself are each and everyone of them perfect. **We are manifestations of that which is. Everything is a manifestation of that which is. Everything and everybody is exactly and perfectly what it is.**

A fourteen- century Tibetan Buddhist, Longchenpa, wrote:

**Since everything is but an apparition .**

**Perfect is being what it is.**

Having nothing to do with good and bad.

One may well burst out in laughter.

We might say , “ God ‘s in his Heaven and all well with the world “, except that according to the enlightened view, **the world could’nt be any other way. It is neither well nor not well. It simply is what it is. What it is perfectly what it is .** It could’nt be anything else. It is perfect. I am perfect. I am exactly and perfectly who I am. You are perfect. You are exactly and perfectly who you are . If you are - a happy person, then that is what you perfectly are a happy person. If you are unhappy person, then that is what you perfectly are – an unhappy person. If you are a person who is changing, then that is what you perfectly are – **a person who is**



**changing. That which is is that which is. That which is not is that which is. There is nothing which is not that which is. There is nothing other than that which is. Everything is what which is. We are a part of that which is. In fact, we are that which is.**

If we substitute “ **subatomic particles** “ for people in this scheme, we have a good approximation of **the conceptual dynamic of particle physics**. Yes, there is another sense in which **this aspect of unity has entered physics**. The pioneers of quantum physics noticed a **strange “ connectedness”among quantum phenomena**. Until recently this oddity lacked any theoretical significance. It was regarded as an accidental feature which would be explained as then theory developed.

In 1964, J.S Bell, a physicist at the European Organisation for Nuclear research (CERN ) in Switzerland. Zeroed in on this strange connectedness in a manner that may make it the central focus of physics in the future. Dr. Bell published a mathematical proof which came to be known as **Bell’s theorem**. Bell’s theorem was reworked and refined over the following ten years until it emerged in its present form. Its present form is dramatic, to say the least.

Bell’s theorem is a mathematical construct which, as such, is indecipherable to the nonmathematical. Its implication however could affect profoundly our basic world view. Some physicists are convinced that it is the most important single work, perhaps, in the history of physics. One of the implication of Bell’s theorem is that, at a deep and fundamental level. **The “ separate part “ of the universe are connected in an intimate and immediate way.**

In short, Bell’s theorem and the enlightened experience of unity are very compatible.

The unexplained connectedness of quantum phenomena show itself in several ways. The first way we already have discussed. **It is the double – slit experiment** ( page 60 ).

**Then both slits in a double slit experiment are open, the light waves going through them interfere with each other to form a pattern of alternating light and dark bands on a screen.**

**When only one slit in a double- slit experiment is open, the light wave going through it illuminate the screen in the ordinary way.**

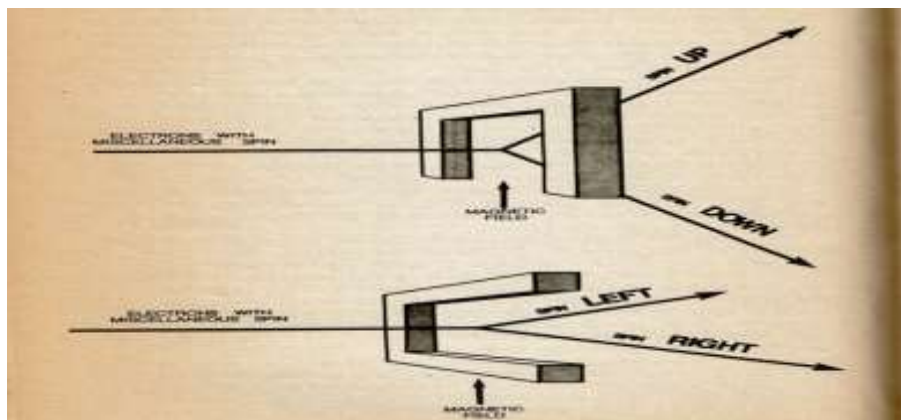
**How does a single photon in a double- slit experiment know whether or not it can go to an area on the screen that must be dark if both slits are open?**

The good multitude of photons of which a single photon eventually will be a part distributes itself in one way if one slit is open, and in an entirely different way if both slits are open.

The question is, assuming that a single photon goes through one of the two slits, *how does it know whether or not the other slit is open?* Somehow it does. **An interference pattern always forms when we open both slits, and it never forms when we close one of the slits.**

However, there is another experiment in which this apparent connectedness of quantum phenomena is even more perplexing. Suppose that we have what physicists call a **two particle system of zero spin**. (Thí nghiệm về Nhất Nguyên Lượng cực hay Tiểu Thái cực )

This means that the spin of each of the particles in the system cancels the other.

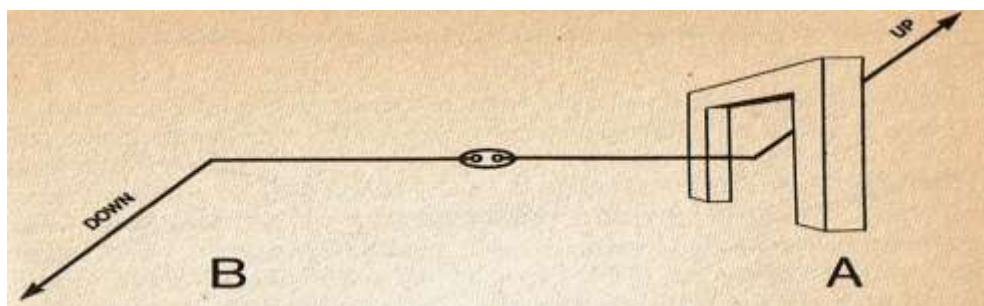


Electrons with **miscellaneous spin**    Magnetic Field

If one of the particles in such a system has a spin up, the other particle has a spin down. If the first particle has a **spin right**, the second particle has a **spin left**. No matter how the particles are oriented, their spins are always equal and opposite.

Now suppose that **we separate these two particles in some way that does not affect their spin** ( like electrically ). **One particle goes off in one direction and the other particle goes off in the opposite direction** . The spin of subatomic can be oriented by a magnetic field. For example, if a beam of electrons with randomly oriented spin is sent through a particular type of magnetic field ( called a Stern- Gerlach device ), **the magnetic splits the beam into two equal smaller beams**. **In one of them all of the electrons have a spin Up and in the other all of the electrons have a spin Down.**

If only one electron goes through this magnetic field, it will come out of it with either a spin Up or a spin Down ( drawing at the end of the text ).If we reorientate the magnetic field ( change of axis ), we can give all of the electrons a **spin right** or a **spin left** instead of a spin up or a spin down. If only one electron goes through this magnetic field when it is oriented this way, it will come out of it with either a spin right or a spin left ( equal chance either way )



Two particle system of **zero spin** ( in the middle )      Magnet A

Now suppose that after we separate our original two – particle system , we send one of the particles through a magnetic field that will give it either a spin up or a spin down.

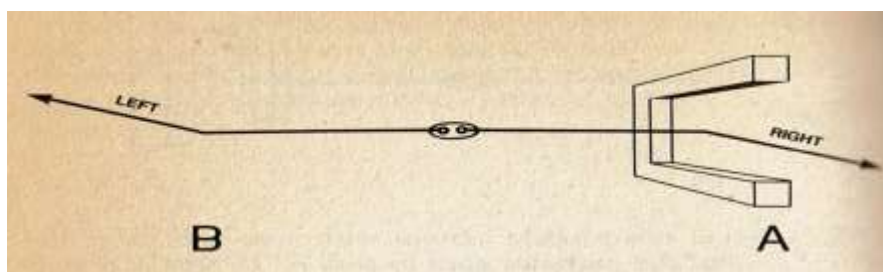
In this case, let us say that the particle comes out of the magnetic field with a spin up. This means that we automatically know that the other particle has a spin down. We do not have to make a measurement on the other particle because we know that its spin is equal to the opposite to that of its twin.

The original two particle system with zero spin is at the center/ One of the particles goes to area A. In area it goes through a Stern – Gerlach device. In this case , the Stern – Gerlach gives out a spin up. There fore,we know without measuring that the other particle, which has gone to area B, has a spin down. “ .

... .

In 1935, Einstein,Podolsky, and Rosen published their thought experiment in a paper entitled, “ Can Quantum Mechanical Description be considered Complete ? At that time, Bohr, Heisenberg, and the proponent of the Copenhagen Interpretation of Quantum Mechanic, were saying that quantum theory is a complete theory even though it doesn’t provide any picture of the world separate from our observation of it. The message that Einstein, Podolsky, and Rosen wanted to convey to their colleagues was that the quantum theory is not a “ complete” theory because it does not describe certain important aspects of reality which are physically real even if they are not observed. The message that their colleagues got however, was quite different. The message that their colleagues got was that the particles in the Einstein – Podolsky - Rosen thought experiment somehow are connect in a way that transcends our usual ideas about causality.

For example, if the axis of the Stern-Gerlach device ( a particular type of magnetic field ) in our hypothetical experiment were changed to make the particles spin right or left instead of up or down, the experiment would look like this:



This particle in area A would have a spin **right** instead of spin **up**. This means the particle in area B would have a spin **left** instead of spin **down**. Its spin is always equal and opposite that of its twin.

Now suppose that the axis of the Stern-Gerlach device is changed while the particles are in flight. Somehow the particle traveling in area B “knows” that its twin in area A is spinning **right** instead of **up** and so it spins **left** instead of **down**. In other words *what we did in area A (changed the axis of the magnetic field) affected what happened in area B.*

This strange phenomenon is known as the Einstein – Podolsky – Rosen (EPR) effect.

## Tái bút

*Thưa các bạn,*

*Sự bất quá Tam, trong buổi sơ kiến, mà chúng tôi đã quá dài lời với 3 bức thư, có thể làm phiền quý bạn, nhưng nay chúng tôi đã quá già, không biết khỏe yếu lúc nào, nay đang làm được, thì cố gắng làm, **người Trước bắt tay với Lớp sau** với hy vọng để cho Mạch sống của Dân tộc được lưu thông, hầu khai thông Sinh lộ cho Dân tộc.*

*Bản chất của Văn hoá là Tự do, chấp nhận hay không là tùy theo sự hiểu biết của đôi bên, hy vọng chúng ta sẽ góp được chút công ích cho con Người và Dân tộc.*

*Xin các bạn thông cảm và đa tạ.*

*Hy vọng thay!*

*Thân chào các Bạn,*

**Việt Nhân**

Trong ba bức thư trên, chúng tôi bàn về Giáo sư Kim Định như là một nhà Văn hoá Dân tộc độc nhất vô nhị, vì là người duy nhất chứng minh Việt Nam không những có Văn hoá mà là một nền Văn hoá siêu việt, nền Văn hoá có Cơ cấu dẫn tới một Tổng hợp Đông, Tây, Kim, Cổ.

Bài của Ông Phạm Huy Thông bàn về Giáo sư Kim Định như là một Triết Gia lớn nổi bật ở Việt Nam, T.G. không những thông suốt cả Triết lý Đông ( Vô vi ), Tây ( Hữu vi ), mà còn tổng hợp nên Triết lý An vi ( Vô vi / Hữu vi Lưỡng nhất ) nữa.

---

## Triết gia Kim Định

( Luan Nguyen [kimluan@comcast.net](mailto:kimluan@comcast.net) ) chuyển

## Linh mục Lương Kim Định - Triết gia Việt đầy tràn

### Tinh thần Dân tộc

PHẠM HUY THÔNG

Thứ bảy, 27 Tháng 10, 2018 02:28

Tôi phải xấu hổ mà thú thật rằng, dù cùng là đồng hương Bùi Chu, cùng đồng đạo Công Giáo và cũng theo đuổi môn Triết học với ông mà chúng tôi không biết ông là ai vì trước những năm 2000, ở miền Bắc chẳng sách vở nào nhắc đến tên ông. Gần đây, chúng tôi mới tìm hiểu về ông và thật ngưỡng mộ ông. Đó là một Triết gia lớn của Dân tộc Việt Nam, tràn đầy Tinh thần Dân tộc, tràn đầy lòng Yêu nước. Ông là Linh mục Lương Kim Định.

Ông sinh ngày 15-6-1915 (có tài liệu nói năm 1914), tại Trung thành, Hải Hậu, Nam Định. Ông đi tu và được phong linh mục năm 1943. Ông học Triết tại Giáo hoàng học viện Alber le Grand, sau đó về dạy Triết tại Đại chủng viện Quỳnh Phương. Năm 1947, được gửi đi học ở Học viện Công Giáo Paris (Institut de Paris) và Học viện Cao học Trung Hoa Paris (Institut des Hautes Etudes Chinoises, Paris). Năm 1958 về nước là Giáo sư Triết học Đông phương tại Học viện Bảo Tịnh, đại học Văn khoa Sài Gòn, viện đại học Vạn Hạnh... Ông cùng vài giáo sư khác như Nguyễn Văn Thích, Nguyễn Đăng Thục sáng lập ra khoa Triết học phương Đông ở Đại học Văn khoa Sài Gòn năm 1958.

Sau 30-4-1975, ông qua Hoa Kỳ rồi mất ngày 25-3-1997 trong đau yếu, bệnh tật. Ông để lại 45 tác phẩm (không kể một số tác phẩm thất lạc) và gây ra tranh cãi cho nhiều người cho đến tận hôm nay. Nhưng dù thế nào cũng phải công nhận ông là Triết gia lớn của Việt Nam của thế kỷ XX, tràn đầy tinh thần Dân tộc mà như GS Trần Văn Đoàn (Đài Loan) nhận xét trong cuộc hội thảo ngày 18-1-1997: “Kim Định vượt xa Trần Đức Thảo trong lĩnh vực suy tư và trong tinh thần Ái quốc cũng như sự Nhiệt tâm của kẻ Sĩ”. Sách báo ở Việt Nam hiện nay chỉ ghi nhận GS Trần Đức Thảo là Triết gia duy nhất. Như vậy là chưa đủ và làm nghèo Triết học Việt Nam.

## 1- Lương Kim Định là Triết gia lớn

**Ông không chỉ là một trong những người sáng lập ra khoa Triết học Phương Đông ở Đại học Văn khoa Sài Gòn mà còn là người để lại nhiều tác phẩm Triết học sâu sắc. Trong đó, tác phẩm đầu tiên ra đời năm 1965 là cuốn “Nhân bản”, ông đã phác thảo nên một ngành Triết học mới. Đó là Triết Việt hay Việt Nho hay An Vi. Ông viết:**

“An Vi tương đương với An hành. Vô vi sẽ là đối cực với Hữu vi. Nói An Vi chính là quân bình đang đứng giữa Hữu vi và Vô vi. Còn nói chung vì nó là đọt Trung dung: Hữu nhược Vô, Thực nhược Hư (có mà như không, thực mà như giả). Phải tế vi lắm mới đạt được cái rất mỏng manh nhỏ bé và vô ý một chút là ngã sang Hữu hoặc Vô” (1).

Ông chỉ ra đặc điểm của Triết Việt, liên quan trực tiếp đến nền Văn hóa phương Đông:

**“Triết Việt cũng đã vươn lên đến đọt Tâm linh nên đã đi từ Thơ ca, Vũ Nhạc đến Minh triết, không duy Lý hay duy Tình nhưng Tình Lý bao lấy nhau. Dấu bên ngoài của sứ vụ đó theo như Tục lệ cúng Ông Bà vươn lên lễ Gia tiên. Dù Thượng Đế nhân hành vươn lên Hạp Thiên “vô thành vô xứ”. Chỗ nào cũng suy ra nét Song trùng Dọc với Ngang, Trên với Dưới, nhờ vậy tránh được nạn Duy Lý để trở nên nền Triết lý Nhân sinh toàn diện. Đó là Nhân chủ, tức con Người, không bị tước đoạt mà còn giữ được, còn làm Chủ được Mệnh hệ của mình” (2).**

**Trước đây, nhiều người tin rằng Triết học chỉ có ở phương Tây, con phương Đông cùng lắm chỉ có Triết lý. Lương Kim Định cũng cho rằng, Đông phương thiên về Minh triết và Triết lý, còn Tây phương thiên về Triết học. Trong cuốn “Những dị biệt giữa hai nền Triết lý Đông Tây”, ông đã chứng minh khá rõ những điều khác biệt giữa Đông và Tây nhưng đã khẳng định phương Đông trong đó có Việt Nam có một nền Triết học sâu sắc, biết vượt lên những hạn chế của Triết học Tây phương, một nền Triết học vĩ đại nhưng theo ông là Một chiều hoặc Duy Tâm hoặc Duy Vật:**

**“Nói vắn tắt thì từ ông Tổ Triết học Tây Âu cho đến nay chỉ có thứ Triết học một chiều thôi. Tuy cũng có những trường hợp ngoại lệ, nhưng nó chỉ như cánh nham lẻ loi giữa tiết đông tuyết lạnh, không làm nên được mùa xuân với muôn hoa sắc vì không được chính quyền công nhận nên đời sống xã hội vẫn nằm bẹp dưới đất như chính Triết học... Thế nghĩa là Văn minh Tây Âu có rực rỡ huy hoàng đến đâu, cũng mới là cái ngai vàng của Oedipe không mang lại Hạnh phúc trường tồn, còn làm thui chột con Mắt thứ ba, chính là Tuệ nhãn nên chỉ nhìn thấy Nhị kháng mà không thấy ra chỗ Hòa, đành chọn Một bỏ Một, thành ra đủ thứ Duy, mà đã Duy kiểu này hay Duy kiểu khác đều quanh quẩn từ 1 sang 4 và từ 4 về 1 hoài mà không tìm ra đàng thứ 3. Ôi Triệt tam, Triệt tam”**

Logic của Aristote dứt khoát khẳng định hoặc Có hoặc Không chứ không có Vừa Vừa Có vừa Không, tức là Triệt tam. Triết học phương Tây cũng rất sâu sắc khi bàn về quan hệ của các sự vật, hiện tượng trong không gian, thời gian nhưng rất ít quan tâm đến con Người.

**Lương Kim Định cho rằng, Triết học phải lấy con Người làm trung tâm. Ông viết:**

**“Muốn hiểu biết về con Người, cần phải biết địa vị của con Người trong Trời Đất, trong Vũ trụ hay nói theo Triết học là trong Không gian. Nhận thấy Cơ cấu Thời – Không đang sụp đổ, tác giả đi gõ cửa những nhà khoa học lớn như Einstein với thuyết Tương đối trong Không gian, Thời gian như Chiều kích thứ Tư của vạn vật, rồi đi gõ cửa các Triết gia hiện đại nhất như Heidegger, tác giả cuốn “Hữu thể và thể giác”. Sau đó trở lại với Đông phương, khảo sát quan niệm chữ Thời trong Kinh Dịch, Kinh Thi, chúng ta**

sẽ có được sự thích thú khi nhận ra sự gặp gỡ Tây Đông trên bậc tối Thượng. Chúng ta khám phá ra những ý tưởng sâu thẳm tiềm ẩn trong Tam tài, Ngũ hành, Hồng nhan, Thái thất... Với nền Triết lý của Lịch pháp phương Đông, đặt nền trên Huyền sử, cung cấp cho chúng ta chìa khóa để mở kho tàng bí ẩn của nền Văn hóa nước nhà nhằm xây đắp một nền Triết lý Việt Nam mới hợp với cảm quan của con người thời đại”

Vì vậy, **Lương Kim Định chủ trương xây dựng một thứ Đạo đó là “Đạo Nhân”, Đạo của con Người.** Xưa nay, các lý thuyết Triết học chia ra ba loại:

Lấy Thượng đế làm chủ gọi là Thiên chủ.

Có loại lấy Vũ trụ vạn vật là Chủ gọi là Vật chủ.

Còn ông, lấy con Người là Chủ nên gọi là Nhân chủ.

Ông đưa ra câu ca dao:

“Có Trời mà cũng có Ta

“ Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều”

để khẳng định, người Việt đã biểu thị ý thức Nhân chủ từ lâu rồi. Tư duy đó mềm dẻo:

**“Sự vật có là có, không là không nhưng với con Người thì là uyển chuyển, Có mà Không, Không mà vẫn Có. Nói theo Huyền số thì đó là con số 3. Tất cả túi khôn Đông phương nằm trong số 3 đó... Đề thấy rõ sự uyển chuyển của Cơ chế này cần đối chiếu với Cơ chế Tây Âu đi theo lối 2 là 2, mà cụ thể là Tư sản với quyền Tuyệt đối, nên chỉ có Nhị đối kháng là Tư sản với Vô sản. Đó là đầu mối gây tai họa trầm trọng cho đến ngày nay giữa Tư bản và Vô sản... Chính sự bám víu nọ gây ra nạn Vô sản tức cảnh huống những người không có tài sản. Đã không có Tài sản tất trở nên Nô lệ. Thế là trong xã hội phân ra có Chủ Nô, có Giai cấp tiếp đến là có Giai cấp đấu tranh liên tục. Trái lại Việt xưa theo lối vào uyển chuyển nên không theo Tư bản hay Vô sản mà theo lối Bình sản tức là đứng giữa Tư bản và Vô sản, uyển chuyển giữa Có với Không” (5).**

Số 3, chính là Triết lý An Vi mà ông khởi xướng và có hàng trăm nhóm An Vi ( *Việt* ) sau này đã thành lập theo Tư tưởng của ông xuất hiện ở nhiều nước như Hoa Kỳ, Anh, Úc, Pháp... Ông viết:

**“Một Trời, hai Đất, ba Người”. Ba người là một nét đặ trưng cho Triết lý An Vi, coi người như một Tài ngang với Trời, Đất nên còn gọi là “tham thông”, cả ba cùng tham dự. Nếu Trời làm thì Đất làm và con Người cũng làm. Có làm mới tham thông, mới là một Tài trong ba Tài. Con Người khác con vật ở chỗ tham dự, cùng làm đó nên còn gọi là Nhân chủ. Con Người làm Chủ sự vật. Không giữ được điều đó thì là Vật chủ tức con Người để cho sự Vật sai khiến. Ví dụ coi Tiền tài Sản vật cao hơn Mình, hơn Người, hơn những mối Nhân luân. Đó là Vật chủ. Còn tin tưởng vào số mệnh, định mệnh, con người không còn giữ lại cho mình quan hệ nào để có thể sửa phạt mình. Đây gọi là Thiên chủ, Thần chủ”**

Ông vẫn quan niệm Triết học là một khoa học hiểu biết chắc chắn, nguyên nhân sâu xa về sự vật hiện

tượng nhưng Triết Tây hiểu thế giới nhưng quên biến cải con Người, triết Ấn Độ thì trốn Đời tìm nơi cực lạc. **Để khắc phục những thiếu sót của các lý thuyết Triết học trên thế giới, cả Đông lẫn Tây, theo Lương Kim Định là phải từ bỏ Triết học một chiều, tiếp nhận Triết học hai chiều, phải kết hợp cả Vật chất lẫn Tinh thần, đặc biệt Triết Việt phải có chiều kích Tâm linh.** Ông khẳng định:

“Karl Marx chê ông Hegel là đi ngược: đầu ở dưới đất, hai chân giơ lên trên nên chữa lại cho biện chúng đi hai chân lên đất thành ra Duy vật biện chúng. Mao Trạch Đông đã triển khai cuộc cách mạng của ông bằng quyền “Mâu thuẫn luận” theo đúng tinh thần của Hegel và Marx. Đó là đối kháng, thiếu vòng sinh...Phương Tây đã đánh mất nét Song trùng mà Heidegger gọi là đánh mất nét Gấp đôi (two foldness), nên dùng làm túi, đồng hóa Người với Vật, biến Người thành công cụ sản xuất, không thấy con người là vật Linh thiêng nữa. Đánh mất nét Song trùng rồi còn thấy sao được chiều kích Tâm linh. Chỉ nhìn bằng con mắt Duy vật thì tất nhiên con Người xuất hiện như những con Vật và Nhà nước tha hồ quản lý mặt hàng”

**Lương Kim Định cho rằng, chính số 3 làm nên sự khác biệt của Triết Việt.** Từ trong các truyện Thần thoại, đã sử cho đến các hiện vật Văn hóa của Việt Nam như cái Đình, Trống đồng, cúng Gia tiên... đều thấm đẫm con số 3 Huyền thoại đó. Ông viết:

“Số 3 chỉ Nhân chủ là Người tự làm lấy Vận mệnh của mình, không quá suy phục trời như Duy tâm, cũng không quá phục tùng Đất như Duy vật mà cư xử như một Chủ trong ba Chủ, một Tài trong ba Tài: Trời, Đất, Người. Nhờ đó con Người có thêm tự do hay làm cho con Người biết liên đới vô cùng mà không bị vong Thân đặt tiền tài trên con Người. Trái lại, con Người là Nhân chủ luôn biết trọng Nhân Nghĩa hơn tiền tài. Lập trường này bao hàm: một là Có, hai là Không và Ba là vừa Có vừa Không một trật” (8).

Nói về triết gia Lương Kim Định sẽ có nhiều ý kiến tranh biện. Đây là cơ hội rất tốt, để những quan niệm của ông có dịp được đào sâu. Nói như GS Nguyễn Ngọc Bích ở Đại học Georgetown, Hoa Kỳ sẽ công bằng hơn:

“Nếu có ai hỏi tôi rằng, có nên đọc (Lương Kim Định) hay không thì tôi xin thưa ngay, dứt khoát là có. Tại sao, tại vì nếu ta không nhất thiết phải đồng ý với hết cả ý kiến của ông, ta cũng sẽ được làm thân với những bộ óc Triết lý lớn nhất nếu không của Nhân loại thì cũng là của Việt Nam. Tôi nói điều này trong sự cân nhắc cũng không khác gì tôi sẽ trả lời cho câu hỏi: có nên đọc Platon hay Aristote không? Đã nhất thiết gì chúng ta đồng ý với Platon trong tác phẩm Le Republique, nhưng ai không đọc tác phẩm đó chắc chắn sẽ mất đi một mảng hiểu biết rộng lớn về Triết học phương Tây. Cũng như không đọc Kim Định cũng không sao, ông sẽ từ tồn mà An vì nhưng một ngày kia, người ta sẽ tỉnh mộng nhìn thấy cái mất mát to lớn của mình”

## 2-Một triết gia đầy tinh thần Dân tộc

Đọc các tác phẩm của Lương Kim Định thấy đa số đều xuất phát từ Hiện thực của Việt Nam. Từ những câu Ca dao, chuyện Truyền thuyết, Thần thoại trong kho tàng Cổ tích Việt. Từ chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh đến chuyện Nữ Oa vá trời, chuyện Quả dưa hấu... Từ chuyện của người Kinh đến chuyện của các Dân tộc thiểu số như Đẻ trứng, đẻ nước, Dam Đông, sông Ba... Chuyện nào ông cũng nhìn thấy Triết lý sâu sắc của ông cha gửi gắm lại. Theo ông:

“Huyền thoại chính là tự truyện của một Dân tộc bao hàm những kinh nghiệm tích lũy từ trong sản



**xuất, lao động Tiên tổ kết tinh lại. Xuyên qua đó thường được kể lại bằng những nét lung linh cái sứ mệnh của Dân tộc nên đó quả là những di bảo thiêng liêng chứa chấp những miền tinh thần của Tiên thức”**

Chỉ một đoạn đồng dao: “Phụ đồng phụ chôi/ Thối lỗi mà lên. Ba bề bốn bên/ Soi lên cho chóng...” là ông đã nhìn thấy cái ẩn ý Triết lý sâu sắc của cha ông về hồ Ba Bể, nguyên lý Tam tài, nguyên lý Mẹ...những tinh hoa của Triết lý Việt:

**“Việt Nam đã có triết lý. Không những thế, nó có cả Triết lý Bình dân và nó đặc biệt ở chỗ nó không khác Triết học bác học về nội dung mà chỉ khác về Trình độ và Ngôn ngữ. Đây là nét đặc trưng... Bác học hay Bình dân cũng thế cả chỉ khác nhau về sự trình bày để thích nghi với trình độ học thức mà thôi”**

**Suy tư bất cứ hiện vật Văn hóa nào, ông cũng nhận ra cái Hồn của người Việt.** Chẳng hạn biểu tượng của nước Pháp là con Gà, Ấn Độ là con Voi, Đức là Chim ưng, Anh là Sư tử. Trung Quốc trước là Hồ sau là Rồng. Chỉ có Việt Nam là nhận cả đôi là Tiên, Rồng. Người Việt cũng thích nói kép: đình đám, học hành, cưới xin. Trung Quốc chỉ có đơn âm... Về cái đình làng, ông viết:

“Cái đình có thể coi là đỉnh chót vót của nền Văn minh Việt. Nền Văn minh này đặt trên nền tảng gia đình, nhiều gia đình hợp thành khu, xóm, ấp và đặt đến cùng là làng. Nhà của làng là đình. Đây là nền Văn hóa xây trên Đất, Tha nhân, Trời hòa, Đất hòa. Nói cụ thể là hòa Đạo với Trời, hòa Siêu nhiên với Tự nhiên” (12).

Ông trần trở về Tình yêu nước nhạt phai trong một số Người nhất là lớp Trẻ. Chỉ ra nhiều hiện tượng đáng buồn nhưng không phải là quy tội, bắt bẻ trách nhiệm của ai mà mục đích là **thức tỉnh người Việt trong cũng như ngoài nước để “gọi Hồn nước về”**. Cái Hồn đó siêu việt không hiện hữu nhưng cũng chẳng phải vô hình như gió thổi vô hình nhưng làm lay động cây cối và người ta lại rất dễ nhận ra đặc trưng của nước Việt:

**“Thực trạng tình huống nước ta mấy chục năm qua. Cũng có đủ cả việc cướp nước, bán nước và bán Hồn nước. Vì có một số người vào hòa với ngoại bang làm giàu trên xương máu Đồng bào và đau thương của Dân tộc. Cũng từ đây xảy ra việc nhiều người xem vào gương Tiên Tổ thì chẳng còn thấy bóng dáng của mình đâu nữa. Thấy sao được vì đã bị ngoại bang lấy đi rồi và Hồn cũng có phải là vật cụ thể hiện ra thù lù trước mắt đâu, nhưng là cái Siêu linh như ẩn như hiện, có mà không, không mà có. Nếu Tấm lòng yêu nước thương nòi đã phai nhạt thì xem vào tấm gương mới mẻ là cái nước chậm tiến, lạc hậu này thấy sao được Hồn nước. Nếu nước Việt không có Hồn, dân tộc Lạc Việt không có Tính chất đặc trưng”**

Khi đã định cư tại Hoa Kỳ nhưng ông vẫn canh cánh tấm lòng với nước. Năm 1989, ông thành lập hội Việt Linh (*An Việt*) chủ trương dạy tiếng Việt cho lớp trẻ con cái người Việt sinh ra ở Hoa Kỳ. Ông cũng kêu gọi thành lập các ban nghiên cứu các lĩnh vực, quy tụ những nhà khoa học người gốc Việt làm việc với nhau để có thể giúp cho trong nước những lĩnh vực còn yếu nhất là về khoa học kỹ thuật. Ông cũng quan tâm nhiều đến giáo dục nước nhà để làm sao tạo ra những thế hệ vừa thành nhân vừa thành công.

Ông cũng đưa ra nhiều tiên đoán như đến năm 4047 thì sự khác biệt Tây Đông sẽ không còn nữa mà cả Nhân loại là khối thống nhất và đến năm 5047 người ta không còn chú trọng vào vấn đề kinh tế, chính trị khoa học kỹ thuật nữa mà chú trọng vào lĩnh vực Tinh thần nhất là Tôn giáo. Trên tinh thần Dân tộc, ông đưa ra hai giả thuyết khoa học làm đảo lộn những nếp nghĩ lâu nay đã hằn sâu vào nếp nghĩ của nhiều người trong đó có cả giới nghiên cứu. Ông cho rằng, cả chữ Nho lẫn đạo Nho đều do người Việt đặt

ra trước rồi người Tàu mới công thức hóa lại sau nghĩa là làm cho chau chuốt, nuột là hơn. Vì thế Nho là của chung Tàu Việt và ông gọi là Việt Nho:

**“ Một là Bách Việt làm chủ khu vực nước Tàu trước người Tàu. Hai là người Bách Việt chủ xưởng ra Nho giáo, người Tàu chỉ làm cho hoàn bị cũng như làm cho sa đọa ra Hán Nho... Triết học của Nho giáo chính là của Việt giáo hay nói cách khác Nho là Việt, Việt là Nho và vấn đề khẩn thiết lúc này phải tìm ra phương cách khai quật lên cho bằng được Đạo lý của Việt Nho. Nhất là phần Cơ cấu của Việt Nho đã bị Hán Nho vùi dập. Âm dương, Ngũ hành bị biến cách tới độ phù phép, còn Tam tài thì không ai nhận ra ý sâu xa của nó nữa”**

Khoa lịch sử Khảo cổ học cũng như Di truyền học ngày nay với những phát hiện mới đang chứng minh những giả thuyết của Lương Kim Định hoàn toàn không phải là hoang đường.

Có những phê phán của Lương Kim Định với Triết học Mác hay Chủ nghĩa xã hội gây nghi ngại trước đây, bây giờ chính những người nghiên cứu triết học Mác xít cũng gạt bỏ nó như vấn đề mâu thuẫn đối lập, chuyên chính vô sản...

Cho nên đã đến lúc cần đặt ra là Tái bản các tác phẩm của Lương Kim Định và nghiên cứu về ông nhất là cho giới Triết học và Văn hóa, Giáo dục.

*Hà Nội, nhân 20 năm mất của Lương Kim Định (1997-2017)*

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)

